

hiện đại

tháng năm - 1960

MAI THẢO

MẶC ĐỒ

THANH TÂM TUYỀN

THÁI THỦY

VĨNH LỘC

SEAN O'FAOLAIN

NGUYỄN SA

LUÂN

CON MẮT CÓ ĐUÔI

BUỔI SÁNG CHỦ NHẬT

CHƯA HẾT

ĐÀN CHIM SẼ

TRỐN

MÂY BAY ĐI

NHỮNG CÁNH CỬA MỞ VÀO VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

Nguyễn Duy Diễm : TÌNH YÊU TRONG THI CA VIỆT NAM *

Lữ Hổ : HOA TRONG MỘT HỒN THƠ *

Lưu Trung Khảo : TÌNH BẠN TRONG VĂN CHƯƠNG CỔ VIỆT NAM *

Lê Xuân Khoa : TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM *

Hoàng Anh Tuấn : MẪU CHÍNH CHIẾN TRONG THƠ VIỆT *

Đình Hùng : Ý NIỆM SIÊU HÌNH TRONG VĂN HỌC

2

Chủ trương biên tập :

NGUYỄN SA

Tòa soạn : 36, Nguyễn-an-Ninh - Saigon

Tạp chí
Hiện Đại
số 2

tháng năm - 1960



Paris * 09.2025

Phục dựng : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Hiện Đại số 2

NHỮNG CẢNH CỬA MỞ
VÀO VĂN CHƯƠNG
VIỆT NAM

HIỆN ĐẠI số 2
Saigon * tháng 5-1960

NỘI DUNG SỐ NÀY

1. Hiện Đại	11
Trình bày Hiện Đại 2	
Những cánh cửa mở vào văn chương	
2. Nguyễn Duy Diễm	16
Tình yêu trong thi ca Việt Nam	
3. Lữ Hồ	46
Hoa trong một hồn thơ	
4. Lưu Trung Khảo	73
Tình bạn trong văn chương cổ V. N.	
5. Lê Xuân Khoa	95
Triết lý nhân sinh trong văn chương Việt Nam	

6. Hoàng Anh Tuấn	110
Màu chinh chiến trong thơ Việt	
7. Đinh Hùng	123
Ý niệm siêu hình trong văn học	
8. Nguyễn Sa	140
Mây bay đi	
9. Đinh Hùng	161
Đơn sơ	
10. Mặc Đỗ	169
Con mắt có đuôi	
11. Vĩnh Lộc	197
Đàn chim sẻ trong thành phố	
12. Hoàng Anh Tuấn	222
Một nửa	
13. Thái Thủy	225
Chưa hết	
14. Ngọc Dũng	229

Những tiếng nói thầm

15. Trần Thy Nhã Ca 232

Hé môi sâu

16. Thanh Tâm Tuyền 234

Buổi sáng chủ nhật

17. Sean O'Foulain 265

Fugue * Trồn _ Hoàng Hải Thủy dịch

18. Vương Dư 294

Đường về của đời người

19. Mai Thảo 315

Luân

20. Hoang Vu, 353

Viên Linh, Vũ Dạ Khúc: Mang mang;

Bài phượng liên; Thú tội.

21. Nhìn bảy chân trời 359

Sĩ Mộc - Thy Liên - Lê Nghi - Lê Trọng
- Quốc Phong

Hiện Đại, với sự đồng ý của các văn hữu, trân trọng loan báo để các bạn mua báo dài hạn (1 năm) được biết rằng chúng tôi sẽ gửi biếu quý bạn một trong những cuốn sách liệt kê dưới đây – tùy sự lựa chọn của quý bạn với bút tự của tác giả:

* Mặc Đỗ: Siu cô Nường (truyện dài); Bốn mươi (truyện dài)

* Mai Thảo: Tháng giêng cỏ non (truyện ngắn)

* Thanh Nam: Buồn ga nhỏ (tập truyện ngắn này sẽ ấn hành xong vào cuối tháng 6-60.)

* Doãn Quốc Sỹ: Gìn vàng giữ ngọc (truyện ngắn)

* Nguyễn Sa: Quan điểm văn học và triết học; Thơ; Gõ đầu trẻ (truyện ngắn)

Trình bày Hiện Đại 2

Hiện Đại 1 được làm thành trong niềm tin tưởng, to lớn, vững chãi. Tờ báo số 1 ấy được thúc đẩy bởi niềm tin to, vững bao nhiêu thì tờ báo tháng này bị chi phối bởi sự lo âu lớn rộng bấy nhiêu. Sự lo âu này xuất hiện không phải là vì niềm tin tưởng kia đã tan biến. Trái lại. Sự tiếp nhận thân yêu của người đọc với Hiện Đại 1 đúc kết trong năm trăm lá thư gửi về đã là nguồn gốc của mỗi lo âu hiện tại. Mỗi lo có thể biểu lộ bằng ý nghĩ: làm thế nào mỗi lần góp được một cánh hoa thật tươi mát vào khu vườn

văn nghệ mà dân tộc đã tạo nên tự ngàn xưa? Cho nên, nếu niềm tin tưởng ban đầu đã là một động cơ tạo thành Hiện Đại 1 thì mỗi lo hôm nay là lực lượng không lồ làm thành những số Hiện Đại kế tiếp.

Với tình cảm lo âu, dấu hiệu của một niềm vui trong sáng nhất, chúng tôi gửi đến người đọc Hiện Đại 2:

– với « Những cánh cửa mở vào văn chương Việt Nam » của Nguyễn Duy Diễm, Lữ Hồ, Lưu Trung Khảo, Lê Xuân Khoa, Hoàng Anh Tuấn, Đinh Hùng.

– những sáng tác văn xuôi của Mai Thảo, Mặc Đỗ, Thanh Tâm Tuyền, Hoàng Hải Thủy, Vĩnh Lộc...

– những tác phẩm thơ của Đinh Hùng, Thái Thủy, Hoàng Anh Tuấn, Ngọc Dũng, Trần Thy Nhã Ca.

*– và nhận định về sinh hoạt văn nghệ
trong những ngày tháng đã qua của Sĩ
Mộc, Quốc Phong, Lê Trọng, Trần Hạnh,
Lê Nghi...*

Hiện Đại

Những cánh cửa mở vào văn chương

Sự sáng tạo những tác phẩm mới thường được thể hiện một phần nhờ sự suy tưởng về những tác phẩm cổ điển. Sự bén rễ vào những kinh nghiệm cổ xưa, sự ý thức về những sự kiện dù xa cũ là một trong những điều kiện thiết yếu đưa người yêu mến văn nghệ đến chỗ thể hiện tác phẩm mới.

Chính vì thế người đọc tìm thấy ở Hiện Đại “những cánh cửa mở vào văn chương Việt Nam”. Lối vào ngôi nhà văn

chương rộng lớn của chúng là thật ra rất nhiều. Nó là một kiến trúc phức tạp gồm hàng trăm, hàng nghìn cánh cửa lớn, nhỏ mở ra không gian. Do đó, trong kích thước nhỏ hẹp của tạp chí này chúng tôi chỉ đi vào một vài trong trăm, nghìn cánh cửa bởi lẽ tham vọng mở rộng tất cả những cánh cửa của ngôi nhà lớn ấy có thể đẩy người yêu mến văn chương Việt Nam vào một mê hồn trận không có lối về.

Ở đây, Nguyễn Duy Diễn mở rộng mặt trời tình ái, Lữ Hồ yêu mến màu sắc của thơ, Lưu Trung Khảo nói về tình bạn, Lê Xuân Khoa say mê với triết lý nhân sinh, Hoàng Anh Tuấn mô tả lửa chiến tranh và Đinh Hùng suy tưởng về những ý niệm siêu hình chứa đựng trong thơ văn nước Việt.

Hiện Đại

TÌNH YÊU TRONG THI CA VIỆT NAM

Nguyễn Duy Diễm

Từ một thuở hoang sơ nào, đất trời mới khởi nguyên, mây chưa trắng và nước biển chưa xanh, chim trên cành còn ngỡ ngàng tiếng hót, thì người đàn ông và người đàn bà đầu tiên – ta cứ tạm cho là Adam và Eva – từ cát bụi đã được tạo nên theo hình ảnh của Thượng Đế. Giữa khung cảnh hoang rợn lung linh một vùng ánh sáng mờ nhạt lạnh lẽo như màu bạc cũ, cái cảm giác

tất nhiên của hai con người đó là sự ngỡ ngác, sự cô đơn, sự trống rỗng của tâm hồn trước vũ trụ mênh mông. Và không cần phải là một nhà khảo cổ hoặc nhà tâm lý học uyên bác, ta cũng có thể quyết đoán mà không cần phải dè dặt là, sau một phút ngưng ngừng, e then, họ nhìn nhau luyến ái, rồi nép vào nhau để tìm lấy một nguồn an ủi, một lẽ sống. Và câu nói đầu tiên – nếu quả lúc đó, Tạo hóa đã cho họ tiếng nói để tự diễn tả – thì họ cũng không thể nói câu nào khác hơn là câu nói đã được bộc phát từ tâm hồn: “anh yêu em” hoặc “em yêu anh” hay ít ra là một câu nói tuy thô sơ nhưng cũng là để diễn tả cái ý đó.

Chỉ sau khi họ đã phát lộ được ý tưởng đó và đã cũng thông cảm, cũng rung động thì họ mới nhìn thấy mây trên trời trắng hơn, màu nước biển xanh hơn,

hoa mới bắt đầu thơm và quả mới bắt đầu ngọt, tiếng gió reo trong cây, tiếng chim hót trên cành mới trở nên náo nức và biến thành một bản nhạc nhịp nhàng, từng bừng trong ánh sáng.

Tình yêu của con người đã tới trước và từ đó đã phát sinh ra cái đẹp của Thiên Nhiên, cái linh hồn bao la của Vũ Trụ. Và kỳ lạ thay, cũng phải qua cái lăng kính (prisme) của tình yêu – tình yêu trong người ta mới thực nhìn thấy cái Vĩ Đại của Thượng Đế cũng như cái bất diệt của Linh Hồn. Cho nên hầu hết những con người “biết yêu” đều là những con người “biết tin tưởng”.

Vì là nguồn tình cảm căn bản của lòng người, cho nên từ ngàn xưa, khi mà con người chưa có văn tự, cho tới ngày nay, khi mà nền văn minh đã phát huy tất cả những hào quang của nó, từ

con người ẩn náu trong những hang hốc, mình cuốn lá cây và da thú, cho tới những con người sống trong những ngôi nhà chọc trời, móng chân đánh đỏ chót và mặc quần áo bằng... nylon, tình yêu vẫn mãi mãi là đề tài phong phú, có thể gọi là bất tận, cho thi ca và nghệ thuật. Sự rung cảm của lòng người trước tình yêu tuy mỗi thời hoặc ở mỗi giai cấp xã hội dù có những điểm cá biệt về hình thức: câu “anh yêu em” hay “em yêu anh” có thể hoặc gói ghém hay bộc lộ một cách trực tiếp bằng ngôn ngữ; hoặc gói ghém bộc lộ một cách gián tiếp bằng một nụ cười trao duyên, một khóe mắt gợi tình, một cử chỉ triu mến; hoặc bằng một nỗi nhớ nhung xa xôi, có khi bằng một giọt lệ ngập ngừng. long lạnh như một vì sao sắp rớt xuống. Hai chữ “tình yêu” có khi viết hăng chữ ngã, chữ nghiêng, chữ đứng, lại có khi trân trọng viết bằng

chít hoa trên giấy xanh, giấy hồng hoặc khắc bằng những nét sâu đậm, ngàn đời không phai, vào đá tảng ở ngọn núi, ven nguồn v.v. . tùy sở thích của từng con người, của từng hoàn cảnh, của từng thời đại. Nhưng cái rung động trong khi diễn tả trong khi ghi lại thì bao giờ cũng chỉ là một: đó là sự thiết tha, sự chân thành, và rất nhiều khi là sự náo nùng, đau khổ.

Cho nên nhận xét về tình yêu trong thi ca Việt Nam là một vấn đề rất phức tạp không thể thu gọn trong một bài báo nhỏ hẹp – Tuy nhiên để đơn giản hóa vấn đề, chúng ta có thể, căn cứ vào bản sắc của nó, chia ra làm ba loại:

1) Tình yêu trong ca dao (bao hàm tính chất cố hữu của dân tộc nói chung).

2) Tình yêu trong thi ca chữ nôm (chịu ảnh hưởng của Trung Hoa).

3) Tình yêu trong thi ca quốc ngữ (chịu ảnh hưởng của Thái tây).

TÌNH YÊU TRONG CA DAO – Tiêu biểu cho nguồn sống bao la của dân tộc Việt Nam là ca dao, đã được phát sinh từ thời nào chưa rõ, nhưng chắc chắn là từ thuở xa xưa, khi mà tâm hồn con người đã biết vui, buồn, thương nhớ. Ca dao chỉ là một câu ca, một điệu hát dùng để bộc lộ nỗi vui, buồn, thương nhớ đó một cách bốn nhiên. Rồi cùng với thời gian, ngôn ngữ của con người cũng trở nên phong phú thì ca dao cũng theo đà mà trở nên phong phú theo. Đề tài của ca dao có thể là thời tiết, công việc đồng áng, những ngày hội, hoặc khung cảnh khoáng đạt của thiên nhiên ở nơi thôn dã v.v... Nhưng xét cho đến cùng đó chỉ là những đề tài phụ, một thứ “thượng tằng cấu tạo”, còn thực ra, đề tài chính

vẫn là tình yêu giữa một đôi trai gái ở nơi ngàn năm đồng ruộng – nó mới đích là “hạ tầng cơ sở” vậy. Giờ những cuốn sách sưu tập ca dao, ta thấy những câu có liên quan đến tình ái chiếm đến ba phần tư tổng số. Điều đó đã chứng tỏ đời sống nội tâm của người Việt Nam nói chung hết sức dồi dào và gần như lẫn át mất đời sống của ngoại giới. Đến cả thiên nhiên cũng không tự nó có giá trị mà chỉ là một phương tiện, một cái cớ để dẫn tới tình yêu. Những câu ca dao làm theo thể hứng, hầu hết, đã đủ chứng minh điều đó:

Trên trời có đám mây xanh.

*Ở giữa mây trắng, chung quanh mây
vàng.*

Ước gì anh lấy được nàng,

Thì anh mua gạch Bát Tràng về xây.

Xây dọc rồi lại xây ngang.

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Hoặc:

Trèo lên cây bưởi hái hoa,

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.

Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc.

Em lấy chồng rồi, anh tiếc lắm thay!

– Ba đồng một mớ trâu cày...

*Sao anh chẳng hỏi những ngày còn
không...*

Vì vậy, ta có thể nói được rằng tình ái có thể coi là trung tâm điểm đời sống của giới bình dân Việt Nam ta. Thiếu nó thì mây xanh, mây trắng, mây vàng,

hoa bưởi, nụ tằm xuân xanh biếc v.v... sẽ không còn có nữa. Tất cả chỉ còn là một sự trầm lặng đến ử ê. Anh đi cày, chị đi cấy sẽ tách rời khỏi thiên nhiên – mà ngắm cảnh thiên nhiên với sự đổi thay của bốn mùa hoa cỏ để làm gì? – và cuộc sống sẽ kéo dài lê thê chẳng khác gì đời sống vô nghĩa của con trâu đương ì ạch kéo cày trong ruộng sâu bì bõm.

Trên đây chỉ là một ví dụ, một giả thuyết mà chúng ta tạm đặt ra, chứ sự thực thì tình yêu sẽ chẳng bao giờ thiếu ở trong những tâm hồn giàu tình cảm của người dân quê Việt Nam và nó đã là nền tảng của nguồn sống bao la của dân tộc. Tình yêu trong ca dao đã phong phú: từ dục dề, e ngại cho tới nổi nhớ niềm vui đều được biểu lộ một cách chân thành trong sáng, mà đến cả bản chất tình yêu đó lại cũng trưng lên những đường nét,

những màu sắc riêng biệt nên có một sức quyến rũ lạ thường. Thực vậy, với những con người dân quê thuần phác ấy, cuộc sống của họ hồn nhiên như thế nào thì tình yêu của họ cũng hồn nhiên như vậy “họ yêu dấu”, nhớ nhung bình dị và tự nhiên như khi họ hô hấp khí trời và ánh sáng. Lòng họ nghĩ thế nào, cảm thế nào thì họ nói ra như thế, không quanh co, không giả tạo, hoặc mập mờ che đậy bằng một mớ kỹ thuật thi ca xảo trá. Ngổ tình, họ chẳng cần phải viết một tập nhật ký, hoặc những tờ thư xanh màu nước biển, phảng phất mùi nước hoa hay vẩy lên đó mấy giọt nước lã để người yêu tưởng là những giọt lệ chung tình v.v... mà chỉ trao cho nhau một miếng trầu nhưng gói ghém ở trong không biết bao nhiêu là tâm sự thầm kín:

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bỏ ra làm tám chiếc anh xơi trâu.

Trầu này tằm những với tằm,
Giữa đêm cát cánh hai đầu quế cay.

Trầu này ăn thật là say,
Đủ mặn, đủ nhạt, đủ cay, đủ nồng.

Dù chẳng nên được vợ chồng,
Xơi năm ba miếng cho lòng nhớ thương.

Nhưng nhiều khi e thẹn, người thiếu
nữ không dám trực tiếp trao trầu, chỉ
ước mong gió thổi miếng trầu tới người
yêu mà thôi:

Thương anh chẳng dám trao trầu,
Để trên bó mạ gió hầu thổi qua.

Người thiếu nữ yêu một cách, tuy chân thành, nhưng kín đáo, người con trai, cũng chân thành, nhưng xông xáo, mãnh liệt hơn, do đó, đã dám bộc lộ những ý nghĩ thầm kín nhất:

Đêm nằm gối găm không êm,

Gối dựa không mềm bằng gối tay em!

Rồi sau đó là sự nhớ thương, sự cô đơn quanh quẩn. Nếu người con trai nhớ thương một cách rất “thi sĩ”:

Sáng trăng vắng vặc đêm rằm,

Nửa đêm về sáng trăng nằm đọt tre.

Em trót yêu anh cho trọn một bề,

Để anh thấp thoáng ngời kề bóng trăng!

thì người con gái lại cũng nhớ thương một cách « thi sĩ » không kém. Hình ảnh

đêm trăng êm đềm ở nơi thôn dã vẫn
luôn luôn xáo trộn, tràn lan ánh sáng
vào nỗi nhớ thương của họ:

Xin anh nghĩ lại kẻ lắm,

Lòng em vắng vặc như rằm trăng thu.

Trăng thu còn có khi mờ,

Lòng em vắng vặc bao giờ cho phai?

Nỗi nhớ thương đó nhiều khi đã
được bộc lộ một cách vô cùng thiết tha:

Qua cầu ngả nón trông cầu,

Cầu bao nhiêu nhịp em sầu bấy nhiêu.

hoặc vô cùng mãnh liệt, những bao giờ
cũng tự nhiên, thuần phác:

Xa anh đau xót vô cùng,

Dựa mai mai ngã, dựa từng từng xiêu.

Trong những tác phẩm văn chương cổ điển, Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, hay Hoa Tiên v.v... những đoạn mô tả nỗi nhớ thương của một đôi trai gái khi phải xa cách rất nhiều. Và đã làm cho chúng ta bùi ngùi cảm động:

*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng
thuyền.*

(Chinh Phụ Ngâm)

Nhưng có lẽ không đoạn nào hoặc câu nào có thể làm cho ta cảm động một cách thú vị bằng nỗi nhớ nhung trong hai câu ca dao sau đây:

*Thương anh chẳng biết để đâu,
Để trong tay áo lâu lâu lại dòm.*

và còn nỗi buồn nào nhẹ nhàng, thấm thía bằng nỗi buồn của một người tình trở lại bến đò xưa, mong gặp lại người yêu, nhưng người yêu vắng người bóng, chỉ còn tro lại cây da dưới bầu trời cô quạnh mà thôi. Cái quạnh quẽ cô đơn ở đây thực không kém gì cái quạnh quẽ cô đơn của một Kim Trọng khi trở lại vườn Thúy, của một Lamartine khi trở lại hồ Bourget:

Trăm năm dù lỗi hẹn hò,

Cây da bến cũ, con đò khác đưa.

Cây da bến cũ còn đưa¹

Con đò đã khác năm qua tê rồi.

Tóm lại: tình ái trong ca dao của ta rất phong phú và được đặt dưới mọi cạnh góc: yêu dấu, hờn giận, nhớ thương

¹ Có bản ghi là thác. Cây da: có bản ghi là cây đa.

v.v... nhưng bản sắc của tình yêu đó rất nhẹ nhàng, tự nhiên bởi nó đã được phát lộ một cách trực tiếp từ đáy lòng của con người dân Việt. Nó mộc mạc, bình dị, nhiều khi rộn ràng trong sáng, không giả tạo, không kiểu cách, giống như đời sống hiền hòa, chất phác của cây cỏ đương đùa giỡn trong gió sớm ở ngoài nội.

TÌNH YÊU TRONG THI CA CHỮ NÔM – Tình yêu trong ca dao hồn nhiên, chất phác bao nhiêu thì tình yêu trong thi ca chữ nôm lại kiểu cách và có tính cách bố trí bấy nhiêu. Vì vậy nó biểu hiện cho một hình thức quan niệm chứ không phải là « hình thức tự nhiên ». Vì dùng nhiều lý trí hơn là trực giác, nhiều suy luận hơn là tình cảm bộc phát, cho nên tình yêu trong thi ca chữ nôm, nhất là trong những tác phẩm dài như Hoa

Tiên, Cung Oán, Chinh Phụ Ngâm, Kiều, Lục Vân Tiên v.v... đều tiến triển theo một đường lối đã được vạch sẵn theo với chủ quan của tác giả. Mà chủ quan của tác giả là gì, nếu không là để ký thác tâm sự, thì cũng là để đạt tới mục đích răn đời, đúng với chủ trương « văn dĩ tải đạo » của Nho giáo. Nếu trong những tác phẩm đó, ta không bắt gặp được những tình cảm bao hàm những thú vị bất ngờ như trong ca dao, thì trái lại, nhờ phần nhân công. tình yêu đã được phân tách một cách tỉ mỉ sâu sắc nên có tác dụng mãnh liệt hơn trong tâm hồn ta. Một chứng cứ là những đoạn hay nhất trong Chinh Phụ Ngâm, trong Cung Oán, hay trong Truyện Kiều chẳng hạn cũng đều là những đoạn phân tách nỗi lòng của chàng và nàng trong khi gặp gỡ, trong lúc trao duyên, hay trong cảnh phân ly, và nỗi nhớ thương ngậm ngùi bất tận trong

khi viễn cách. Cái súc tích của tình cảm lại dựa vào cái tinh vi của kỹ thuật, cái bóng bẩy của ngôn ngữ, đã tạo nên được ở đây một thủ tình yêu có một bản sắc đặc biệt. Nếu cái đẹp của tình yêu trong ca dao có thể đem ví với cái đẹp của một hoa đồng, cỏ nội, thì cái đẹp của tình yêu ở đây có thể đem sánh với một bông lan vương giả, trồng trong chậu sứ và nâng niu đặt ở nơi buồng khách, trước sự trân trọng của những con người biết thưởng thức.



Đây là cái cảnh trao duyên thể ước:
*Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen nổi sập, song đào thêm hương.
Tiên thể cùng thảo một trường,
Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.
Vàng trắng vắng vặc giữa trời,
Đình ninh hai miệng một lời song
song.*
*Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến
xương.*

(Đoạn Trường Tân Thanh)

Sự trao duyên, thể ước trong ca dao chỉ cần một miếng trầu tầm thường ở giữa một khung cảnh thân mật hằng ngày, và như thế đã là đủ. Ở đây, nó trở nên rất mực nghiêm trang, một thứ « uống máu ăn thề ». Chỉ thiếu một thanh

gương nữa thì đúng là cái cảnh « Đào viên kết nghĩa » hoặc cái cảnh tế sống người trên bờ sông Dịch Thủy. Hoặc nếu thay thế thanh gương bằng một bàn thờ có đèn nhang thì nó trở nên một thứ lễ nghi huyền bí và Kim, Kiều là hai tín đồ đương cùng nhau xì xụp tâm niệm trước vị thần Tình Ái.

Còn đây là cái cảnh náo nùng trong lúc chia tay:

Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại,

Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang,

Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương.

*Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương
mấy trùng!*

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn
dâu.*

(Chinh Phụ Ngâm)

Thực là ghen ngào, thực là ảo não!
Nhưng ghen ngào, ảo não cũng chưa
bằng cái cảnh cô đơn gần như tuyệt vọng
trong khi bị người yêu phụ tình ruồng
rẫy. Chưa ở đâu cái đẹp của một « bông
lan vương giả » được biểu lộ một cách rõ
rệt và với cả thanh sắc bằng ở đây:

*Ngấn phượng liêu chòm râu lỗ chỗ,
Dấu dương xa đám cỏ quanh co,
Lầu Tần chiều nhạt vẻ thu,
Gối loan tuyết đóng, chăn cù giá đông.
Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng,
Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền.*

*Lạnh lòng thay giấc cô miên,
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm
u.*

(Cung Oán)

Nhưng dù diễn tả với cả một kỹ thuật sắc cạnh đến đâu chăng nữa, chúng ta vẫn không khỏi thấy tác giả đã hướng dẫn tình yên của nhân vật trong tác phẩm mình theo một đường lối nào đó đã được ẩn djob sẵn để đưa nó tới chỗ lý tưởng và khoác cho nó một màu sắc luân lý: đó là sự bền đỗ, sự thủy chung qua bao nhiêu đau thương, thử thách của hoàn cảnh. Dù bị ruồng rẫy một cách tàn bạo, người cung phi vẫn tin tưởng vào sự nghĩ lại của nhà vua (Cung Oán), dù oán trách người chồng đã quá trọng công danh hơn

tình yêu, đã lỗi hẹn biết bao nhiêu lần để cho mình phải khổ, người chinh phụ vẫn giữ nguyên tấm lòng trong trắng, không thoáng qua ý tưởng phản bội, kiên nhẫn đợi chờ ngày tái ngộ để cùng nhau nối tiếp mỗi tình cao đẹp trong khung cảnh yên vui của đất nước thanh bình (Chinh Phụ Ngâm).

Dù bị hoàn cảnh lôi cuốn trong suốt mười lăm năm đoạn trường, tấm thân đã bị đôi phen nhơ bẩn, mà nàng Kiều vẫn cố giữ một chút trinh bạch – ít ra là của tâm hồn để tạ lòng người tri kỷ và đã không hổ thẹn khi nói với chàng Kim trong cái khung cảnh thiêng liêng của giờ phút tái ngộ:

Chữ trinh còn một chút này...

Và trong Lục Vân Tiên, mỗi tình chung thủy của Kiều Nguyệt Nga đã toàn

thắng tất cả mọi trở ngại để cùng người yêu kết tóc xe tơ cho tới khi đầu bạc răng long v.v...

Tóm lại: tình yêu trong thi ca chữ nôm là thứ tình yêu có xếp đặt, có tổ chức – lý trí vẫn luôn luôn hướng dẫn tình cảm – sự sa ngã cố ý về xác thịt gần như không bao giờ xảy ra mà dù có xảy ra chẳng nữa thì sự sa ngã đó cũng không có tính cách vĩnh viễn mà chỉ có tính cách nhất thời. Nạn nhân sẽ chỗi dậy quỳ gối và chân thành tụng niệm lời kinh sám hối.

Bởi thế, nó có tính cách mô phạm rõ rệt vì luôn luôn lấy cương thường đạo đức làm căn bản.

TÌNH YÊU TRONG THI CA HIỆN ĐẠI – Vì đã được thụ hưởng cái di sản của tiền nhân để lại: đó là ca dao và những tác phẩm thi ca chữ nôm, lại được

sống trong một xã hội mà trong đó ảnh hưởng văn chương lãng mạn Tây phương đương tác động với tất cả sức mạnh tâm kỳ của nó, những con người Việt Nam hiện đại đã có một lối cảm thông sắc bén hơn, phức tạp hơn, sắc bén và phức tạp như chính đời sống lúc thì ô ạt, lúc thì băng khuâng, trầm lặng của họ. Và cũng như tiền nhân, các thi sĩ hiện đại, hầu hết, cũng dùng tình yêu làm cửa ngõ để tiến sâu vào lãnh vực của văn chương và nghệ thuật. Chưa ở đâu, nguồn cảm hứng có thể khơi lên một cách vừa dào dạt, vừa tâm kỳ bằng ở đây. Tất cả những nỗi yêu thương, hờn giận, nhớ nhung, đau khổ, v.v... đều được đặt dưới những cạnh góc riêng biệt với một óc tưởng tượng giàu mạnh và một nguồn tình cảm phong phú. Tình yêu mà họ diễn tả trong thi ca là những tình yêu mang đủ mọi màu sắc: nó chuyển từ thế giới

màu xanh sang thế giới màu hồng, màu tím và có nhiều khi sang cả thế giới màu đen nữa. Nhưng tô đậm tình yêu bằng màu sắc nào chẳng nữa, họ vẫn say sưa, thoải mái, và luôn luôn tách rời khỏi mục đích vụ lợi. Ngoài thứ tình yêu nhẹ nhàng thuần phác trong thi ca của Bàng Bá Lân; thứ tình yêu băng khuâng, mơ mộng trong thi ca của Tản Đà, Thế Lữ, Lưu Trọng Lữ; thứ tình yêu say mê đến cuồng quýt trong thi ca của Xuân Diệu; thứ tình yêu nhịp nhàng uyển chuyển, vương vít nhiều thở than sầu não trong thi ca của Huy Cận; thứ tình yêu say nồng chuẩn choáng như men rượu trong thi ca của Vũ Hoàng Chương; thứ tình yêu dịu dàng, xinh xẻo, thoang thoảng như mùi thơm của bông lau, bông huệ trong thi ca của Nguyên Sa; thứ tình yêu ngẹn ngào uất hận trong thi ca của Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại v.v... chúng ta

còn nhận thấy thứ tình yêu cuồng loạn và đau khổ đến ngất ngây trong thi ca của Hàn Mặc Tử; thứ tình yêu nồng lợm màu da thịt trong thi ca của Bích Khê; thứ tình yêu kỳ ảo, huyền hoặc, kỳ dị, đẹp như một thần tượng trong thi ca của Đinh Hùng...

Còn biết bao nhiêu thứ tình yêu trong thi ca của các thi sĩ khác nữa mà phạm vi bài này ta không thể nào nhắc tới hết được. Có thể nói được rằng: có bao nhiêu nhà thơ thì có bấy nhiêu lối rung cảm trước tình yêu và chính những rung cảm dị đồng đó, đã làm nở ra những bông hoa tươi đẹp nhất trong vườn thi ca Việt Nam hiện đại.

Trong vùng khói lửa kháng chiến mới rồi, thi ca bị đẩy vào trong lãnh vực tranh đấu: cạnh súng đạn, xe tăng, đại bác. Các nhà thơ thi nhau ca tụng sự

quật khởi của nhân dân, cùng với những chiến công oanh liệt tại các mặt trận.

Thi ca bỗng nhiên rực rực khói lửa và khét lẹt mùi thuốc súng. Nhưng cái bỗng đó không lâu. Nguồn cảm hứng khơi từ khói lửa xẹp dần. Nhà thơ cũng như những con người đọc thơ, không bảo nhau, mà cũng cảm thấy thi ca đương tiến dần vào ngõ bí, gầy mòn, ốm o, có xác mà không có hồn. Cho nên hầu hết các nhà thơ đều ngừng sáng tác, hoặc có tiếp tục, thì cũng phải để trôi vào tác phẩm của mình nguồn cảm xúc muôn đời: đó là tình yêu. Cho nên những bài thơ có sức rung cảm ta mạnh nhất đều là những bài thơ đã ấp ủ một tình yêu thâm kín, nghẹn ngào, bị dặt giữa khung cảnh heo hút của núi rừng hoặc ở trên con đường hành quân gian lao bất tận, hoặc ngay cạnh phòng tuyến trùng điệp

dây thép gai và những lô cốt đen ngòm, ngạo nghễ như những lời thách thức, hoặc mang bóng dáng hiền dịu của lớp học, thành phố, đường làng.

✱

Cũng như đối với thi ca chung của nhân loại, trong thi ca Việt-Nam, tình yêu vẫn là nguồn cảm hứng bao la, bất tận. Tuy bản sắc của nó trong mỗi ngành thi ca có những màu sắc tương dị, nhưng không vì thế mà kém phần xôn xao, hấp dẫn: chúng ta lâng lâng triu mến với tình yêu trong ca dao như thế nào thì chúng ta rung động, ghen ngào với tình yêu trong thi ca cổ điển, sáng khoái và siêu thoát đến chỗ tuyệt vời trong thi ca hiện đại cũng như thế.

Ngon lửa thiêng của Tình yêu đương thấp sáng trên linh đài nghệ thuật và càng ngày càng rực rỡ, càng ngày càng dị kỳ. Chúng ta thành kính khẩn cầu cho ngọn lửa đó sẽ rực rỡ mãi mãi, dị kỳ thêm mãi, bởi vì thi ca Việt Nam nói riêng cũng như thi ca của toàn thể nhân loại nói chung chỉ có thể phát huy được trọn vẹn màu sắc và khơi động tới chỗ sâu xa nhất trong tâm hồn chúng ta là nhờ có nguồn ánh sáng mung lung, kỳ ảo của ngọn lửa ngàn đời linh thiêng đó.

Nguyễn Duy Diễn

Hoa trong một hồn thơ

Lữ Hồ

Trong vườn thi văn kim cổ, các tác phẩm ca tụng vẻ đẹp, đức tính cao trọng, cùng tác dụng của Hoa thật không kể xiết. Hoa thường tượng trưng cho người đẹp. Khi còn đào tơ mơn mớn thì nhị hoa chưa mím miệng cười, khi tài sắc vang lừng thì văn tưởng ý hoa tưởng dung, rồi thì hoa cười, hoa khúc, hoa ghen, hoa cột gió, cười trắng và thể nhân cũng phải mê hoa, yêu hoa, nhớ hoa, thương hoa, khóc hoa sớm nở tối tàn, một sớm là cảnh không chọn nơi đất sạch để phải trôi giạt man mác

biết là về đâu. Rồi thì hoa ghen, hoa thù hận che giấu gai góc trong màu sắc quyến rũ. Hoa là người đẹp – người đẹp là hoa. Nhiều nhà thơ đã nói về hoa trong thơ. Nhưng có lẽ thi sĩ Cao Bá Nhạ đã nói nhiều hơn cả về hoa. Ông đã đem hoa để biểu hiện cho thân thể, tâm sự và tư tưởng của trang-nam-nhi một cách vẹn toàn.

TỰ TÌNH KHÚC - Tác phẩm trường thiên của Cao Bá Nhạ gồm 608 câu song thất lục bát, chứa đựng tình cảm náo nức, thể hiện một nỗi oan khiên chua chát, một tâm trạng thê thiết, một thân thể đang dở bẽ bàng của kẻ đa tài bạc số. Nội dung trình tự như sau: Trong đoạn khai từ (1-36) tác giả giới thiệu gia thế trâm anh. Cao Bá Nhạ vốn là con của Cao Bá Đạt và là cháu gọi thi sĩ ngang tàng Cao Bá Quát bằng chú ruột. Gia đình ông từ

xưa đã nổi tiếng là thanh cần suốt mấy
đời Trung Hiếu đề cao:

Ngòi Đức thấy khơi giòng kinh sử,

Phả Cao Dương treo chữ tấn thân. [10]

Dõi đời khoa bảng xuất thân,

Trăm năm lấy chữ Thanh Cần làm bia.

Mộng công danh đã mạnh nha từ
thuở thiếu thời, chí tác giả những mong
đoạt ấn công hầu để rạng danh tiên tổ.
Nhưng tai ương bỗng đến. Sau vụ quật
khởi của Cao Bá Quát, cả ba họ rụng đầu
dưới lưỡi gươm bạo chúa. Trên đường bị
bắt, thân phụ ông đã dùng dao quyên sinh
và tác giả đào tẩu; thay hình đổi dạng về
ẩn nấu tại Mỹ Đức suốt tám năm. Ở đây
tác giả đã cưới vợ, sinh con:

Thú thôn ố ao nghiên ruộng chữ,

Mầu giang sơn cơm sử áo kinh.

Pha hòa hai chữ trọc thanh,^[99]

Đổi mùi lữ khách thay hình hàn nho.

Nhưng rồi, vì nặng nghiệp tiền oan, ông lại bị tố cáo và bị bắt. Những niềm oan khổ hầu như nguội lạnh lại một phen bùng dậy:

Tưởng khuây khỏa ngày qua tháng tới

Bỗng hãi hùng gió thổi mưa chan ^[190]

Nổi chìm, chìm nổi bể oan

Mấy năm hầu cạn một cơn lại đây.

Nặng kiếp trước vò dây chi mãi

Ngẫm tình này oan trái sao cân

Nghĩ thân mà ngán cho thân ^[195]

Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi!

Tác giả chán cho tình đời tráo trở:

Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng [201]

Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi

Ngựa hươu thay đổi như chơi

Đấu gươm đầu lưỡi, thọc dùi trong tay.

Những ngày bị giam cầm trong ngục tối ông thuật lại cơn gia biến (37-188) những ngày ẩn náu, lúc bị bắt (189-324) và trình bày tâm trạng: thương thân, đôi khi muốn chết mà không chết được, thương nhớ vợ con, nhớ nơi trốn ẩn, rồi an ủi (325-604) và kết bằng những lời khiêm tốn và hy vọng (504-608).

Tự tình khúc được viết với ba mục đích: Trút nỗi oan khiên, Cải chính dư luận và Hy vọng ân xá.

TRÚT NỖI OAN KHIÊN – Lệ thường có hành động mới chịu gánh trách nhiệm. Ở đây Cao Bá Nhạ không hề phản nghịch mà toàn gia phải chịu án tử hình. Nguyên nhân chỉ tại một ông chủ không chịu cong mình đứng chực cửa hầu môn và mỗi gồi quỳ mòn sần tướng phủ, lại dùng thơ văn chế giễu những tệ đoan chế độ, theo quân bạo nghịch gây cảnh tang tóc cho nước nhà mà cái án tru di tam lục đã tiêu diệt cả một giòng họ lớn đời đời nổi tiếng văn học, trung kiên lòng lấy khắp Bắc-hà. Thân phụ ông dù chỉ giữ quan chức nhỏ nhưng không bao giờ quên bốn phận trung quân ái quốc:

Ngẫm tiên phụ nửa đời khổ tiết [25]

Để mai sau một chút vi danh

Hoạn giai nhỏ mọn đã đành

*Trong vòng thú lệnh phẩm bình còn
khen.*

Thế mà, khi gia biến toàn gia tru diệt thì thật chẳng còn gì đau đớn hơn. Nhưng nghĩa vua tôi: Quân sử thần tử thần bất tử bất trung (vua khiến tôi chết, tôi không chết là bất trung) vì đó mà cả nhà đã chịu tội không một lời phản kháng dù biết là vô tội. Riêng phần tác giả, tài học hơn người lòng vẫn mong đem tài giúp nước, nhất là ông cũng xuất chúng:

Gót chân coi nhẹ văn trình [19]

Văn chương giốc túi, công danh giật cờ.

Càng nghĩ đến công danh tắt lỏi, sự nghiệp dở dang, và ngay sự sống cũng chẳng còn, ông đau đớn rên siết âm thầm mà không dám thổ lộ ra một lời trách móc kẻ cầm quyền. Ông không có phản

ứng với hoàn cảnh như Cao Bá Quát, phải chăng kết quả tang thương của ông chú tạo ra đã làm cho ông bạc nhược tinh thần dù: cha con cùng một chuyến dò bể oan.

CẢI CHÍNH DƯ LUẬN. – Nếu không bị bắt, có lẽ chẳng bao giờ Cao Bá Nha viết nên Tự Tình Khúc. Ngoài mục đích làm với niềm thống khổ ông còn muốn tỏ bày lời cầu khẩn với thế nhân:

Nhân gian ai kẻ thương tình [43]

Trăm năm công luận phẩm bình về sau.

Con người sinh trưởng trong hệ thống luân lý Nho giáo thường vâng theo giáo lý cương thường một cách ngoan ngoãn. Do đó họ phê phán việc đời qua cái khung luân lý sẵn có. Huống nữa ngày xưa mọi sự đều đậm màu luân

lý. Câu vua bắt bề tôi chết, tôi không chịu chết là bất trung đã đâm chồi mọc rễ trong tâm hồn dư luận. Vả lại, trong lịch sử có bao giờ các vị trung thần lương tướng dám trái mệnh vua, dù biết là oan trái. Nguyễn Trãi, Nguyễn Văn Thành và vô số người vì vua chịu chết không một lời oán thán mà còn cho là đã theo đúng mệnh trời hợp đạo quân tử. Trong thú vui chơi, trên sân khấu hát tuồng, những cảnh trăm Trịnh Ân, Nhạc Phi, và bao nhiêu bày tôi ngã gục dưới ý muốn của vua Trụ, vua U... Họ đã chết ngoan ngoãn, vẻ vang và được người đời sau nhiệt liệt ca ngợi. Tâm hồn quần chúng đã có sẵn những cái khung suy luận. Tới khi án vua ban xuống thì Cao Bá Nha lại đào tẩu suốt tám năm và nếu không bị bắt thì không bao giờ bại lộ tông tích. Tại sao lại trốn mệnh vua? Trốn để làm gì? Hèn nhát chăng? Ham sống sợ chết

chăng? Tội trạng thật khó tha. Thà rằng cứ chịu cảnh đầu rụng pháp trường để mua lấy một sự xót thương của nhân thế còn hơn, Dư luận khát khe hản không buông tha cho con người dám lỗi đạo thánh hiền (1). Chắc rằng tác giả Tự Tình Khúc trong những phút đau đớn cũng đã nghĩ tới điều phũ phàng đó của dư luận nên mới viết:

Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,

Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.

Phù sinh một sợi tơ manh, [71]

Giữ gìn di thể như hình thiên kim.

À! Thì ra ông đi trốn là cũng vì nhớ lời thánh dạy: bất hiếu hữu tam vô hậu vi đại (tội không con nối dõi là to nhất trong ba tội bất hiếu của nhà Nho). Hóa ra ông tự nghĩ chữ Trung đã nhớ thì

đành bám vào chữ Hiếu. Ông đã trốn là để chịu nhục nhã, hy sinh để làm sao lưu lại trên đời một giọt máu họ Cao. Cũng do đó mà ông lấy vợ sinh con. Ông tự nhủ sau khi đã làm xong đạo hiếu thì sẽ ra đầu thú? Nhưng đợi mãi không có con trai thì đã bị bắt rồi:

Lòng hiếu thảo trăm năm đã nhỡ, [85]

Lời di danh hai chữ còn mang

Trong khi biến chẳng khác thường.

Đến điều cùng quá lại càng kiên trinh.

Ông cầu mong:

Thế gian kẻ khóc người cười, [55]

Muôn đời để sạch, muôn đời để nhớ.

Thật bất hạnh cho ông. Hiếu, Trung hai đường đều dang dở. Ông bị dày lên thương du rồi mất tích.

HY VỌNG ÂN XÁ. – Vốn đã tự nhiệm lấy phận sự hoàn thành Trung Hiếu, ông đau khổ khi bị bắt? Không phải ông sợ chết mà khóc than. Chính ra ông muốn nhà Vua sẽ mở lượng hải hà thương xót mà ân xá cho ông:

Nợ đại tạo mai sau khoan thái, [385]

Chút Hiếu Trung may lại báo đền.

Cho nên ngậm tãi nuốt phiền,

*Cắn răng cố chịu trăm nghìn thương
tâm...*

Để mong được:

Hoặc là thấu đến cao sâu, [391]

Tấm lòng tắc cả mai sau còn rành.

Cao Bá Quát chán sống bao nhiêu thì Cao Bá Nhạ lại yêu sống bấy nhiêu. Cho

hay, khi được sống người ta thường cố trốn đời mà khi phải chết thì lại tha thiết sống vô cùng. Nhưng thật ra hy vọng của ông rất mong manh. Vì xưa nay trong chế độ quân chủ, những án lệnh truyền ra chẳng mấy khi được xóa bỏ. Nếu bắt đắc dĩ vì một lý do khó tránh thì nhà cầm quyền thường chuyển sang hình thức khác mà thôi. Ví dụ khi vua Lê Thánh Tông phục chức cho oan hồn Nguyễn Trãi thì tưởng là không còn ai sống sót mà ngờ đâu còn lại một Nguyễn Anh Tề. Lời hứa đã ra, đành phải giữ nhưng lại cho giọt máu rơi nhà họ Nguyễn đi sứ sang Tàu rồi đắm thuyền chết ngoài bể (?) Sau này Bùi Hữu Nghĩa có được giảm án tử hình thì lại được đi làm sai ở miền biên giới Việt Miên. Chính thế, mà nhà cầm quyền sau đó tha chết cho Cao Bá Nhạ nhưng lại đẩy lên mạn ngược rồi ông cũng phải bỏ thân ở đó mà thôi.

Tuy nhiên, con chim sắp chết còn thốt ra lời ai oán thảm thương huống nữa là con người tài tình như tác giả. Niềm vô vọng này chính tác giả cũng đã thấy:

Thu nước mắt nghĩ câu thận độc, [601]

Giong ngọn đèn ngâm khúc Mạc ai,

Bút nghiên tiêu khiển ngày dài,

Chẳng vì tân khổ bỏ hoài quang âm.

Nhân thông thả lại ngâm quốc ngữ, [605]

Đem thủy chung tình tự nói năng.

Nôm na câu được câu chẳng,

Đỡ khi buồn bã lại dâng một cười.

★

Gia cảnh oan khiên, dư luận khắt khe, hy vọng le lói, tác giả chỉ còn một niềm an ủi độc nhất là Tin tưởng vào nếp sống thanh cao của mình. Do đó mà nghĩ tới kiếp hoa trong trắng, tươi vui, thơm tho nhưng lại sớm nở tối tàn mà sánh đời mình với kiếp hoa.

Vì thế trong những ngày ẩn lánh tác giả đã:

Vườn riêng lấy cỏ cây làm bạn, [105]

Nằm dài xem én nhận bay qua.....

... Người mến cảnh giang hồ nên thú, [101]

Cảnh yêu người tân chủ phải duyên.

Lần hồi trong tám chín niên,

Gối sầu tạm chợp, mỗi phiên tạm khuây.

thế nên khi bị những tên công sai
dẫn đi tác giả nhìn mình qua cảnh:

Lay ngọn cúc gió dăng lăn lóc. [217]

Thấm cảnh mai sương khóc chan hòa,

Trông hoa đau đớn cùng hoa,

Ai ngờ từ đó hóa ra vô tình.

Kể từ đây tác giả không còn lo cho mình, cho giọt máu rơi họ Cao được nữa. Chết đi là hết mong tròn chữ Hiếu. Khi bị dẫn đi giam cầm ở nhiều nơi, thân hình tiêu tụy, tinh thần mệt nhọc, xác xơ như gánh hoa trong buổi chợ tàn:

Thân sao như gánh hàng hoa, [291]

Sớm qua chợ sớm chiều qua chợ chiều.

Ông thương tiếc cho ông nhiều lắm:

Trông hoa luống nặng tình xưa [491]

Tiệc hoa luống ngại nắng mưa dãi dầu...

Biệt ly ai kể xiết lời [495]

Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.

Cảnh sống thanh cao trong những ngày lạnh nạn biểu hiện qua những câu:

Chồi tiểu bạch trông chừng hơn thước

Tay chủ nhân ngày trước vun trồng.

Dẫu khi sương tuyết lạnh lòng [507]

Xa xôi, dám phụ tấm lòng kiên trinh...

Rồi ông mới gửi tình qua những đoá trà mi, thược dược, tường vi, tiên hồng, mộc lan, thạch lựu:

Đan tâm còn chút gọi là [531]

Giữ gìn băng ngọc đừng pha bụi trần.

Đường hoa trải mưa xuân lác đác,

Cánh lan tiêu bay lạc lối ngoài,

Với ai khoe tía khoe tươi. [535]

*Trận vàng ngần ngại nhưng ngày nghiêm
sương*

Tưởng sơn trúc; thạch hương đã ngán

Hỏi bồ đào, long nhãn càng đau

Hồng mai rả rích giọt châu [539]

Hững hờ sương tảo, dãi dầu sương cam

Góp trăm mối đem làm tâm sự;

Tình trăm hoa đầy cỏ gió sương

Chập chờn say tình giữa đường

Hoa kia có biết đoạn trường hay chẳng?

Nhìn hoa tác giả hứa hẹn, tự nhủ
thâm sẽ cố gắng giữ mãi cốt cách thanh
cao:

Xin hoa chứa phong quang như cũ

Chủ nhân còn đoàn tụ có khi. [554]

Thân thể, tâm sự, tình cảm, chí
hướng đều được gửi gắm vào hoa để đề
cao phẩm giá, khóc cho một kiếp phù
sinh và lấy làm một nỗi niềm an ủi. Nhận
xét về tư tưởng:

Xét đến công phu sáng tác của cá
nhân, ta vẫn thấy rằng: xưa nay những
nhà văn chỉ bình tĩnh, phong lưu, thỏa
mãn với cuộc đời, tự tác với cảnh ngộ
đều là những nhà văn dung thường. Nói
theo lời Hàn Dũ đời Đường: “Đại phạm
vật bất bình tắc minh” (vật kháng được
thỏa mãn thì thế phải kêu lên). Lời nói

chí lý. Trong văn chương nhà nho nước ta, nước Tàu xưa nay chả có gì nhạt nhẽo hơn các thứ văn thù tạc, những bài phú, lục, tán tụng ông nọ bà kia. Tưởng nếu đem mà đốt cho hết những thứ văn nước ốc ấy đi, thì văn học của một nước, tư tưởng của nhân loại cũng không vì thế mà gãy gò, ốm yếu đi tí nào! Nếu khối óc nhà văn không có những luồng bất bình, nếu như tâm hồn kẻ cầm bút không cảm thấy những nỗi đau đớn thiếu thốn của kiếp người, những ước mong thiết tha của thời đại, nếu không lĩnh hội được tính cách luôn luôn biến thiên của thế giới, của nhân sinh, nếu như đối với hiện tại với tương lai không có một yêu cầu, một hy vọng tin tưởng gì, thì cái thứ văn chương mòn mỏi béo tốt như đầy mỡ, trơn như tảng trăn hói của trường giả cũng chỉ là một Văn Chơi mà thôi, chả có ý nghĩa gì là văn học. Thái độ bất bình

có thể biểu hiện ra dưới nhiều thể thức dị đồng. Đời Chu Tần bên Tàu, Trang Tử nhận thấy cuộc đời biến đổi không thường mà đem bao nhiêu sự tình nhân thế cho là trò chơi. Khuất Nguyên lại theo về chủ nghĩa yếm thế và tư tưởng bi quan ghét đời kết đúc vào mấy khúc Ly Tao. Tư tưởng Mặc Địch, Mạnh Kha đã được liệt vào phái lạc quan nhưng nếu không muốn truyền bá chủ nghĩa mới trong thế giới đau khổ cũ thì làm gì có thứ văn chương, tư tưởng hùng biện đầy khẩu hiệu của tác phẩm ước lệ luân thường. Bộ sử Tư Mã Thiên mà các nhà Nho công nhận là kiểu mẫu văn hay kia, nếu không phải phát sinh tự buông gan uất ức của ông Thái sử thì ở dân mà ra? (Văn học khái niệm – Hồ hoài Thâm)

Gần chúng ta hơn là các nhà văn tiền bối như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Yên Đỗ, Trần Tế Xương, Phan Sào Nam,

Nguyễn Khắc Hiếu và tác giả Tự Tình Khúc cũng vậy. Trong những ngày bị giam trong ngục tối, tác giả đã lấy máu tim để kêu lên tiếng ai oán bi thương.

Sau nữa, Tự Tình Khúc còn cho ta thấy thái độ chân chính của nhà Nho là “Oán nhi bất nộ” (oán trách mà không nổi giận). Ở đây ông chỉ thở than mà không bao giờ tỏ ra đả kích như Cao Bá Quát. Ông run sợ chế độ chăng? Không phải. Sở dĩ ông luôn luôn có giọng văn nhẹ nhàng rên siết là chính vì muốn giữ đúng thái độ khoan nhu thuận hậu của nhà nho. Ông không bất mãn với vua, với dư luận, với chế độ bất công mà chỉ trách cho số phận hẩm hiu, không may gặp phải tiền oan nghiệp chướng. Do đó ông quay về tin vào thuyết nghiệp báo nhà Phật để may ra tìm được một niềm an ủi như anh nông phu vay nhiều nợ từ

kiếp trước kiếp này phải trả cho xong.
Tin vào nợ tiền sinh:

*Nặng kiếp trước giày vò chi mãi,
Ngẫm tình này oan trái sao cân,
Nghĩ thân mà ngán cho thân, [195]
Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi.*

Ông không oán trách những bất công trước mắt mà chỉ tìm nguyên nhân đau khổ từ những kiếp xa xăm:

*Chữ bạc mệnh ai ơi xót với, [197]
Câu đa đoan trời hồi thấu chẳng.
Góm thay ngọn lửa đốt rừng,
Dập tàn, tàn lại bùng bùng bỏng không.*

Chung quanh ông, loài người điêu trá, thâm hiểm không thương tình đồng loại mà chỉ chực hại nhau:

Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng, [201]

Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi.

Ngựa hươu thay đổi như chơi,

Đấu gươm đấu lưỡi, thọc dùi trong tay.

Nhưng thật ra, hết thảy đều do số trời xui khiến, vì thế ông chỉ muốn đem lòng trong sạch bày tỏ với trời:

Bâng khuâng mình tiếc cho mình, [7]

Xa xa nói với xanh xanh trái lòng.

Theo thuyết nghiệp báo của đạo Phật thì những điều ta hưởng chịu kiếp này đều do kiếp trước và lại liên hệ với kiếp sau cho nên tác giả Tự Tình Khúc cũng cảm nhận điều đó mà cố giữ sao cho trong sạch mong trả hết nghiệp quả, hy vọng một kiếp sau tươi sáng hơn kiếp sống đen tối hiện tại:

Lánh cho được thanh tao là quý,

Giữ được điều liêm sỉ là hay. [342]

Lòng kia đen trắng gian ngay,

Gió trắng bầu bạn lâu nay biết lòng.

Thiên nhiên đã thông cảm cho nỗi lòng của tác giả. Đó là niềm an ủi cao quý hơn cả. Như thế tác giả cũng đã mãn nguyện mà can đảm chịu lấy đau đớn và bình tĩnh đợi chết như tính thần Việt Nam muôn đời truyền thống.

Về kỹ thuật, trong mọi phương diện dùng chữ đặt câu, gò bó trong thể thơ song thất lục bát tác giả tỏ ra có tài năng trác tuyệt. Riêng về Ấn Tượng trong thơ, tài năng của tác giả giàu có vô cùng.

a) Những câu gợi hình:

Đuôi con mắt châu sa thấm giấy, [153]

*Đầu ngón tay máu chảy pha son.
Người đau phong cảnh cũng buồn,
Thông gãy như trúc, cúc mòn như mai.*

b) Những câu gợi tình:

*Bẻ cành liễu ngâm câu ly biệt,
Khuất ngàn dâu qua lớp đoản tràng.*

*Bức sầu ai vẽ giữa đàn, [235]
Mây chia sắc lúa nửa vàng nửa xanh.*

c) Những đối chiếu kỳ lạ:

*Phút nửa khắc muôn ngàn thâm, [214]
Trong một mình bảy tám biệt ly.*

d) Những động tác kỳ diệu:

*Thu nước mắt gia tình biếng cạn,
Thấm mồ hôi vận hạn lừa qua. [90]*

Nói không hết được những nét son trong tác phẩm vô song *Tự Tình Khúc*. Nhờ ở kỹ thuật sắc bén, tác giả đã gây nên cho người đọc bao nhiêu thâm cảm, chứa đựng tình cảm lâm ly, lời văn trác tuyệt khiến không ai có thể cầm lòng trước tiếng kêu van của một linh hồn đang giãy chết trước sự bạo tàn của chế độ cũ. Đồng thời tác giả đã mở cho văn chương Việt Nam một cánh cửa mới kết Hoa.

Lữ Hồ

TÌNH BẠN TRONG VĂN CHƯƠNG CỔ VIỆT NAM

Lưu Trung Khảo

*Hữu bằng tư viễn
phương lai bất diệc lạc hồ
(Học Nhi Luận Ngữ)*

Trong văn chương Việt Nam, đạo vua tôi nghĩa cha con, tình vợ chồng là những đề tài quen thuộc đã được các văn gia thi sĩ khai thác khá nhiều. Nguyễn Công Trứ quan niệm rằng: Xuất mẫu hoài tiệp thị hữu quân thân, nghĩa là ra khỏi lòng mẹ con người đã chịu nghĩa cha con và nghĩa vua tôi

rồi. Tổ tiên chúng ta xưa theo lý thuyết tập thể chứ không theo lý thuyết cá nhân. Cá nhân chỉ có giá trị khi sinh hoạt trong phạm vi đoàn thể. Đoàn thể nhỏ bé dung dưỡng cá nhân ngay khi chào đời là gia đình. Đối với người gia trưởng, con cái phải giữ chữ hiếu. Ngoài những việc phụng dưỡng tôn kính người gia trưởng, người con có hiếu khi lớn phải lo việc lúa đôi sinh con để có người nối tiếp dòng họ, phụng thờ hương khói. « Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại » (bất hiếu có ba điều, không có con nối dõi là điều bất hiếu lớn hơn cả). Đạo vợ chồng cũng đòi hỏi nhiều điều kiện « phu phụ tương kính như tân », phu xướng phụ tùy... Khi lớn, cá nhân gia nhập một đoàn thể rộng lớn hơn: quốc gia. Đối với vị nguyên thủ của quốc gia cá nhân phải giữ chữ trung. Muốn sống cho xứng đáng con người phải ghi nhớ: có trung hiếu nên

đứng trong trời đất. Đó là ba giường mỗi thiết yếu trong đạo ăn ở, ở đời. Trong ngũ luân còn ghi thêm: tình huynh đệ và tình bằng hữu. Tình huynh đệ xuất phát ở tình máu mủ trong gia đình. Tình bằng hữu căn cứ ở nghĩa tương giao trong học đường và ngoài xã hội. Nếu con người có thể sang vì vợ thì cũng có thể giàu vì bạn. Trong văn học sử, thi ca đề cao tình bằng hữu cũng không phải là hiếm vậy.

Tình bè bạn đó đã được coi là nòng cốt trong nhiều chuyện xưa tích cũ. Nếu người Trung Hoa tư phụ về tình bè bạn giữa Dương Giác Ai với Tả Bá Đào, giữa Quản Trọng với Bảo Thúc thì chúng ta cũng có những chuyện đề cao tình bằng hữu như Lưu Bình, Dương Lễ. Nếu ở đời Đường, tình bạn giữa Vương Duy với Mạnh Hạo Nhiên, giữa Lý Bạch với Đỗ Phủ đã là nguồn gốc của nhiều bài

thơ bất hủ thì ở Việt Nam tình bạn giữa Nguyễn Khuyến với Bùi Quế và Dương Khuê, giữa Trần Tế Xương với Phan Sào Nam, giữa Huỳnh Thúc Kháng với Phan Tây Hồ đã lưu lại trong kho tàng văn học nhiều hài văn bài thơ trác tuyệt.

Cuối đời Lê, Dương Xuân Hầu khi về trí sĩ gửi thư cho bạn quyền tiền cưới vợ lẽ, Hầu đã dùng lối văn biền ngẫu chải chuốt để viết bức thư sau này:

Tùng màng rằng:

Kết bạn để mong tương ích, chuyên chín vàng ngày trước chữa bao xa.

Làm ơn chẳng khéo nhân thời, tính hạc của tuổi già còn chưa lẫn.

Đạo trời đất thi thi có bảo,

Nghĩa xưa sau đạt hẳn hơn cùng.

Tôi, vũ ngọc già hèn,

Ngưu kế tài mọn.

Vẫn góp nhặt mấy lần vào trận bút,
nào may nhờ nửa cánh phượng hoàng.

Vũ theo đòi tự lạc đến màn nhung,
nên lam dự sau đuôi kỳ ký.

Tinh nghiên tịch hảng chung cửa s

Nghĩa tháp chu há một chuyến dò!

Hoặc cùng vui cửa mạn sân đào,
trong nhất kiến tình cờ duyên gã Lý.

Hoặc may gặp nhà lan tiệc cúc, trước
ba sinh đàn giải phận chàng Hàn.

Tình tuy rằng có nhạt có nồng,

Tiếng cũng gọi là bầu là bạn.

Khi hữu sự dẫu bốn phương cũng

lậy, quản chi điều nói khó với anh em,

Lòng thành nhân dù một chút cũng
hay, nữa là việc để thơm cho cháu chắt.

Người trọng nghĩa ắt tiêu rồi lại có,

Đứa thủ tài dù có cũng như không.

Vả tôi nay:

Trước vụng tu thân,

Tác hậu tri mệnh.

Chi hồ thì mười phần tiêu tám chín,
biết tuổi xanh hơn sức đã vàng nhường,

Nợ phong hoa một gốc hóa hai ba,
thấy yếm thắm cáo lòa còn chữa được.

Tuy tế vị đã nên tri túc,

Song hồng nhan ai chẳng động tâm?

Tôi thấy thị mỗ,

Sinh chốn thôn trang

Cách dùng thi lễ,

Da dương liễu phát phơ ngờ tựa gió,
vị phi diên rã đã sạch nên vừa.

Miệng phù đào chúm chím ngõ kè
giăng, về cơ xảo nhìn lâu càng thấy ngụ.

Việc đã đành mười hẹn mười nên,
may vãn cảnh được thêm nơi cấy ngọc,

Thế còn ngại một đồng một khó, đức
hàn gia khôn đủ giá mua vàng.

Dám xin liệt vị tri cố tôn đài:

Mở rộng tâm điền,

Làm chung phúc quả.

Việc làm phúc chớ nề hơn thiệt,

Sự làm duyên chẳng lọ ít nhiều.

Hoặc đỡ dần lạng bạc đồng vàng,
gáo nước nọ bớt ra không cạn bể,

Hoặc san sẻ quan tiền tấm lụa, hòn
đất kia chất lại cũng nên non.

Đến ngày sau con chị công con em,

Rằng: Thừa trước có ta vì có bác.

Bức thư của Dương Xuân Hầu gửi đi không bao lâu đã có phúc thư của Tả Đình Hầu đáp lại. Đạo bằng hữu giao du với nhau cần nhất là ở chữ thành, Tả Đình Hầu bằng một lối lập luận đanh thép và sắc bén đã phỉ bác những lý lẽ của Dương Xuân Hầu một cách rất thành thực:

Đạo giao hữu thấy nhau nguy phải giúp, song giúp có từng điều.

Phận cùng nhân lắm lúc túng thì xin, nhưng xin cho có lẽ,

Truyện trước có đưa vàng nuôi bạn,
Sự đời không giúp của cưới hầu.

Tôi cùng anh:

Nghĩa trước đồng khoa,

Tình xưa khê phủ.

Phô tài mọn buổi đàn tay lên tá, mười
sáu thu trần mộng cũng đều chung.

Nhớ lượng xa mong hợp mặt sân
đào, năm ba kẻ cựu giao còn chẳng mấy.

Bê gia thất đòi cơn mạn nhạt.

Rượu hiên mai đỡ lúc tỉnh say.

.²

Hoặc việc đến nhường cơm sẻ áo, có
dám đâu để nặng tiếng vang.

2 thiếu một vế

Song việc này danh nghĩa vì đâu?

Dù có cũng tình vẫn chưa hợp.

Vả anh nay:

Dòng cao tài tử

Bạc nhất phong lưu.

Giương nhị Kiều trong buồng quế
đưa duyên, đủ cả chị hát bài nhật tảo.

Sao tam tử dưới cây cỏ chục phận,
thiếu chi người sửa túi nâng khăn

Nói đến hàng tử tức cũng dài;

Nghĩ chừng kiếp nhân sinh đã phí.

Dù muốn thêm tỳ thiếp làm vui cho
đủ, có chị nâng chén các, có chị dọn bình
hoa.

Thì tính trong gia đình tư cấp cũng

vừa, đã em nhậm phủ Từ, đã em tri huyện Cẩm.

Đã vâng biết già càng trái thối,

Sao không suy nói chẳng lựa lời?

Khá bao lăm đồng bạc, đồng vàng
của Kinh Bắc tiếc chi trong bầu bạn

E mai một tiếng chì, tiếng bắc, giọng
Hà Đông day đả đến anh em

Dám xin liệt vị tri cố tôn đài:

Xét lẽ thị phi,

Nghĩ đường khả phủ.

Ai tri thức tấm lòng thơm thảo, hoặc
mồng năm ngày tết, gọi có thường nghi.

Ai yêu đương tình nghĩa giao du,
hoặc bánh thuốc lạng chè cũng là lịch sự.

Thấy bạn đam mê đắm đuối trong trường tình, Tả Đình Hầu vì tình bằng hữu đã bắt bẻ Dương Xuân Hầu để mong Hầu tỉnh ngộ.

Đời Nguyễn, Cao Chu Thần là thi sĩ nổi danh kiêu ngạo và quân giao. Bạn Chu Thần tuy ít song là bạn thân cả. Nguyễn Siêu là người đã giao du với Chu Thần từ nhỏ. Khi Chu Thần bị vạ diệt tộc, Nguyễn Siêu không sợ nguy hiểm có thể đưa tới cho mình đã có câu đối viếng:

Ta lai quán cò tất danh, nan đệ nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử,

Dĩ hỹ đáo đầu sự thế, khả liên khả ố, hồn trần lưu xá diệc lưu phương.

Trúc Khê dịch:

Thương thay tài điệu tốt vời, khó anh, khó em, một cặp cùng sinh lại cũng thác.

Thôi nhĩ sự cơ đến vậy, đáng thương, đáng ghét, nghìn năm dây xấu cũng dây thơm.

Con người ngang tàng khí phách như Cao Bá Quát đã có phen phải cảm động vì tình bạn của Tùng Thiên Vương và Tuy Lý Vương đối với mình. Họ Cao đã có lần hạ bút:

Thủy đạo Mao-khanh thành lục lục

Bình nguyên môn hạ cánh la đà

Trúc Khê dịch:

Ai biết chàng Mao mà đến vậy?

La cà mãi dưới cửa Bình nguyên,

Chu Thần ví mình như Mao Toại, một thực khách của Bình nguyên quán đời Chiến quốc. Tình bạn của Tùng Tuy hản đã có một ma lực để hoán cải Chu Thần chứ nếu không một người đã có can đảm bảo vua Tự Đức:

Khù khờ thi tú đa nhân thức

Khệnh khạng tương lai vấn tú tài

làm sao lại chịu hạ mình dễ dàng như vậy?

Đến cuối thế kỷ XIX, ta lại tìm thấy một tác giả thường đề cao tình bạn: Nguyễn Khuyến. Ta hãy nghe nhà thơ làng Yên Đỗ gửi thư thăm bạn, ông Bùi Quế, người làng Châu Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Kim lan từ thuở nhỏ chơi bởi,

Đôi lúa như ta được mấy người?

Trời hẹn ngày cho ba vạn sáu,

Ta chung tuổi mới một trăm hai.

Kẻ già nét bút chằm cùng trẻ,

Người khỏe tay dao, độ lấy đời.

Từ trước bảng vàng nhà sẵn có,

Chẳng qua trong bác với ngoài tôi.

Ở đây, tình bạn đã xóa nhòa biên giới về tuổi tác giữa hai người. Không những có sự hòa đồng về tuổi tác ta còn thấy có sự đồng tâm nhất chí trong hai công việc làm, tuy khác nhau về tính chất nhưng giống nhau về mục đích: giúp người, giúp đời. Do nơi tình bạn thâm thiết này mà khi nước lụt, tác giả lại có thư thăm bạn:

*Ai lên nhắh hỏi bác Châu Cầu:
Lụt lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rày lớn bé?
Vài gian nếp cái ngập nông sâu?
Phận thua suy tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi bởi họa sống lâu.
Em cũng chẳng no mà chẳng đói,
Thung thăng chiếc lá rượu lưng bầu.*

Tác giả đối với bạn thực là chí tình, lo lắng từ ổ lợn, gian lúa của bạn trong khi nước lụt. Có sống ở nông thôn, người ta mới có thể hiểu được khả năng kinh tế của những thứ đó trong gia đình người nông dân (Điều này còn chứng tỏ thêm rằng: đem xã hội Việt Nam mà phân chia thành giai cấp và chủ trương giai cấp đấu tranh là một điều nhầm lẫn lớn. Những người có danh vọng: ông Tiến sĩ (Bùi

Quế) ông Tam nguyên (Nguyễn Khu-yến) còn phải trông vào bổng lộc dạy học, làm thuốc làm mưu hộ khẩu, và gặp kỳ nước lụt, lo cả từ ổ lợn lo đi). Rồi sợ bạn lo cho mình, Yên Đỗ đã báo trước hoàn cảnh của mình cho bạn rõ để bạn được yên tâm:

Em cũng chẳng no mà chẳng đói,

Thung thăng chiếc lá rượu lưng bầu.

Vô cùng nhũn nhặn là chữ em trong câu thứ bảy. Tình bạn đó còn được tác giả xưng tụng trong bài « Bạn đến chơi nhà »: Tác giả ân hận không có cơm gà cá gỏi mang ra thết bạn theo như thành ngữ Việt Nam vẫn thường nói: « Khách đến nhà chẳng gà thì gỏi ». Thậm chí đến những thực phẩm như rau đậu cũng không có:

Cải chữa ra cây, cà chữa nụ,

Bầu vừa rụng rốn, múp đương hoa.

Đến « miếng trâu » là đầu câu chuyện,
cũng không có để đãi khách:

Đầu trò tiếp khách trâu không có,

Cuối cùng, tác giả mang tình bạn ra
để đối khách nói chuyện:

Bác đến chơi đây: ta với ta.

Trong hai chữ « ta » trên, ta không thể phân biệt được chữ « ta » nào để chỉ tác giả và chữ « ta » nào để chỉ người bạn nữa. Bài thơ đã được cấu tạo theo hột lối kiến trúc đặc biệt: giá trị vật chất những thực phẩm mang ra đãi khách mỗi lúc một giảm, nhưng giá trị tinh thần, tình cảm mỗi lúc một tăng. Chót hết mà cũng là cao cả hơn hết là tình bạn thiêng liêng giữa hai người.

Tình bạn chân thành và thắm thiết đó còn biểu lộ trong bài « Khóc Dương Khuê », Nghe tin bạn mất, Nguyễn Khuyến nghẹn ngào:

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.*

Rồi những kỷ niệm xa xưa hiện về:

*Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cũng nhau.*

Tình bạn giữa hai người được kết hợp trong sự kính yêu, « những lúc rượu ngon cùng nhấp », trong bốn phận « những khi bàn soạn câu văn », trong khi hoạn nạn nghèo túng:

*Buổi dương cưu cùng nhau hoạn nạn,
Miếng dầu thắp chẳng dám than trời.*

Kỷ niệm gần gũi hơn cả là lần gặp gỡ cách đó ba năm. Nguyễn Khuyến mừng rằng Dương Khuê vẫn còn tinh thần tráng kiện, lại trẻ tuổi hơn, hẳn phải sống lâu hơn. Hung tin đến khiến Nguyễn Khuyến:

Chợt nghe tôi bỗng chân tay rụng rời.

Dương Khuê qua đời, Nguyễn Khuyến sống trong sự cô độc hoàn toàn:

Rượu ngon chẳng có bạn hiền,

*Không mua, không phải không tiền
không mua*

Câu thơ nghĩ đắn đo không viết

Viết đưa ai? Ai biết mà đưa?

Giường kia treo những hững hờ,

*Đàn kia gảy những ngân ngơ tiếng
đàn.*

Tình bạn chân thành đó có thừa hiệu lực bắt chúng ta phải nghĩ tới tình bạn giữa Bá Nha với Tử Kỳ.

*

Tình cảm của người Việt Nam thực là đôn hậu và trung thực. Nhờ luân lý, nhờ giáo dục, nhờ nếp sống vững vàng, trải bao nhiêu thời đại, tình cảm đó vẫn sáng chói và vẫn luôn luôn được người đời cổ vũ phát huy. Đầu thế kỷ thứ XX, vì quốc sự, một số đông nho sĩ bị chính quyền thực dân đày ra Côn Đảo. Giữa chốn lao tù, tình bạn của các nhà chí sĩ ái quốc lại bền chặt hơn bao giờ hết. Chúng ta không khỏi cảm động khi đọc những vần thơ sau đây của Huỳnh Thúc Kháng sáng tác khi gặp Phan Chu Trinh ở trên đảo:

Kiếp tù chung một cõi ven trời,

Hai ngả xâm thương cách mỗi nơi.

Tóc tổ bạc phơ, răng bác rụng,

Gặp nhau không nói ngó nhau cười.

Những bài thơ ca ngợi tình bạn của người Việt Nam trong sáng như một viên ngọc quý. Tình bạn đó không đòi hỏi những điều kiện và tuổi tác, về học vấn, về dòng dõi, về địa vị trong xã hội. Nó hoàn toàn vị tha và không vụ lợi.

Lưu Trung Khảo

TRIẾT LÝ NHÂN SINH TRONG VĂN CHƯƠNG V. N.

Lê Xuân Khoa

Dân tộc Việt Nam vốn có một tinh thần cầu tiến và một khả năng dung hợp thần tình để có thể thích ứng với mọi hoàn cảnh mới. Chính nhờ đặc tính truyền thống ấy, dân tộc Việt Nam đã có thể tâu lại là một dân tộc có một đời sống văn hóa riêng biệt. thực hiện được một thể quân bình giữa hai dòng văn hóa cổ đại, lớn mạnh và trái ngược nhau là văn hóa Ấn Độ, chủ về xuất thế vô vi, và văn hóa Trung Hoa,

chủ về nhập thể hành động. Có thể nói rằng Việt Nam là một dân tộc duy nhất trong khu vực địa lý Ấn Độ - Chi Na đã có thể tạo lập được thể quân bình văn hóa ấy trong khi các dân tộc láng giềng như Căm Bốt, Lào, Thái Lan, Miến Điện đều hiển nhiên phụ thuộc vào nền văn hóa tâm linh của quê hương đức Phật.

Giữa hai quan niệm nhân sinh trái ngược – một bên là Phât, Lão với tinh thần nội hướng, trở về với bản thể tâm linh của con người và vũ trụ: một bên là Khổng học với tinh thần ngoại hướng, chú trọng vào những hoạt động thực tế của con người trong xã hội – dân tộc Việt Nam đã tạo lập ra một triết lý hành động chiết trung, « hợp nội ngoại chi đạo » lấy sự tu dưỡng tâm đạo làm chỉ nam cho mọi hoạt động tích cực để xây dựng xã hội. Đúng như lời vua Trần Thái Tông đã

diễn tả trong sách Thiền tông chỉ nam: Lấy phương tiện để dẫn dụ cho đám u mê, soi sáng con đường tắt về điều sống chết, ấy là giáo lý chính của Phật. Còn trách nhiệm trọng yếu của các bậc thánh hiền là cầm cân nảy mực công lý cho đời sau, vạch khuôn mẫu cho tương lai. Cho nên bậc tiên đại thánh nhân hành động xã hội với bậc nội hướng trầm tư không có gì phân biệt. Đã biết giáo lý Phật lại phải nhờ tay tiên thánh để truyền ra cho đời. » - (Trích « Triết lý văn hóa khảo luận », Nguyễn đăng Thục, trang 105).

Như vậy hai khuynh hướng cực đoan kia đã được chiết trung để biến thành một quan niệm duy nhất, vạch rõ hai phần: cứu cánh và phương tiện.

Thái độ chiết trung của dân tộc Việt Nam biểu hiện rõ ràng trong mọi vẻ sinh hoạt của đời sống tinh thần và vật chất;

tôn thờ cả Trời, Phật và quỷ thần như một hệ thống có tương quan nhất trí; hăng hái hoạt động, vụ thực tế mà không nuôi tham vọng.

Thật vậy, nếu ta đặt chân vào bất cứ một ngôi chùa lớn hay nhỏ nào ở Việt Nam, trừ một số rất ít chùa chiến của Phật giáo nguyên thủy, ta sẽ thấy ngoài Đức Phật Thích Ca, còn có đức Phật Bà Quan Âm cùng bàn thờ chư vị, tượng và tranh của Quan Công, thần Bạch Hổ v.v... Óc tín ngưỡng của dân tộc ta quả thật là tự do và rộng rãi: ở trong nhà thì thờ cúng tổ tiên, đi chùa thì tụng kinh niệm Phật, vào đền thì lễ thánh xin xăm. Lời cầu nguyện của đại đa số nhân dân thường bao giờ cũng mở đầu bằng những lời: « Lạy Trời lạy Phật », hoặc « Lạy Thánh mở bái », hoặc « cầu Trời, khẩn Phật »...

Ảnh hưởng của Tam giáo (Nho, Phật, Lão) không những chỉ chi phối đời sống tín ngưỡng của dân tộc mà còn thể hiện cả trong nền văn học Việt Nam suốt từ khởi thủy cho mãi đến cuối thế kỷ XIX. Mặc dầu có những thời kỳ độc thịnh của Phật học hay Nho học, các vị thiền sư đời Lý đồng thời cũng là những bậc danh nho có tài nội trị, ngoại giao, và các vị nho sĩ đời Lê, đời Nguyễn cũng đều là những bậc uyên thâm đạo Phật.

Điều đáng chú ý là đạo Lão chỉ giữ được nguyên hình triết lý đối với đám sỹ phu học thức, còn xuống tới đại chúng bình dân thì lại biến thể thành một thứ ma thuật, đồng bóng và phù thủy.

Trong địa hạt văn chương, cái thái độ nhân sinh vụ thực tế được nhận thấy rất rõ rệt trong những bài ca dao mô tả đời sống nông nghiệp.

Người nông dân Việt Nam đã được
tiếng là cần cù, nhẫn nại:

*Vụ năm cho đến vụ mười,
Trong làng kẻ gái, người trai đua nghề.
Trời ra gắng, trời lặn về,
Ngày ngày, tháng tháng, nghiệp nghề
truyền chiêm.*

Sức người làm việc ngang với sức
vật, vậy mà nhiều khi người còn khuyến
khích vật đừng nản lòng thối chí:

*Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công.
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.*

Người nông dân Việt Nam chú trọng đến cuộc mưu sinh và hoạt động tích cực, nhưng họ lại an phận thủ thường, không hề ôm ấp những tham vọng cao xa về công danh tiền bạc:

Công danh đeo đuổi mà chi,

*Sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh
nông.*

Sớm khuya có vợ có chồng,

Cày sâu, bừa kĩ mà mong được mùa.

Họ sống một cuộc đời bản năng, chất phác, chỉ mong cày cấy được mùa để có thể no ấm trong gia đình, tổ chức hội hè đình đám, và lo liệu chu toàn bốn phận đối với làng, với nước:

Tháng năm gặt hái đã xong,

Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy.

*Năm nong đầy em xay em giã,
Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
Sang năm lúa tốt tiền nhiều,
Em đem đồng thuế, đóng sưu cho
chồng.
Đói no có thiếp có chàng,
Còn hơn chung đỉnh giàu sang một
mình,*

Cái tâm lý thiết thực mà không vụ lợi có lẽ được phát biểu rõ rệt nhất là trong bài hát «Thằng Bờm » mà chúng ta hẳn không mấy người không thuộc. Thằng Bờm, hình ảnh của người nông dân Việt Nam hồn nhiên chất phác, đã từ chối tất cả mọi hình thức của cái của phú ông mà chỉ nhận đổi chiếc quạt mo lấy một năm xôi là món nhu cầu có công dụng thực tế hiển nhiên đối với cuộc sống của Bờm.

Cái triết lý nhân sinh thực tế mà lý tưởng chúng ta vừa nhận thấy trong văn chương của đại chúng bình dân lại cũng chính là cái triết lý hành động của tầng lớp sĩ phu trí thức. Chỉ khác một điều là ở lớp người sau này, triết lý ấy đã được diễn tả một cách sâu xa và cao cả hơn, phù hợp với sứ mạng lãnh đạo của họ, đồng thời lại khoác một hình thức trang trọng, kiểu cách của lễ lối văn chương bác học.

Thật vậy, trong khi người nông dân Việt Nam hoạt động tích cực nhưng an phận thủ thường, thì kẻ sĩ phu sau khi đã hăng hái hoạt động để trả nợ tang bồng cũng lại về địa vị của « tấm thân ngoại vật », yên vui với hai chữ « vô cầu »:

Chữ vô cầu là chữ thiên nhiên.

(Nguyễn công Trứ)

Ta hãy mượn thì ca của Nguyễn Công Trứ, kẻ sĩ điển hình nhất, để chứng minh cho nhận xét trên. Trong bài « Kẻ Sĩ », tác giả đã trình bày đầy đủ cái quan niệm nhân sinh của kẻ sĩ: hoạt động xã hội và tham gia việc nước là bốn phận phải làm, lui về ở ẩn để tiêu dao cảnh nhàn hạ với thiên nhiên là cái quyền được hưởng:

Trong lang miếu ra tài lương đồng,

Ngoài biên thủy rạch mũi can tương.

Làm sao cho bách thế lưu phương,

Trước là sĩ sau là khánh tướng...

Nhà nước yên mà sĩ được thông dong,

Bấy giờ sĩ mới tìm ông Hoàng Thạch.

Dăm ba chú tiểu đồng lệch thếch,

Tiêu dao nơi hàn cốc thanh sơn.

*Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào đàn,
Đồ thích chí chất đầy trong một túi
Mặc ai hỏi, mặc ai không hỏi tới,
Ngắm việc đời mà ngắm kẻ trọc thanh,
Này này sĩ mới hoàn danh.*

Đó là ruột thái độ quân bình, đã có thể dung hợp và biến hóa hai quan niệm xuất thế và nhập thế mâu thuẫn nhau thành ra hai giai đoạn của cùng một con đường dẫn tới hạnh phúc. Bởi thế, ở một chỗ khác, Nguyễn Công Trứ đã biểu lộ một tư tưởng mới nghe thì dường như mâu thuẫn mà thật ra chí lý vô cùng:

Hành làng bất nhị kỳ quan.

(Hành động hay đi ở ẩn chẳng phải là hai quan niệm khác nhau)

Có hiểu thấu được triết lý chiết trung ấy, ta mới cắt nghĩa được đúng cái quan niệm công danh cũng như quan niệm hưởng nhàn của kẻ sĩ lý tưởng. Công danh là một món nợ phải trả, vì làm trai sinh ra ở đời phải có bốn phận thi thố tài năng xây dựng xã hội:

Tang bổng hồ thi nam nhi trái,

Cái công danh là cái nợ lần.

Như vậy, công danh chẳng phải là hư danh, chỉ có nghĩa là chức tước và tiền bạc. Công danh phải là cái sự nghiệp hiển hách, ích quốc lợi dân, kể từ địa hạt văn học, chính trị, tới quân sự:

Nợ tang bổng quyết trả cho xong,

*Đã xông pha bút trận, thì gắng gỏi
kiếm cung.*

Làm cho rõ tu mi nam tử.

Bởi quan niệm công danh là món nợ, cho nên khi sự nghiệp đã thành, kẻ sĩ không mang bám lấy lợi danh và thụ hưởng những kết quả vật chất, mà nhẹ nhàng lui về cuộc đời ẩn dật, hưởng những thú vui nhàn hạ, thanh cao:

Thú xuất trần tiên vẫn là ta,

*Sánh Hoàng Thạch, Xích Tùng, ở cũng
đáng.*

Cầm tứ tiêu nhiên, kỳ tú sáng,

Thi hoài lạc hĩ, tửu hoài nông.

*Một chữ nhân giá lại đáng muôn
chung.*

Người ở thế dẫu trăm năm là mấy

*(Cầm kỳ thi tửu bài 2 – Chơi cho phỉ
chí)*

Nói như thế, không có nghĩa là trong văn chương Việt Nam không hề có những tác phẩm hoàn toàn biểu lộ tư tưởng xuất thế tiêu cực. Ta có thể dẫn ra Nguyễn Bình Khiêm, Ôn Như Hầu, Cao Bá Quát làm thí dụ. Tuy nhiên, đó chỉ là những trường hợp bất thường do hoàn cảnh gây nên. Những nhân vật ấy, trên thực tế, đều đã từng bao phen trả nợ bút nghiên, tham gia việc nước, nhưng con đường sự nghiệp bỗng nhiên bị ngáng trở vì lẽ này hay lẽ khác, cho nên sớm ca tụng cảnh nhàn với thái độ thoát phàm của một bậc triết nhân đã thành đạt, hay với tâm trạng bất mãn của một người bấy tôi bị bạc đãi.

Bởi vậy, khi tìm hiểu triết lý nhân sinh của dân tộc Việt Nam qua văn chương, ta chỉ có thể kể đến những tiếng nói có giá trị tiêu biểu, phản chiếu được

cái nếp sống thực tế của mọi người từ tầng lớp bình dân đến hàng ngũ trí thức. Vả lại, dùng văn chương để chứng minh cho cái triết lý chiết trung của dân tộc tức là mới chỉ làm được một phần công việc trong số bao nhiêu hình thức sinh hoạt khác. Nhưng phần công việc ấy, dầu nhỏ bé thế nào đi nữa, cũng đủ đem lại cho chúng ta một ý niệm chắc chắn về cái tinh thần đặc biệt của dân tộc, và chúng ta sẽ không ngừng tự tin tưởng trong công cuộc thích ứng với trào lưu tiến hóa chung của nhân loại.

Lê Xuân Khoa

MÀU CHINH CHIẾN TRONG THƠ VIỆT

Hoàng Anh Tuấn

Xuyên qua những tác phẩm văn nghệ của một nước, người ta có thể phỏng đoán được phần nào khung cảnh, khí hậu của nước đó, vì khung cảnh và khí hậu thường ảnh hưởng một phần tới bản tính của con người.

Cái đẹp tràn đi, tỏa ra của non sông Việt thấm vào tâm hồn người Việt, thể hiện lên văn chương. Đọc một bài thơ, nghe một khúc ca dao là nhìn thấy những hình ảnh linh động của đất nước.

Cái ngạo nghễ của dãy Trường Sơn, cái mềm cong của bờ biển đã dẫn nước mặn Thái Bình Dương xuống Ấn Độ Dương; dung hòa với những vương rừng tràm đậm đặc, với những dòng sông uốn lượn quanh co mang cái đẹp của loài xà vương và cái đẹp lãng lơ của «... tấm lụa đào, phất phơ giữa chợ biết vào tay ai? », với những đồng ruộng tràn đi bát ngát, dâng lên một nguồn sống vừa đậm ngọt, vừa lả lướt.

Khí hậu đó, khung cảnh đó rèn cho tâm hồn dân tộc ta những nét kiêu vưỡn lên, những can trường hản mạnh như tiếng nghiêng rặng, những chịu đựng tôi cứng lại; đồng thời cũng phổ vào tâm hồn dân tộc ta những khổ nhục trên, khi tủi buồn, khi tha thiết, khi nhẹ nhàng thanh tao, lúc thì thâm lặng say sưa, lúc

thì đăm đuối, lúc thì hóm hỉnh như đuôi mắt cười nheo lại.

Chúng ta biết ôm bom-ba-càng lao mình vào xe thiết giáp địch, biết nhận định một cách đúng đắn “Phép công là trọng, niềm tây sá nào”, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không biết mơ mộng với trăng, với gió, với mây; biết hứng giọng nói người yêu như hứng nhạc để dư âm ngân mãi trong các ngõ ngách của tâm hồn; biết nghe tiếng sáo diều thấy ngơ ngẩn như tiếng lòng và biết tinh quái một cách “Tiểu lâm”.

Sở dĩ cái dũng cảm của dân tộc ta sáng lên một thứ ánh sáng vẹn tuyền vì nó không bị hận thù làm mờ ám, vẩn đục. Vì « lòng hứa quốc tựa son ngấn ngắt » (373 – Chinh phụ ngâm khúc) nên hình ảnh:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha, [39]

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

mới nổi bật một cách vô cùng thơ trong giờ xuất phát, đẹp một vẻ đẹp sắc nét nhưng không sắc cạnh.

Vẻ đẹp của người chiến binh dù có mô tả bằng những động tác vũ bão “Thét roi cầu vị ào ào gió thu” hay bằng những động tác ngạo mạn kiêu căng:

Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,

Chí ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo!

cũng vẫn không “vũ phu”, không khát máu vì vẻ đẹp thường vẫn được chải chuốt bằng những ý niệm:

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

vừa mang màu sắc triết lý của cái sống, cái chết, vừa nói lên được cái khí phách của kẻ nam nhi. Đôi khi ý niệm sống, chết còn được giải ra một cách nhẹ nhàng – cái nhẹ nhàng vừa thơ, vừa khinh mạn – « Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây ».

Con người chiến binh của chúng ta với « Ba thước gương một cổ nhưng yên » luôn luôn giữ vững cái thế cao đẹp của con người dạt dào tình cảm « Lên cao trông thức mây lồng » người lính Việt vẫn không cần chối cãi « Lòng nào là chẳng động lòng bi thương ». Chính vì cái tính chất người được hiểu lộ chân thành không giấu dặt mà niềm cảm thông mới trở nên mạnh mẽ, cái đẹp thành ra gần gũi và thật. Không phủ nhận tình cảm, không giả dối gạt bỏ những xúc động, những buồn khổ nên cái đẹp dim chết

tất cả những máy móc, những tính toán, những giả tạo.

Con người chiến binh của chúng ta không phải là cây kiếm mà là kẻ cầm kiếm, biết đau cái đau chung của kiếp làm người.

Nhưng một khi « xếp bút nghiên theo việc đao cung » và « giả nhà đeo bức chiến bào », nghĩa là tự do chọn lấy con đường sứ mệnh thì dù « buổi tiền đưa lòng bạn thê noa » cũng vẫn:

Xông pha gió bãi trăng ngàn,

Tên reo đầu ngựa, gió lan mặt thành.

với ý chí cứng vững « thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời ».

Người Việt Nam vốn ưa cảnh thanh bình – đôi khi bị hiểu nhầm là thụ động

– để trọn vẹn sống với những tình cảm ngọt ngào nhưng không vì thế mà khoanh tay trước làn sóng ngoại xâm tràn tới. Với hai chữ « Sát Đát » thích vào da thịt hay trở vào tận tâm hồn, người Việt thể với tình yêu, thể với đất nước gấm vóc bảo vệ cái đẹp mềm mại của quê hương, và nòi giống.

Tuy nhiên, chúng ta vẫn khinh bỉ chiến tranh, không bao giờ tặng cho cuộc chém giết một nét đẹp dù ở mặt nào, cạnh nào. Chúng ta vẫn thờ dài, gọi kẻ thù là « ai » một cách vu vơ để trách cứ như trách cứ một người tàn tật, bệnh hoạn « vì ai gây dựng cho nên nỗi này? »

Cái phi lý của chiến tranh được nói lên bằng một loạt hình ảnh mô tả cái thiếu cực tình cảm, cái khổ cực của đời sống chiến binh:

Xưa nay chiến địa đường bao,
Nội không muôn dặm, xiết bao dài
dâu.

Hơi gió lạnh, người râu mặt dạn,
Giòng nước sâu ngựa nản chân bon.
Ôm yên, gối trống đã chôn,
Năm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu
xanh.

.

Đã trắc trở đòi ngàn xà hổ, [85]
Lại lạnh lùng những chỗ sương phong.

.

Chàng ruổi ngựa dậm trường mây
phủ,

.

*Non Kỳ quanh quẽ trăng treo,
Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò
Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dỗi dỗi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người.
Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn.*

Và lo lắng vì chiến tranh đốt mất tuổi thanh xuân:

*Phận trai: già cỗi chiến trường,
Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về.*

Để người đọc tự đặt vấn đề: Cái đẹp của chém giết – nếu có – thì ở chỗ nào? Cái đẹp của hiên ngang chống đỡ không làm mờ được điệu bi ai, bản anh hùng ca vẫn rầu rầu sắc lửa, sắc màu. Cái cảnh:

*Trống Tràng Thành lung lay bóng
nguyệt,*

Khói Cam Toàn mờ mịt thức mây

Mở màn để cho người ta luyện tiếc « nước thanh bình ba trăm cũ » và khi vì bốn phận phải ra đi gánh vác sứ mệnh bảo tồn cái đẹp thì những nét buồn nhẹ nhẹ vương vấn “Sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng”. Cái sầu của lòng dũng cảm không muốn đem mưu trí hòa vào cuộc chém giết, cái oán rộng tỏa, khi nhìn thấy bài thơ bị máu lửa phá phách.

Lấy điệu buồn để phác những nét tình cảm, nói lên ý chí quyết chiến để bảo vệ cái đẹp nhưng vẫn chống chiến tranh là cái toàn diện của tác phẩm Chinh Phụ Ngâm, của Bình Ngô Đại Cáo, của một trong những phần nổi nhất trong hai tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh và Tế Vong Hồn của thi bá Nguyễn Du.

Đi từ điểm đó, ta thấy rõ tinh thần ưa chuộng hòa bình của dân tộc, tuy can trường chiến đấu nhưng vẫn mong:

Buông tên ả bắc, treo cung non đoài.

Bóng kỳ xí giã ngoài quan ải, [381]

Tiếng khải ca trở lại thành kinh.

và tha thiết ước mong « nước Ngân Hà vác đồng rửa sạch » để mãi mãi không còn dùng tới những thứ khí giới tanh lạnh, để quên hẳn hai chữ chiến tranh trong ngũ vụng của loài người.

Chiến tranh tàn, mùa vui nở « gìn giữ nhau vui thưở thanh bình » cùng cái đẹp, cái đắm say gắn bó sau chuỗi ngày dài chỉ nếm toàn vị đắng cay.

Chúng ta mong cho chiến tranh chấm dứt để tha thứ, để cầu yên cho mình và

cho địch, chúng ta mỉm cười hiền lành,
quên hết, chỉ còn yêu đương, chỉ cần có
yêu đương. Bối cảnh máu lửa nhường
cho một bối cảnh khác thăm thiết:

Xin vì chàng xếp bào cởi giáp,

Xin vì chàng dỡ lớp phong sương.

Vì chàng tay chuốc chén vàng,

*Vì chàng điểm phấn, pha son nã
nùng*

Cho bỏ lúc xa sầu, cách nhớ,

Cái ôn hòa và say đắm của dân tộc
ta mâu thuẫn với cái chém giết bạo tàn
của chiến tranh nên qua tác phẩm nào
chúng ta cũng chỉ thấy hình ảnh người
chiến sĩ – mà cũng là người thí sĩ – đứng
trước chiến tranh, nét kiêu hùng nổi bật
trên nền lửa rực làm ngời đẹp hơn những

con người cất bút, đeo gươm, làm nhiệm vụ mà giang sơn đòi hỏi, chỉ có thể thôi, chứ chúng ta tuyệt nhiên không bao giờ ca tụng chém giết, đặt chiến tranh lên một địa vị sơn son thiếp vàng.

Hoàng Anh Tuấn

Ý NIỆM SIÊU HÌNH TRONG VĂN HỌC

Đinh Hùng

 Trong khi ở cách chúng ta không xa – cùng trên bình diện Trái Đất, chỉ khác nhau vài khoảng không gian – có những người đang muốn nắm trọn quyền phép huyền bí cấu thành vũ trụ, tái tạo vật thể, khám phá thêm những hành tinh; trong khi các nhà khoa học đang muốn bay vượt tốc độ ánh sáng, sửa soạn gửi những nhân chứng bằng xương bằng thịt lên cung trăng... thì những người văn nghệ chúng ta vẫn

chưa hết bản khoăn với một số vấn đề tuy đã nhiều lần giải quyết mà hình như chưa bao giờ giải quyết xong.

Người văn nghệ sĩ không bao giờ hết bản khoăn, ở đây cũng như ở những phương trời khác. Mà bản khoăn chỉ vì một số vấn đề có thể đã cũ từ ngàn năm. Cũ như trái đất. Cũ như cuộc sống của con người. Cũ như chính con người từ thửa hiện sinh trên cõi đất.

Trước đây hàng thế kỷ đã được nêu lên những vấn đề « tìm hiểu con người và vũ trụ », những câu hỏi « con người từ đâu tới rồi sẽ đi về đâu?... » « có ta hay không có ta?... » « có Giời hay không có Giời?... » Và gần đây, khi mà Nietzsche tuyên bố « Thượng Đế đã chết!... », khi mà « chủ nghĩa Hiện Sinh » của Sartre, « thuyết phi lý » của Camus xuất hiện khiến những người cầm bút hôm nay

lại có thêm dịp ngắm nghĩ về « số kiếp và thân phận con người » – dù là con người của thời đại mới – thiết tưởng vẫn đề trước sau vẫn chỉ xoay quanh một cái trục, theo một vòng luân hồi bất tận. Và, trong cái Thái Dương Hệ Tư Tưởng đó, có những hành tinh cũ từ quá khứ bỗng một chiều lại sáng chói như mới xuất hiện, cũng như có những hành tinh mới xuất hiện trước mắt chúng ta, nhưng sự thực, nguồn ánh sáng đã khởi phát từ muôn ngàn năm xa lắc.

Viết gì? Vẽ gì? Hát gì? Phải chăng đó là những thắc mắc đầu tiên của tất cả những người làm văn nghệ? Máy vấn đề căn bản đó tự nhiên lôi cuốn thêm nhiều vấn đề phụ thuộc – tuy phụ thuộc nhưng không kém phần quan trọng, vì tất cả đều liên hệ mật thiết. Như mặt trời ảnh hưởng tới mặt trăng, như mặt trăng

ảnh hưởng tới Trái Đất. Như các vì tính tú tương quan ảnh hưởng lẫn nhau.

Từ khởi thủy, những câu hỏi «Viết gì? Vẽ gì? Hát gì?...» tự nhiên sẽ dẫn tới những vấn đề: «Viết thế nào? Vẽ thế nào? Hát ra sao?» Hơn một ngàn năm trước đây, ở cái thời mà Thi ca nảy nở rực rỡ như hoa mẫu đơn vườn Ngự – thời đại Thịnh Đường Trung Quốc – một Lý Bạch, một Đỗ Phủ tưởng chừng vẩy bút thành Thơ, cũng không thoát khỏi băn khoăn như chúng ta ngày nay.

Khi, bằng mấy vần thơ khẩu chiếm, Lý giễu cợt Đỗ – vì nhận thấy Đỗ làm thơ quá khắc khổ:

Tá vấn nhân hà thái sáu sinh

Chỉ vị tòng lai tác thi khô³

3 Có chi thân thể trông gầy guộc? Chỉ vị làm thơ khốn khổ thôi...

Và khi Đỗ đáp lại:

Thống âm cuồng ca không độ nhật

Phi dương bạt hồ vị thùi hùng⁴

Phải chăng ít nhiều Lý với Đỗ cũng đã từng gián tiếp đặt vấn đề « Viết gì? và Viết thế nào? »

Lại nữa, khi Lý Bạch đặt chân lên lầu Hoàng Hạc, thấy cảnh đẹp, cao hứng muốn đề thơ vịnh Hoàng Hạc Lâu, nhưng:

Nhân tiền hữu cảnh đạo bất đắc,

Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu⁵

Thực chẳng Lý có mặc cảm không làm với một bài thơ tuyệt bút khác, như

4 Suốt buổi say nhè rồi hát nhảm. Vội vì hăng hái giờ trò ngông...

5 Trước mặt có cảnh đẹp (mà) không tả được. (Vi) Thôi Hiệu đề thơ ngay trên đầu.

thơ Thôi Hiệu? Chưa chắc đã đúng thế. Nhà thi sĩ trích tiêu, với cái kiêu ngạo ngất trời của một tay thi thánh, tất không dễ dàng chịu thua kém ai. Nhưng ở đây, Lý không kiêu ngạo mà cũng không nhũn nhặn. Lý cũng không có ý tự so sánh mình với Thôi Hiệu. Lý chỉ thực với chính mình trước hết: Sở dĩ « nhãn tiền hữu cảnh » nhưng « đạo bất đắc » chỉ vì « Đề Tài Hoàng Hạc Lâu » đối với Lý không còn mới nữa. Lý không còn tìm thấy nguồn cảm hứng trinh bạch của phút giây sáng tạo thần linh – nguồn cảm hứng đột khởi thuần chất Lý Bạch. Thái độ của Lý qua hai mẫu giai thoại trên, dẫu không đặt thành nguyên tắc, cũng tự nhiên biểu thị một quan điểm sống, một khuynh hướng văn nghệ.

Hơn một nghìn năm sau, người văn nghệ sĩ ngày nay gọi đó là những vấn đề

Tạo cảm hứng, Tìm Đề tài, những vấn đề Nội Dung với Hình Thức, những vấn đề Kỹ Thuật, Lập Trường – vấn đề Sáng Tác nói chung. Và ngày nay, làm văn nghệ ở thời đại « vật lý địa cầu », bên cạnh những vệ tinh cùng bom nguyên tử, chúng ta cũng vẫn còn băn khoăn cái băn khoăn của người xưa. Không như ở địa hạt khoa học, mỗi bước tiến là một cố gắng vượt xa quá khứ, đẩy lùi quá khứ vào quên lãng. Có khi khoa học còn chối bỏ hẳn Dĩ vãng, cắt đứt hết mọi liên lạc với Dĩ vãng để càng thẳng đường nhẹ cánh bay cao.

Văn nghệ, ngược lại, dù tiến tới những phương trời nào cũng vẫn có lúc quay trở về dĩ vãng. Đối với những người văn, người thơ, linh hồn thực của Dĩ Vãng vẫn thấp thoáng kể bên Hiện Tại. Thời gian cách biệt hình như khô-

ng đáng kể. Có khác chăng, chỉ là những vang bóng – cái hình tượng của sự vật.

Từ những thời Đường, Tống bên Trung Quốc hay từ thời đại cổ La Hy, các nhà thơ đã từng ca ngợi Ái Tình, Thiên Nhiên, Đồng Ruộng. Ngày nay, những người làm thơ cũng vẫn còn ca ngợi Đồng Ruộng, Thiên Nhiên, Ái Tình: Có thể mỗi thời đại, người ta yêu nhau một khác, nhưng bản chất của Ái Tình vẫn không thay đổi. Có thể cảnh sắc Thiên Nhiên, Đồng Ruộng ngày xưa khác với bây giờ, nhưng thực thể của Đồng Ruộng, Thiên Nhiên vẫn có những chỗ tương đồng. Trên bề mặt trái đất, chúng ta vẫn tiến, tiến mãi không ngừng bước. Và trong khi chúng ta tưởng rằng vẫn tiến thẳng, thì vô tình, chúng ta vẫn cứ tiến theo một đường vòng vô tận. Cuộc hành trình liên tục trong không gian đã

khiến chúng ta có cái cảm giác lúc nào cũng thẳng tiến, mặc dầu đi mãi, chúng ta sẽ lại dẫm trùng những dấu chân xưa.

Như vậy, có thể bảo rằng: Văn nghệ từ xưa đã không tiến triển gì hết? Và như vậy, tất phải cho rằng: Văn nghệ không thể tiến kịp thời và cùng đường với khoa học – nghĩa là không tiến kịp đà tiến hóa của nhân loại?

Không. Văn nghệ vẫn tiến. Cũng như tạo vật có tiến hóa mới sinh tồn. Vì tiến hóa là định luật chung của muôn loài. Không tiến hóa tất phải tiêu diệt. Trên cõi đời, Văn nghệ đã tồn tại từ những quá khứ xa lắc tới ngày nay, tất nhiên không thể không tiến triển.

Có điều, khác với khoa học, cái cũ nghìn năm của văn nghệ, bởi vì có một Hồn Sống lâu bền, cho nên chỉ cần thối

vào một luồng sinh khí mới, đủ trở nên « đương thời », hòa nhịp được với tấm lòng mọi thời đại. Những giá trị văn nghệ của Dĩ Vãng. nếu chứa đựng cái Hồn Sống muôn đời, sẽ không bao giờ cũ. Vấn đề sáng tác văn nghệ, nếu vẫn hướng theo ý nghĩa vĩnh cửu của sự sống, sẽ không bao giờ lỗi thời.

Cái « ngoại giới » của một tác phẩm văn nghệ (cái hình tướng vang bóng của sự vật) có thể đổi thay, biến hóa, nhưng linh hồn tác phẩm bởi vì không có hình tướng, sắc màu cụ thể, nên sống vượt khỏi cả những định luật vật lý, thoát khỏi sức phá hoại của thời gian: Anh Hùng Ca của Homère, Thơ Lý Bạch hay thi phẩm Nguyễn Du, tuy xuất hiện vào những thời gian và không gian khác nhau, nhưng ngày nay vẫn đủ sức rung cảm chúng ta, tưởng như trong tác phẩm

có chính một phần linh hồn chúng ta thức dậy – mặc dầu ngày nay những đền đài, di tích cổ thời Hy Lạp đã điêu tàn, thời đại Thịnh Đường Trung Quốc đã từ lâu phai mờ dấu vết, và mặc dầu cả Vương Thúy Kiều cùng cái thực trạng xã hội năm Gia Tĩnh triều Minh giờ đây chỉ còn là một ảo tưởng.

Cái Hồn Sống của tác phẩm, luồng sinh khí cần thiết để cho tác phẩm tiến hóa và tồn tại, không phải là một thực thể khả dĩ kiểm soát được bằng những giác quan thường, cả bằng khoa học thực nghiệm. Đó là một hình thái trừu tượng, chỉ có thể tế nhận bằng trực giác, bằng linh tính, bằng một nguồn cảm thần giao, bằng những quan năng siêu ý thức. Đó là cái ý niệm siêu hình trong tác phẩm văn nghệ.

Như vậy, Văn nghệ tiến đến những chặng đường nào, khám phá thêm những thế giới nào, chính khoa học cũng không ước lượng được ra. Vả chẳng cũng không nên đặt vấn đề so sánh. Văn nghệ tuy vào tiến nhịp bước cùng thời đại – nghĩa là tiến cùng đường với khoa học – nhưng bản chất của văn nghệ, tác dụng của văn nghệ, cũng như cứu cánh của văn nghệ đều khác xa với khoa học: Văn nghệ có Hồn, khoa học chỉ có hiện tượng; văn nghệ giao hưởng với tâm ý con người, khoa học tiếp xúc với ta bằng đường lối của giác quan và đường lối thuần trí tuệ; văn nghệ khơi sâu, tìm hiểu đến tận ý nghĩa cuối cùng của đời sống và con người, khoa học không cần ý nghĩa tận cùng, chỉ cần chứng nghiệm tức khắc.

Cho tới ngày nay, với tất cả những phát minh mới nhất về khoa học, người

ta cũng vẫn chưa ra khỏi thế giới hữu hình. Nhưng, văn nghệ sĩ, theo con đường vòng bất tận của bộ, đã có thể mở ra bao nhiêu cảnh cửa huyền vi, vào thăm bao nhiêu thế giới kỳ bí! Nhà toán học và vật học thiên tài Henri Poincaré đã từng xác nhận khả năng khám phá kỳ diệu của văn nghệ trong một câu nói đầy ý nghĩa với J. Cocteau: « Thi sĩ các ông thực là may mắn. Khi các ông chạy, các ông không cần đếm xem mình có bao nhiêu cẳng chân... »

Đó cũng là một câu nói bao hàm một ý niệm siêu hình đơn giản mà cao viễn. Và ý niệm siêu hình, hiểu theo H. Poincaré, có thể khơi « đường san đạo », dẫn ta tìm đến với những đề tài lớn.

Cao vọng của người văn nghệ sĩ hôm nay không phải là được bay lên cung trăng bằng đường vệ tinh, hỏa tiễn.

Cũng không phải là khám thêm những hành tinh mới. Cũng không phải là chế tạo được những hình nhân chạy bằng động cơ, những bộ óc điện tử biết tính toán, suy nghĩ, biết cả mưu thuật xảo trá như người thực. Tất cả những kết quả lộng lẫy nhất của khoa học cũng chưa đủ thỏa mãn cái khát vọng cố hữu của người văn nghệ sĩ – khát vọng vào thăm dò những bí mật sâu kín của chính linh hồn mình trước nhất. Ngoài ra, còn bao nhiêu miếng

[thiếu trang 38 và 39]

Mây bay đi

Nguyễn Sa

Bây giờ mỗi lần Vân đi qua tôi vẫn buồn. Tôi vẫn nhìn vào năm ngón của bàn tay trái mà nghĩ: những giọt nước mắt ấy bây giờ ở đâu? Không còn gì trên những ngón gầy, đen này cả. Như thế, chúng đã bay đi hay đã lẫn trốn vào chiều sâu của từng huyết quản? Nhìn năm ngón tay tôi vẫn thấy hình ảnh Vân khóc và con đường Phan Đình Phùng nằm im lặng ở đấy với những giọt mưa đầu mùa nhẹ mát. Không phải con đường Phan Đình Phùng phía trên này. Vân không thích chúng tôi

gặp nhau ở gần những ngôi nhà có vườn rộng, ở những khu phố sang trọng. Vân bảo: ở những ngôi nhà mái tôn thấp bé, nóng bức, ở giữa những đường phố chật hẹp, ồn ào có một sức hấp dẫn lạ. Gặp nhau phía trên kia tiện hơn, kín đáo hơn. Nhưng ở giữa khu Chợ vườn chuối này thích hơn. Có lẽ ở giữa sự tầm thường, sự gian khổ vật chất này có phảng phất cuộc đời. Tôi cho rằng ý nghĩ của Vân phản ánh một quan niệm lãng mạn, một quan niệm cách mạng có nhiều tính chất lãng mạn. Nhưng tôi không cãi lại, Vân thường trách sự im lặng của tôi. Nàng cho rằng tôi có những phản ứng chậm trong việc ứng đối. Nhưng bây giờ phân tách lại trạng thái tâm lý bất động của tôi lúc ấy liên đới với sự sinh hoạt tâm lý chung của con người tôi, tôi không cho rằng tôi là người có phản ứng chậm trong việc ứng đối. Khả năng ứng đối

của tôi thật ra chỉ bị tê liệt những khi ở gần Vân. Thiếu kinh nghiệm đối với đàn bà? Không phải. Vân không phải người con gái đầu tiên tôi yêu. Cũng không phải người yêu thứ nhì hoặc thứ ba, Thứ sáu. Chính tôi đã giữ vai trò chủ động trong việc làm quen với Vân. Tôi đã tấn công đầu tiên, đã đặt những kế hoạch một cách tuyệt đối khoa học để đạt tới đối tượng ấy. Gặp Vân một tháng thì tôi chợt nhận thấy một biến chuyển lớn nơi Vân: nàng đã cắt ngắn mớ tóc rất dài.

Tôi biết rằng người con gái có mớ tóc dài thế cắt ngắn đi thường sống trong tình cảm hối tiếc (không hiểu việc cắt tóc như thế có sai lầm không, cắt ngắn thế này trông có xấu đi nhiều không v.v...) và tôi liền nắm lấy cơ hội làm quen ấy. Giữ Vân lại ở đường Phan Đình Phùng vào một buổi tối tôi hỏi:

– Mới cắt tóc?

Vân nhìn khuôn mặt quen thuộc của tôi – chúng tôi học cùng lớp – rồi trả lời e thẹn:

– Dạ.

Tôi cười cợt hỏi tiếp:

– Tại sao lại cắt đi?

Không đợi Vân trả lời tôi nghiêm nét mặt với một vẻ nghiêm nghị kịch:

– Sao cắt đi mà không xin phép trước?

Nhưng tôi chỉ giữ vai trò chủ động trong việc đối thoại tình cảm như thế trong một quãng thời gian ngắn. Tôi chìm dần vào sự im lặng mỗi khi gần Vân – sự im lặng mà Vân gọi là thiếu phản ứng trong việc ứng đối – và biện

minh cho sự im lặng ấy bằng lý luận lãng mạn đượm màu sắc bi kịch: lâu lắm, hằng tháng chúng tôi mới gặp nhau một lần. Và cuộc gặp gỡ thường chỉ dài mười lăm phút. Tôi chỉ có đủ thời giờ để nhìn nụ cười, mái tóc ngắn và khuôn cổ trắng, những ngón tay có móng dài tô đỏ, đôi mắt buồn, tà áo dài đến gót chân (Vân người miền Nam, quê ở Vĩnh Long và mặc áo dài rất dài theo kiểu miền Nam) và gò má đỏ của Vân. Không có đủ thời giờ để sống với nhau còn lấy dân ra thời gian mà bàn cãi – dù là bàn cãi về cuộc đời.

✱

Tại sao có sự im lặng tê liệt ấy? Bây giờ tôi vẫn đặt câu hỏi ấy nhưng lại thấy rằng nó gần như vô nghĩa, không đáng

tìm hiểu, trả lời bởi trăm nghìn câu hỏi khác bốc lửa trong mắt tôi. Và hỏa ngục nằm trong câu hỏi lớn: tại sao tôi không nói với Vân là tôi yêu nàng, Tại sao không nói một cách thật thà đơn giản. Có gì khó khăn đâu? Chắc Vân biết những ý nghĩ mà anh vẫn nuôi giữ về Vân? Chúng mình có thể gần nhau mãi mãi được không hả Vân? Tôi nhắc lại một mình những câu ngờ ý chuẩn bị đã từ lâu ấy. Có gì khó khăn đâu? Tôi đã có thể nói một cách vô cùng đơn giản anh yêu Vân. Anh yêu Vân. Có ba chữ. Tôi có thể nói một hơi thật nhanh bất cứ lúc nào trong những lần gặp gỡ ấy. Tôi đã nói những lời tương tự – có thể là anh yêu Mai, anh yêu Đạm... trong một hơi thở thoáng qua. Với người con gái Trung hoa gặp gỡ tháng trước tôi còn sử dụng được một cách thông thạo cái ngôn ngữ ái tình ấy trong trường hợp không cần thiết.

Sầu – người con gái Trung hoa ấy bảo tôi:

– Anh cho em ba ngàn thì tiền ăn và tiền nhà cũng không đủ, làm thế nào em sống với anh được.

Tôi dỗ dành bằng một giọng đau khổ:

– Lương anh có năm nghìn. Anh làm thế nào cho em hơn được. Còn bạn bè, sắm sửa, thuốc lá...

– Hay là anh cho em ba nghìn, tiền nhà anh bao...

Và tôi nói những lời đáng lẽ không cần nói:

– Anh yêu em. Nếu em cũng yêu anh thì em cố thu xếp. Sự gần nhau là cần thiết dù thiếu thốn về tiền tài...

Tôi đã nói anh yêu em chỉ vì một lý do chiến thuật trong việc mặc cả một cuộc sống gần gũi hữu hạn. Tại sao những lời nói dễ dàng như hơi thở ấy bị bóp nghẹt trong những lúc gặp Vân. Tất cả khung cảnh của những cuộc gặp gỡ đều giúp đỡ thúc đẩy tôi nói điều cần phải nói với Vân. Những cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi là những cuộc gặp gỡ lén lút. Tôi ở Tân Định, Vân ở Lê Lợi. Và chúng tôi gặp nhau ở Bàn Cờ Chợ vườn chuối. Chúng tôi đi xi-nê với nhau trong Chợ Lớn dù phim nói tiếng Anh (tôi không biết tiếng Anh) và phụ đề chữ Hán. Lần đầu tiên tôi lau nước mắt Vân – lau bằng tay trái bởi vì tôi vẫn sợ bàn tay phải của tôi thiếu sự mềm mại, âu yếm cần thiết – Vân đã nhìn tôi bằng đôi mắt mà trong sự tưởng nghĩ chủ quan bây giờ tôi gọi là chờ đợi.

Vân đến tìm tôi sau ngày cuối cùng

của kỳ thi Tú tài 2, ở địa điểm hò hẹn cũ, Vân bảo đã làm sai bài toán-lý-hóa rồi khóc. Tôi an ủi Vân bằng những lời vụng về, đứt quãng. Hình như tôi nói về sự không cần thiết của văn bằng, về sự may rủi của khoa cử (có khi tưởng là trượt mà hóa ra đỗ, tưởng đỗ mà hóa ra trượt), về một người tôi quen làm giám khảo kỳ thi này v.v... Sau cũng tôi gọi xích lô và Vân bước lên. Lúc Vân bước lên tôi cầm tay Vân để đỡ. Khi đã ngồi yên trên xe Vân rút tay lại và nói:

– Vân làm sai là tại anh.

– Làm sao tại anh?

Đôi mắt Vân nhìn vào tôi. Tia mắt ấy đi suốt vào tôi như một mũi nhọn:

– Tại hôm sinh nhật Vân (17-4) anh cho Vân một đĩa hát buồn (tôi tặng Vân

đĩa « Les Feuilles mortes », Juliette Gréco hát)

Rồi Vân im lặng, cúi mặt, chờ đợi. Tôi, với bàn tay trái, lau những giọt nước mắt còn đọng ở gò má, ở đuôi mắt Vân. Lúc ấy tôi không nói điều muốn nói, điều cần phải nói. Tôi chỉ im lặng nhìn Vân cúi đầu để người đạp xe đạp chiếc xe đi.

✱

Có những lúc tôi nghĩ đến những bài học về phân tâm lý của Freud và những người kế tiếp mà tôi đã nghe được ở giảng đường và đọc trong sách vở. Áp dụng lối phân tách ấy vào trường hợp tôi, tôi thấy rằng đã có một sự di chuyển, một sự phối hợp, lẫn lộn con người Vân và những hình ảnh, thần tượng của tôi trong thời thơ ấu.

Lần ấy tôi đi về Hà Đông với Thủy. Thủy là đứa con gái mười ba tuổi và tôi lên mười. Tôi nhớ mang máng rằng nó đẹp. Và chắc chắn là má nó đỏ lắm. Mẹ nó khi đến nhà tôi chơi hay đi với nó và thường nói là gả con Thủy cho thằng Lan (tên tôi). Tôi mới mười tuổi cũng thấy thẹn thẹn và thích thích lời nói có vẻ trêu chọc ấy dù không biết rõ tại sao lại thẹn và thích.

Cuộc hành trình từ Hà Nội đến Hà Đông (đi tàu điện, chuyển tàu rất đông và đậu rất lâu ở Ngã tư Sở) đã làm tôi bị lên một cơn sốt nhẹ. Tôi nằm ngủ thiếp đi vào buổi trưa. Lúc tỉnh dậy tôi có cảm tưởng có một cái gì vướng víu trên cơ thể tôi và vật ấy có một mùi thơm là lạ. Mở mắt ra tôi thấy Thủy ngồi ở bên cạnh nhìn tôi. Nó nói:

– Lan ngủ lâu quá.

Tôi không trả lời vì nghĩ tới sự kiện vương vúi trên cơ thể tôi. Tôi nhìn cánh tay tôi và tức khắc ngược mắt lên nhìn Thủy. Nó mặc áo cánh cụt tay. Mà nó đỏ ửng. Và chiếc áo dài mà tôi không còn nhớ là màu gì đắp trên cơ thể tôi. Thủy nhìn tôi mỉm cười. Tôi cũng mỉm cười nhìn Thủy. Tôi nhắm mắt lại. Đầu gối co lên, tôi có cảm tưởng là chiếc áo dài của Thủy che đắp trên tôi rộng lớn lắm. Cả tay, cả bàn chân, cả đầu tôi nằm gọn trong tà áo ấy. Rồi tôi ngủ thiếp đi, rất an tâm và thích thú, dưới sự dịu nhẹ của lớp vải mỏng và mùi thơm mà tôi chưa chú ý đến bao giờ.

Có phải vì sự thích thú gây ra bởi sự va chạm lần đầu tiên với vật dụng của người khác phải đã sống lại trong sự nhìn ngắm Vân hay không? Có thể. Tôi thích Vân có lẽ không phải vì mớ tóc dài,

vì nước da trắng, những ngón tay đẹp. Tôi chú ý tức khắc đến gò má Vân. Gò má rất đỏ, không phải sắc đỏ của sự e thẹn hay sức khỏe dồi dào. Vân rất yếu, gầy và xanh. Cổ tay nàng bé đến nỗi tôi thường xuyên thèm muốn nâng niu thật nhẹ và thật lâu.

Má Vân đỏ ửng vì nàng đánh phấn hồng quá độ. Khuôn mặt Vân vì sự trang điểm thái quá ấy mang hai sắc thái, vẻ gầy yếu, đôi mắt buồn của Vân vẽ nên niềm trong sáng thần tiên. Sự nguy trang kia là dấu hiệu đàn bà. Nói một cách triết lý: người đàn bà ấy nấu mình trong thiên thần này hay ở trong vẻ thiên thần của Vân đã ngấm chứa vẻ đàn bà kia. Gò má đỏ và tính chất độc đáo ấy làm tôi tức khắc thích thú (có liên hệ với sự xúc động đầu tiên khi nhìn gò má Thủy?) và tôi liền chú ý tiếp theo đến áo dài của

Vân. (Tôi đã nói là Vân mặc áo dài rất dài, kiểu miền Nam). Tà áo dài sát gót chân ấy thường thu hút đôi mắt tôi. Những lúc gần Vân có lẽ vì thế sự sinh hoạt tâm lý của tôi gần như bị tê liệt. Tôi im lặng nghe Vân nói. Rồi trả lời vu vơ (phản ánh sự không chú ý vào câu chuyện). Có phải gò má ấy, tà áo ấy đã làm sống lại hình ảnh của tiềm thức tôi và gây ra một sự thèm muốn nào đó mà tôi không ý thức được (có thể là thèm muốn được tà áo dài, rộng, thơm kia chùi đắp lên cơ thể...) nên tôi bị chìm đắm trong tình trạng tê liệt tâm lý? Có điều chắc chắn là sau khi Vân lên xe đi thì chúng tôi xa nhau nhiều tháng. Vân thi trượt và trở về quê. Ngày khai trường nàng cũng không trở lên Sài Gòn có lẽ vì không muốn theo học lại chương trình đã học qua. Chúng tôi không viết thư cho nhau một phần vì tôi lười viết và một phần (phần cốt yếu)

vì ở dưới ấy – chỗ Vân ở – chúng tôi không có địa điểm nào để làm hộp thư.

Sáu tháng sau Vân trở về Sài Gòn mà không báo cho tôi biết. Chúng tôi gặp nhau ở đại lộ Lê Lợi, gần hiệu sách Khai Trí. Tôi sững sờ nhìn Vân. Bấy giờ Vân để tóc dài (kiểu Pier Angeli). Những tia mắt chúng tôi gặp nhau và tôi chợt nhận thấy sự bối rối nơi Vân. Khi chúng tôi cùng đứng lại nhìn Vân tôi hỏi:

– Vân mới về?

Vân cười gật đầu. Vẻ bối rối như chưa tan biến mà còn chạy vào nụ cười ấy.

Chỉ sự đi lại tấp nập, xô đẩy của những người đi đường tôi bảo Vân:

– Chúng mình tìm một chỗ nào ngồi nói chuyện đi. Hiệu kem. Vân bằng lòng không?

Vân lắc đầu. Tôi lại đề nghị:

– Hay đi bộ một quãng vậy.

Vân cũng lắc đầu. «Vân phải đi ngay », nàng sẽ trả lời tôi gọn gàng như thế. Và nàng đi. Tôi đứng ở đấy, gần hiệu sách Khai Trí, mà nhìn Vân chìm dần vào lớp người đi dạo buổi chiều trên đại lộ Lê Lợi.

Tôi đã định viết thư ngay cho Vân để hẹn gặp buổi tối ở địa điểm cố hữu. Nhưng tôi chỉ viết cho Vân một mảnh giấy nhỏ. « Đừng để tóc kiểu Pier Angeli. Không thích, nhớ cắt ngắn. Phải đi Đà Lạt cuối tháng về sẽ gặp. Và sẽ đem nhiều mận về. »

Sáng hôm sau tôi phải đi Đà Lạt. Tôi muốn ở nhà thu dọn hành lý và thảo luận với Khoa, người bạn đồng hành, về

chuyến đi chung. Tất nhiên, tôi có thể tìm gặp Vân ngay buổi tối hôm ấy nếu tôi hiểu rõ sự bối rối trong đôi mắt, nụ cười của Vân. Lúc về nhà tôi phân tách và cho rằng Vân bối rối là vì gặp tôi ở đại lộ Lê Lợi, chỗ đông người. Thứ nhất: chỗ ấy gần nhà Vân. Thứ hai: theo phân tâm học (ôi phân tâm học!). Người con gái đi cùng với người đàn ông một quãng đường, ngồi uống cùng trong một tiệm nước thường sợ người quen bắt gặp và cho rằng có tình ý gì. Sợ sự cho rằng của người khác mặc dầu mình không có tội gì tức là sợ mặc dầu không có tội. Tôi lý luận như thế và kết luận: Vân bị mặc cảm tội lỗi. Lý luận ấy đã giúp tôi đi Đà Lạt yên tâm. Nhưng lúc ở Đà Lạt về thì sự yên tâm ấy đã phải nhường chỗ cho sự hoang mang, hỗn loạn.

Lúc tôi về, Thường đợi tôi ở ga và nói ngay:

– Này, Vân sắp lấy chồng đấy.

Tôi cười vì cho rằng Thường trêu tôi. Nó nhắc lại lời nói trên một cách nghiêm trang kèm theo lời thể thốt. Lúc ấy tôi muốn bóp cổ thằng bạn vì yêu tôi mà báo tin ấy cho tôi. Tôi vùng đi tìm Vân.

✱

Thế rồi chúng tôi đi với nhau lần chót ở đường Phan Đình Phùng khu Chợ vườn chuối, bởi vì như Vân nói: ở đây có cuộc đời. Chúng tôi đi bên nhau im lặng. Sự im lặng mang nặng dấu hiệu giông bão tương lai đè trên mỗi bước đi chậm của hai đứa. Có một lúc tôi nói:

– Tại sao Vân làm vội thế?

– Má quyết định.

Chúng tôi dừng lại ở ngã tư đèn đỏ.
Tôi nhìn Vân:

– Tại sao Văn không bảo gì anh?

Vân ngược mắt nhìn tôi. Tôi nhớ đôi mắt ngây dại của Vân lúc ấy đục mờ vì nước mắt. Vân không trả lời câu hỏi mà hỏi tôi:

– Tại sao anh không nói gì cả?

Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Tôi lau nhẹ những giọt nước mắt đầm trên gò má Vân rồi cầm lấy tay Vân và chúng tôi lại bước đi trong bóng tối. Một lúc tôi nói:

– Bây giờ có thể thay đổi gì được không?

Vân lắc đầu. Đôi vai gầy và mớ tóc Vân rung nhẹ trong đêm. Chợt nhận thấy tóc Vân đã cắt ngắn. Vân cho tôi biết rằng những sự kiện không thể đổi thay được ấy đã có thể thay đổi được trong lúc tôi đi Đà Lạt với sự bình thản, vững tâm ngu dại.

Lúc Vân đi về – khuya lắm – tôi cũng gọi xích-lô cho Vân. Khi những ngón tay chúng tôi rời biệt nhau Vân quay đầu đi mà để lại lời nói cuối cùng:

– Tai sao anh không nói gì cả?

Tại sao không nói? Tôi vẫn tiếp tục hỏi tôi như thế mỗi khi nhìn Vân đi qua (cùng một người đàn ông) hiệu kem trên bờ đường Lê Lợi mà tôi thường ngồi. Tại sao tôi không nói? Tôi vẫn hỏi như thế

mặc dầu tối vẫn tiếp tục lý luận, biện minh, phân tách tâm lý học. Và mỗi khi tôi hỏi tôi như thế thì hình ảnh con đường Phan Đình Phùng, chiếc xe xích-lô và Vân khóc lại trở về. Những câu hỏi khác cũng rủ nhau trở về: Những giọt nước mắt ấy bây giờ ở đâu? Chúng đã lẫn trốn vào chiều sâu của huyết quản hay đã tan biến thành mây bay đi...?

NGUYỄN SA

Đơn sơ

Đinh Hùng

Gửi gửi nhau rồi,

Xin em cùng vui.

Thu may áo cưới,

Tặng em và tôi;

Áo dệt từ trời,

Thêu toàn nắng mới,

Hoa in nụ cười.

Mấy ngày có hoa,

Rước em sang nhà.

Bướm vàng đưa lối,

Bốn bề chim ca.

Bên này là Thu,

Bên ấy là Thơ,

Tôi ra đón gió,

Xin em hãy chờ...

Gió ở bên nào?

Gió nhủ làm sao?

Em ra cửa nhỏ.

Trông nắng hoa đào.

*Rước em sang nhà,
Trời thu bao la,
Mùa thu niên thiếu,
Có nắng thướt tha,
Và mây yếu điệu.
Làm dáng xa xa.*

*Nắng cười nửa miệng,
Nắng cũng đồng tình,
Ôi phút thần linh!
Ngày đi không tiếng.
Và tôi cầu nguyện,
Cho hồn thu xanh.*

Mộng xế hoàng hôn

Xin em ngồi lại

Mười ngón tay thon

Mở trang thân thoại

Bát ngát linh hồn.

Chiều thu tân hôn

Lùng hương nhiệt đới,

Một nét môi son,

Tím màu hoa dại.

Chiều nhẹ chiêm bao

ágap ngừng ào mỏng,

Có trăng hoài vọng

Cùng mây tiêu dao,
Có một vì sao
Ghé vào giấc mộng.

Tóc em gió lộng
Bay hương ngọt ngào.
Gió lạc theo mây
Và mây theo gió.
Ôi bóng đêm say.
Thơm từng hơi thở,
Từng hơi thở dài.
Em hỡi! nghiêng vai,
Ngả đầu chút nữa,
Sát vành tóc mai,

*Kề đôi lòng nhỏ,
Đôi lòng cùng bay...*

Hương thơm phơ phất.

Trên ngón tay ai?

Một thoáng u hoài

Não nùng khoé mắt.

Hoa cau ngây ngất

Cười trắng đêm dài,

Mộng xòa trên vai

Là mùi thiên lý.

Linh hồn hoa huệ

Còn ở trần ai,

Tâm sự hoa nhài

Xin đừng e lệ.

Bông hồng phong nhụy

Mơ suốt canh trường.

Bông dạ lan hương

Hiện hình tuyệt thế.

Hoa ngâu thùỵ mị,

Hoa mộc hiên lương,

Ngọc lan thanh quý

Ngủ mê đầu tường.

Tàn đêm trăng xế,

Nâng tà áo sương.

Thấy hoa đầy lệ

Và lòng đầy hương.

– Hỡi em mến thương!

Có nghe trời bể

Tương tự dặm trường?

Hoa cỏ mệnh mang

Nói lời ước thệ

Trọn mùa yêu đương.

Đinh Hùng

Con mắt có đuôi

Mặc Đỗ

Huy đương một mình lang thang trên hè phố Bonaparte, tò mò ngắm những gian hàng đồ cổ chạy dài suốt hai dãy phố hẹp, chợt nghe tiếng gọi ở sau lưng.

– Huy... ông Huy!

Tiếng một bà già người Pháp. Huy quay lại, Sau một phút ngạc nhiên, chàng mừng rỡ reo lên:

– Trời ơi, bác! Có phải bác không nhỉ?

Bà cụ cũng mừng rỡ không kém:

– Phải rồi. Chính bác đây.

Và ôm chầm lấy Huy, long lanh nước mắt:

– Trời! Có đến hai chục năm nay tôi không gặp con.

Bà B. trước kia dạy sử địa tại trường trung học Pháp ở Hà Nội. Huy là học trò bà ta đến bốn năm liền và đồng thời là hàng xóm với bà ta trong một thời gian dài. Hai gia đình quen nhau rất thân.

– Vâng, tưởng đã một thế kỷ qua đi từ ngày xa bác.

– Thế Huy ở Ba Lê từ bao lâu rồi? Nếu hôm nay không tình cờ gặp...

– Bao nhiêu là ngăn cách và lại cũng bao nhiêu là công việc nữa. Bây giờ bác

ở đâu? Con cũng chỉ ở Ba Lê trong một thời gian không lâu nữa thôi.

Bà cụ nhìn đồng hồ tay rồi nói:

– Tiếc rằng bữa nay hơi trễ, bác phải về... Huy hẹn ngày đi, hôm nào tới chơi nhà bác trọn một ngày. Bác ở Saint-Germain-en-Laye, chỉ có một mình bác với Ghislaine...

Huy vui mừng ngắt:

– À Ghislaine, hôm nào gặp lại chắc là mừng lắm?

– Nhất định rồi. Bây giờ Ghislaine dạy học tại trường trung học Marcel-Roby. Huy cứ đến trường hỏi thăm là người ta sẽ chỉ nhà bác ngay, cũng ở gần trường. Thứ bảy này nhé, Huy đến chơi từ sớm, hôm ấy Ghislaine không có giờ dạy, có nhiều thì giờ chúng ta nói chuyện.

Huy tỉnh nghịch hỏi:

– Ghislaine cũng dạy sử địa chứ, bác?

– Không, văn chương. Thứ bảy nhé?

Huy đứng lặng ngó theo bà cụ lưng thũng đi rẽ sang phố Jacob, chiếc vì bằng da đen xách tay đu đưa theo nhịp bước.

Cả một thời tuổi trẻ của Huy chột bùng dậy sau cuộc gặp gỡ bất ngờ. Ba mươi tuổi, ngó lại thời còn nhỏ Huy thấy cũng không xa gì Nhưng quãng thời gian vừa qua mang nặng nhiều sự kiện phong phú ý nghĩa, mỗi năm sống tưởng chừng như dôi dào, súc tích gấp bao nhiêu lần. Cho nên lần nghĩ trở lại những ngày còn bé Huy mừng tượng như một ông già tay run run lật ngược lại từng trang của một tập ảnh cũ đã úa vàng. Nghĩ thế, Huy

mỉm cười một mình và cũng chợt nhận thấy rằng những hình ảnh cũ tuy vậy vẫn còn sắc nét, chỉ cần một dịp nhắc nhở lại là vẫn đậm màu như hơn hai chục năm trước.

✱

Chừng mười năm trước, một buổi chiều gác súng nghỉ tại một khu rừng vùng cao nguyên Nam Trung Việt, bọn chiến sĩ thanh niên lần lượt kể cho nhau nghe thời niên thiếu của mình. Giữa khí hậu đặc biệt của thời đó, những mẩu đời kể lại tất nhiên đượm ít nhiều phong vị cố gắng cho hợp mùa. Bóng dáng người hiệp sĩ trữ danh Tây Ban Nha thấp thoáng sau những câu chuyện kể. Huy xúc động nghe một hai bạn đồng đội kể lại cuộc đời khó khăn, thiếu thốn ngày nhỏ: học

vấn rất ít nếu không nói là thiếu hẳn vì hoàn cảnh không ưu đãi. Đến lượt Huy, vì kính trọng những người bạn đã phải chiến đấu ngay từ nhỏ, và nhất là vì không muốn như nhiều bạn khác phải cố che đậy những ngày niên thiếu quá sung túc bằng những mẩu chuyện anh-hùng-rơm, Huy đã tạo ra từ đầu tới cuối một đoạn đời thường thường bậc trung, không góc cạnh.

Sau này, thường khi nhớ lại. Huy đã tự hổ thẹn với mình. Tại sao Huy đã không dám kể rằng chàng sinh trưởng trong một gia đình giàu có, chàng theo học trường Pháp từ ngày nhỏ. Hoàn cảnh ưu đãi chàng được hưởng từ khi lọt lòng, xét cho kỹ, chàng không thấy đó là một cái cớ để đáng hổ thẹn. Hoàn toàn là một chuyện ngẫu nhiên, có chăng là chàng đã gặp may mắn hơn những người

khác. Điều đáng chú trọng và phê phán chính là cái tôi hiện tại của chàng, kết quả của hoàn cảnh ưu đãi kia. Chàng đã tỏ ra xứng đáng với địa vị làm người trong cái hiện tại chủ quan và khách quan của chàng. Và chàng thành thật tự nhận thấy sẵn sàng cố gắng hơn lên mãi để được xứng đáng mãi. Chối bỏ dĩ vãng đối với chàng, là một cử chỉ anh-hùng-rơm. Thành thật với chính mình Huy cho là một đức tính để có thể thành thật với mọi người và cả trong những hành động của mình. Huy nhận thấy ở đời có những lúc bị đặt trước một quyết định nặng nề, những lúc đó cái bề ngoài giả tạo làm sao lừa gạt được ngay chính mình. Những lúc cần lựa chọn bao giờ ta cũng chỉ có một mình ta trợ trợ.

Huy thủng thẳng, vừa bước một vừa suy nghĩ, vòng qua nhà thờ Saint-Ger-

main-des-Prés, đi thẳng xuống phía nhà hát Odéon.

Mỗi buổi chiều ghé tới quán ăn nhỏ ở phía trước nhà hát chắc chắn Huy sẽ gặp vài ba người bạn. Hầu hết đám sinh viên tứ xứ đều hay lui tới hàng cơm rẻ tiền này.

Phan đương ngồi thu mình ở một bàn nhỏ bên góc hè, trước một cốc bia còn đầy nguyên, bọt trắng mấp mé miệng cốc. Huy giơ tay chào năm ba người bạn ngồi rải rác ở các bàn, rồi tới kéo ghế ngồi trước mặt Phan. Phan lững lờ đưa mắt, ý hỏi: Có chuyện gì lạ không?

Huy hỏi Phan:

– Bia ư?

Phan nhún vai, không đáp. Cô bồi bàn bé nhỏ xinh xẻo đã tới bên đứng đợi. Huy nói:

– Cũng một nửa chai, cô ạ.

Cô hàng quen khách, mỉm cười, rồi tới tả chạy đi. Huy bỗng nói:

– Tôi vừa gặp bà B., Phan ạ. Bà giáo dạy sử địa chúng mình hồi xưa ấy.

– Thế hả?

Huy sốt sắng kể tiếp:

– Bây giờ bà ấy ở Saint-Germain với Ghislaine.

Phan nhồm ngay dậy:

– Với Ghislaine? Rồi thế nào nữa, kể nốt đi

Huy cười tình nghịch:

– Bà hẹn tôi thứ bảy này đến chơi cả ngày.

– Rõ chán chuyện với cậu! Hẹn cậu thì có nghĩa gì với tôi.

– Gặp trong năm phút, nói mấy câu, biết có ngắn ấy chuyện. Cậu muốn biết hơn thì thứ bảy này đi với tôi.

– Kéo một lúc những hai người tới, tôi e là một tai nạn.

– Chưa chắc, Ghislaine hiện dạy ở trường trung học St-Germain. Ta vùi ăn một bữa trưa, chiều ta sẽ mời hai mẹ con đi ăn cơm. Nghe như ở vùng đó có một vài quán cơm nhà quê ngon lắm.

– Nếu cậu chịu khó trả tiền cả thì tôi nhận lời. Thế cậu không hỏi thăm tin Chantal ư?

– Không kịp hỏi, đến thứ bảy sẽ hay.
Cậu cũng còn nhớ Chantal cơ đấy?

✱

Bà B. có hai cô con gái độc nhất, Chantal hơn Huy đến bốn tuổi và Ghislaine kém Huy chừng hai tuổi. Khi Chantal đã trở thành một thiếu nữ thì Huy mới bắt đầu lên lớp đệ nhị. Mùa thu năm ấy Chantal lần đầu tiên cùng với mẹ đi dự dạ hội khiêu vũ tại nhà một ông thiếu tướng. Một buổi chiều, Huy đang đứng bên cửa sổ nhìn trời bỗng nghe tiếng Chantal gọi sang chơi. Chantal đưa Huy lên tới cửa phòng nàng rồi nói:

– Huy đứng đợi đây, chúng nào nghe tôi gõ ba tiếng xuống sàn sẽ đẩy cửa vào. Tôi sẽ cho Huy ngắm một bức

tranh tuyệt đẹp. Huy đợi. Tiếng gõ thứ hai chưa dứt, Huy đã xô cửa bước vào. Nhưng chàng vội đứng sững lại. Trong ánh chiều xiên chếch qua khung cửa sổ rộng, mung lung một nàng tiên tươi cười trong bộ áo trùng bằng mousseline xanh biếc. Chantal khoe với Huy chiếc áo dạ hội đầu tiên trong đời nàng. Huy nhận bức tranh đẹp với rất nhiều xao xuyến. Nửa năm sau Chantal lay Jacques, một trung úy trẻ tuổi trong bộ tham mưu ông thiếu tướng. Huy còn nhớ, hôm đám cưới, Chantal biếu chàng một hộp kẹo lớn. Huy ngồi một mình trong phòng vừa làm một bài luận về George Sand vừa nhai những viên cuội trắng trong chiếc hộp đẹp. Tiếng những viên cuội cứng tan vỡ giữa hai hàm răng ngẫu nhiên như vang dội tới tim chàng.

✱

Đúng hẹn, sáng thứ bảy Huy lên chiếc buýt 73 thẳng tới cầu Neuilly rồi đổi sang chiếc buýt 258 đi Saint-Germain. Phan đã hẹn rồi lại bỏ không đi, ý hầu không muốn quay về dĩ vãng.

Courbevoie, Puteaux, Nanterre, Rueil-Malmaison, vượt qua khu ngoại ô phụ cận đông đảo, con đường dọc theo khúc cong bên tả ngạn sông Seine bắt đầu vào vùng tươi mát miền Tây Ba Lê.

Bougival, Port-Marly, Le Pecq, rồi Saint-Germain. Huy tìm tới nhà bà B. thì nắng lên đã đậm. Một hàng rào thấp, một khu vườn rộng nhiều bóng mát, ở giữa có một căn nhà nhỏ bằng đá, dây trường xuân leo chi chít. Bà B. và Ghislaine đã ngồi đợi trên chiếc ghế gỗ dưới bóng mát trước nhà. Trông thấy Huy, Ghislaine tíu tíu chạy ra đón,

Nàng bận một chiếc áo chên bằng len đen và một chiếc quần hàng vải thô đã bạc màu, chân mang đôi giày đế mỏng. Mớ tóc dài buộc túm ra phía sau. Huy nắm hai vai Ghislaine, hỏi:

– Ghislaine nhỉ, đây là St-Germain-des-Prés hay St-Germain-en-Laye?

Ghislaine cười, không đáp thẳng vào câu hỏi:

– Ngày nghỉ ở nhà ăn bận như thế này cho sạch, làm vườn gọn lăm.

Bà B. nửa đùa, nửa như muốn phàn nàn với Huy:

– Các cô bây giờ có những lối ăn mặc lạ lùng quá!

Nhưng bà không quên âu yếm nói cô con gái.

Ghislaine nói:

– Tôi đã sắp đặt cho anh Huy ngày hôm nay một chương trình thật đầy đủ. suốt từ giờ cho tới tối. Anh sẽ về Ba Lê bằng chuyến buýt cuối cùng. Ăn cơm trưa xong chúng ta sẽ đi thăm lâu đài Saint-Germain, dám chắc anh không thể tìm thấy ở Pháp một lâu đài kiểu Phục Hưng nào đẹp hơn. Chiều ta sẽ đi chơi rừng, rừng Saint-Germain cũng vô song. Và sau đó anh sẽ có một bữa tối bất hủ vì một lẽ là món ăn do tay tôi nấu.

Huy đáp:

– Đồng ý hết sức về hai bữa cơm, hồi xưa tôi đã bao nhiêu lần được biết tài của bác rồi, tất nhiên khỏi phải thắc mắc về tài nấu nướng của con gái bác. Không đồng ý lắm về chương trình đi chơi. Hôm nay về thăm bác và Ghislaine tôi

không thèm chi hơn là được nói chuyện thật nhiều và thật lâu. Bao nhiêu năm xa cách, bao nhiêu chuyện chồng chất, tòa lâu đài Phục Hưng biết đâu sẽ chẳng làm loãng mất câu chuyện.

Bà B. như chỉ đợi câu nói ấy của Huy, vội nói:

– Con thấy không, má biết tính Huy thích nói chuyện hơn là du ngoạn kiểu các nhà du lịch, họ háo hức đi coi bất kỳ một cảnh lạ nào và chụp rất nhiều ảnh để rồi và khoe với bạn hữu rằng ta đã đi chỗ này chỗ nọ. Với lại đi chơi như vậy làm sao mà theo được với đôi chân phong thấp này!

Ghislaine bứt đầu bứt tai:

– Tức thật! Ngày thường mình vẫn phải nhường má vì mình là con. Đến hôm nay vừa đưa ra một chương trình

thì lại bị thua vì là thiếu số. Chán anh Huy lắm nhé!

– Vậy thì một bữa khác tôi sẽ lại về chơi và dành riêng một ngày để thi hành thật đúng chương trình của Ghislaine, không sai một dấu phẩy. Nghe như ở vùng này có mấy quán cơm nhà quê ngon đặc biệt?

– Đúng đấy. Ở gần Maisons-Lafitte thì phải. Có một quán chuyên môn dọn các thứ phó-mát.

Huy mừng quýnh:

– Phó-mát thì nhất rồi. Tôi chỉ mê đất Pháp vì có rượu và phó-mát. Tục ngữ đã chả nói rằng một bữa cơm không phó-mát khác nào khuôn mặt thiếu nữ đẹp mà lại thiếu một con mắt. Chúng mình sẽ đi chơi rừng rồi ghé ăn cơm ở quán...

Ghislaine tỉnh ngịch tiếp:

– Y như một cặp tình nhân vậy?

★

Ăn cơm trưa xong ba người ngồi uống cà phê dưới bóng cây. Bà B. trù mẩn ngó Huy một lát rồi nói:

– Gặp lại Huy, tôi sung sướng nhận thấy rằng Huy vẫn như ngày nào không hề đổi khác mặc dầu đã bao nhiêu ngăn cách.

Được nói ra câu ấy bà B. như đã nhẹ cả tâm hồn. Ghislaine tiếp:

– Đó là điều tôi lấy làm lạ nhất. Không phải tôi mong Huy sẽ như thế, nhưng từ lâu tôi vẫn đinh ninh rằng có gặp nhau lại tất Huy sẽ nhìn chúng tôi bằng con mắt khác: làm sao chúng mình còn là bạn với nhau được nữa?

Huy nghiêm trang, chậm rãi đáp:

– Ghislaine lấy làm lạ cũng phải. Tôi công nhận rằng đã có một cái hố sâu. Nhưng cái hố đó chỉ là hố đối với một số người, chẳng hạn những người đã coi đất Việt như một khu rừng cấm để dành riêng cho họ săn bắn mặc sức. Riêng tôi, tôi không thể tự coi như đại diện cho cả một dân tộc. Nhưng tôi cũng có thể thay mặt cho cả một thế hệ, cái thế hệ hiện đương có nhiều trách nhiệm nhất. Đối với tôi và những người Việt cũng lứa, chúng tôi nghĩ rằng một trang sử cũ đã lật qua hẳn rồi. Đứng trước một giai đoạn mới lại sao không thể tạo ra những tương quan mới, nếu thật tình vẫn còn muốn ở gần nhau. Có điều là từ nay chúng tôi đã sẵn sàng để ngăn ngừa mọi manh tâm toan đi ngược lại thời xưa.

Ghislaine vội nắm lấy câu nói của Huy:

– Còn có ý ngăn ngừa thì làm sao có suy giao thiệp đầm ấm được?

– Ý ngăn ngừa đâu có dịp biểu lộ nếu cả hai bên đều thật tình trong sự đầm ấm? Sở dĩ tôi dám tin ở sự có thể thật tình vì tôi biết có nhiều người như chúng ta sẽ tìm thấy một chút tình trong những bữa họp mặt như bữa hôm nay. Tôi cũng tin ở sự thoa dịu của thời gian nữa. Những người bị mất quyền săn bắn sẽ chìm lặn vào dĩ vãng và sẽ có những người khác đứng lên tìm một căn bản yêu thương để nắm tay nhau.

Bà B. nói:

– Huy nói có lý, ai chả phải công nhận rằng có một đa số thanh niên Việt

đã theo học trường Pháp và chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp.

Huy đáp:

– Rất nhiều người mất quyền săn bắn đã nói như bác và dựa vào đó để kể công soi sáng và chứng minh rằng người Việt còn cần sự dắt dẫn của họ. Lập luận như vậy là không khôn khéo. Họ đã quên rằng trong khi ra sức làm cho thanh niên Việt tiêm nhiễm văn hóa Pháp các giáo sư Pháp đồng thời – và vô tình cũng nên – đã bày cho thanh niên Việt thấy rõ cái mãnh lực của tinh thần khoa học, của sự suy tư theo kiểu Tây phương. Không biết những người mất quyền săn bắn có lấy làm kinh ngạc khi thấy chính những người thanh niên đào tạo do trường Pháp đã đứng dậy và dự phần đắc lực trong việc lật đổ người Pháp. Tình trạng đó nhận thấy không chỉ riêng ở Việt

Nam. Trong hoàn cảnh như vậy nếu còn cố tình lợi dụng màng lưới kinh tế hay những âm mưu chính trị để cố nắm giữ lấy địa vị, kết quả tất nhiên chỉ làm cho những thanh niên đã trưởng thành kia thêm phần khích.

Ghislaine ngồi khoanh tay, đăm đăm ngó Huy, sẵn sàng chờ một kế hở để thọc một mũi dùi:

– Chỉ giữ bằng tình cảm không thôi, tôi e rằng vô hiệu. Vấn đề đặt ra một cách thực tế cho ta có quyền nói rằng bất kỳ một sự cố gắng nào cũng phải có sự đền bù. Liệu chúng tôi còn tin được rằng các anh có còn thành tâm với chúng tôi nữa không?

– Sự cố gắng tiên quyết, theo ý tôi, là vẫn phải đặt một căn bản yêu thương đã. Thành tâm hay không cũng còn tùy

ở căn bản đó có bền vững không. Nhưng tôi dám nói chắc rằng tâm trạng hiện thời của đa số thanh niên chúng tôi là như thế này: Cuộc cách mạng chống ngoại xâm là cần thiết. Tuy nhiên chỉ là một sự cần thiết phụ. Điều mà chúng tôi tha thiết hơn hết là cuộc cách mạng giải phóng con người, bắt đầu từ những đồng bào cùng khổ của chúng tôi, Với một tâm trạng như vậy chúng tôi cảm mến những Jeanne d'Arc Việt Nam không bằng cảm mến những Saint-Just của cuộc cách mạng Pháp. Nếu hiểu người thanh niên Việt như vậy tôi cho rằng đi tìm một căn bản yêu thương không phải là chuyện khó, và mơ hồ. Nếu đặt câu hỏi về sự thành tâm, chúng tôi cũng có quyền hỏi: Người Pháp ngày nay có còn thành tâm với lý tưởng thời Cách Mạng nữa không?

Ghislaine vội cãi:

– Nếu anh lại đẩy câu chuyện sang bình diện đó...

Huy thản nhiên đáp:

– Tôi không muốn lảng tránh câu chuyện đâu. Đó là một câu hỏi cần giải đáp giữa những người cùng lứa, không nề hà trước sự thật.

Ghislaine ngồi suy nghĩ một lúc lâu, rồi mới đáp:

– Tôi nhận thấy rằng cãi vã cũng vô ích. Mỗi bản khoản chung của bọn thanh niên chúng mình thật ra chỉ là một. Chúng mình cũng chỉ có thể hiểu nhau nếu đứng trước tấm phông lớn của cuộc cách mạng con người. Chiều dài lê thê trên đường đời, những cái bóng đau thương đều như nhau cả...

Câu chuyện sang tới bình diện này thì cảm tình giữa Ghislaine và Huy đã trở lại mực hoàn toàn. Bà B. bèn ngắt quãng:

– Lâu ngày mới gặp nhau các người không biết quý thì giờ sao? Hơi đâu mà ngồi triết lý suông với nhau như vậy?

Ghislaine:

– Nếu trở về thực tế con sẽ bị ảnh hưởng trước nhất, phải chạy vào bếp sửa soạn con vịt hầm cam tối nay.

Bà mẹ âu yếm nhìn con gái, đáp:

– Phải đấy, đã xế bóng rồi đây này.

Huy ngồi yên lặng nghe sự êm tịnh, thanh thân tràn lấn vào tâm hồn. Chàng không ngờ sau bao năm lại có dịp hòa mình vào không khí gia đình bạn, ấm

cúng, êm đềm. Chàng nhớ lại những buổi trưa đã xa lắm, chàng ngồi ăn cơm thân mật với bà B. và hai cô con gái; những bữa cơm mà chàng giành nhau với Ghislaine từng miếng thịt gà, trong khi Chantal nhìn hai người bằng cặp mắt thật là chị lớn.

Huy hỏi thăm tin Chantal. Bà B. thờ dãi, mãi sau mới đáp:

– Hai vợ chồng Chantal cùng chết một ngày tại một đồn binh ở Việt Bắc hồi đầu năm 1945... Con vừa nói tới căn bản yêu thương, cái chết của Chantal đã góp phần vào căn bản yêu thương đó vậy. Bao nhiêu người Pháp và bao nhiêu người Việt đã nằm xuống, đem cái phần tốt đẹp nhất của đời họ là sự sống cho một cuộc tranh chấp mà chính họ cũng không hiểu hết ý nghĩa, không lường được sự manh tâm. Hý sinh của họ thôi

cũng đành coi là một sự góp phần xây dựng một căn bản yêu thương nếu những người còn sống biết tìm hiểu nhau hơn.

Nhắc đến người đã chết Huy không dể khơi lại mối buồn chưa hề dứt của bà B. Không khí bỗng trở nên u uất như có phảng phất bóng dáng Chantal. Riêng Ghislaine không hiểu sao bữa tối không được vui như bữa trưa. Nàng trách Huy đã không nghe nàng đi thăm lâu đài Saint-Germain và đi chơi rừng cho đổi bớt, làm uổng mất cả công nấu nướng của nàng.

Khi tiễn Huy ra vườn, Ghislaine nhắc:

– Anh Huy có còn giữ ý định đi ăn phó-mát ở quán không?

Huy dừng bước lại, ngó Ghislaine và đáp:

– Thứ bảy sau tôi lại tới. Chúng mình sẽ đi chơi rừng và sẽ ghé ăn ở quán như... như một cặp tình nhân vậy, theo lời Ghislaine ban sáng.

Ghislaine cười rất tươi, ngó lại Huy, không đáp.

Lần đầu tiên Huy chột hiệu thắm thía thế nào là con mắt có đuôi.

MẶC ĐỒ

Đàn chim sẻ trong thành phố

Vĩnh Lộc

Lũ trẻ chạy ủa ra khi chúng nghe thấy tiếng động ở ngoài cửa. Vũ đặt chiếc rương sắt xuống thêm nhà và ngó bầy trẻ bằng đôi mắt ngạc nhiên. Khung cửa sổ độc nhất mở toang, ánh nắng lùa vào làm gian nhà thêm trống trải. Nếu không có tiếng trẻ con và buổi sáng đẹp trời chắc Vũ sẽ thất vọng khi bước vào nơi ở mới hoang vắng này.

Một người bạn của Vũ vì bận việc phải đi xa, đã nhường nếp nhà lại cho

anh. Cuộc bàn giao hết sức giản dị. Y chỉ bảo:

– Mai tao đi. Mà có thể lại đây được. Tháng ba trăm. Nước giếng và điện cầu.

Đó là một căn nhà là bé nhỏ ở cuối đường hẻm, trong khu vực xóm bình dân. Vũ nhận thuê nó vì anh đã chán cuộc sống chật chội, ồn ào của nhà trọ. Anh muốn tìm một chỗ yên tĩnh, ở một mình: để có thì giờ làm việc thêm.

Đương mãi ngắm chỗ ở mới, Vũ bỗng có cảm tưởng như nhiều con mắt lạ đương ngó chăm chú sau lưng anh. Anh quay lại và bắt gặp những con mắt đen láy, bờ ngõ nhìn mình. Trên những khuôn mặt trẻ thơ hóm hỉnh ấy một vài nụ cười thoáng nở, như một tia nắng mai. Vũ xoa đầu một đứa đứng gần nhất và hỏi:

– Nhà em ở đâu?

Thằng bé không trả lời mà hỏi ngược lại:

– Cái ông vẫn về ở đây ông ấy đi rồi hả?

Vũ bật cười vì câu hỏi. Người bạn ở căn nhà này vốn là một họa sĩ. Chắc anh ta vẫn thường mở cửa cho lũ trẻ vào xem tranh.

– Ông ấy đi rồi. Bây giờ tôi lại đây ở thay cho ông ấy.

– Ông có biết về không?

Vũ lắc đầu. Đứa trẻ có vẻ hơi thất vọng.

– Có em nào biết nhà bà Tư ở đâu không?

– Bà Tư mập lù cho thuê nhà phải hôn?

Một đứa nhanh nhẩu đáp. Vũ gật đầu. Anh bảo đứa nhỏ:

– Em đưa tôi lại được không?

Thằng bé gật đầu rồi quay trở ra lủi đi. Vũ bước theo. Hai ba đứa trẻ kéo thành hàng đi sau anh. Một lát sau anh trở lại căn nhà cũ. Lũ trẻ đứng ở ngoài cửa. Chúng tò mò nhìn xem anh làm gì. Gian nhà trống trải còn trơ lại một cái bàn viết và chiếc ghế bố, tất cả đồ đạc nghèo nàn của Thanh, người bạn họa sĩ, để lại cho Vũ. Và ở góc nhà, một đồng giấy bìa và giẻ rách lù lủ. Vũ nhìn cái cảnh tượng hơi hỗn độn ấy và mỉm cười, lắc đầu.

Anh quay ra vẫy lũ trẻ:

– Vào đây chơi, các em.

Chúng chỉ đợi có thể. Từng đứa một chững chạc đi vào. Chúng đảo mắt nhìn quanh gian nhà quen thuộc và như chờ đợi Vũ sẽ đem đến một thứ gì mới lạ hơn những tấm tranh loè loẹt mọi ngày dựng bừa bãi ở bốn góc tường.

Một đứa nhỏ đen đũi và gầy có đôi mắt rất lạnh rụt rè hỏi Vũ:

– Ông có cần lau nhà không? Để tôi về kêu ba tôi.

Rồi không đợi Vũ trả lời, nó chạy vụt đi. Một lát sau nó trở lại với một người đàn ông bận quần cụt và áo thun rách một miếng lớn phía ngực bên trái. Y gật đầu chào Vũ, nụ cười chất phác nở trên cặp môi thâm.

– Ông là bạn của ông Thanh?

Vũ gật đầu. Công việc dọn dẹp anh có thể làm lấy được, nhưng anh không nỡ làm đứa nhỏ thất vọng nên bảo người cha:

– Tôi mới lại sáng nay. Nhà bữa bọn quá.

– Không sao. Chỗ hàng xóm. Để tôi giúp ông một tay.

Y chạy đi một lát rồi trở lại với một thùng nước. Vũ trút giày xắn cao ống quần đổ nước lên nền gạch và nhìn ông lảng giềng nhanh nhẹn đưa cái bàn chải tre lên những lớp bụi và rêu đã lâu ngày. Công việc làm trong một loáng.

– Bữa nọ ông Thanh đi, kêu cả một chiếc xe ba bánh chất không hết tranh, ba nhĩ.

Đứa nhỏ gây guộc bảo cha nó, nhưng có ý nói với Vũ.

– Ông ấy cũng bấy trẻ quá. Cho chúng vô nhà mặc sức nô giỡn.

– Có bữa thằng Pha làm rách cả tấm hình của ông mà ông không đánh nó. Ông chỉ lắc đầu một lúc..

– Xấp nhỏ chúng phá dữ lắm. Nhưng chúng ngoan ông à.

Vũ quay lại xoa đầu từng đứa:

– Tôi không có tranh để cho các em vô coi chắc buồn lắm?

Một đứa nhanh nhẩu nói:

– Ông cho tụi tôi vô nhà chơi há?

Vũ gạt đầu rồi quay ra người đàn ông lau nhà lúc nãy. Anh móc túi lấy tờ giấy mười đồng và lúng túng đưa cho y:

– Bác cầm lấy cho cháu... ăn bánh.

Người đàn ông xách thùng đi ra, Vũ gọi lũ trẻ lại và hỏi chuyện từng đứa. Chúng cả thầy năm đứa. Lớn nhất bọn là thằng bé gầy mà bố nó vừa lau nhà cho Vũ. Tên nó là thằng Tiếc. Tiếc vào trạc tám, chín tuổi và nó học lớp ba ở trường gần xóm. Mấy lúc này nó nghỉ học vì bố nó bảo:

– Tao không có tiền cho mày đi học nữa.

Mẹ nó đi buôn, hàng tháng mới về một lần. Và lần sau nghe đâu bà ta bị bắt vì một món hàng lậu gì đó. Ba thằng Tiếc trước chạy xe xích-lô máy. Ông ta đau một trận suýt chết và phải bỏ nghề.

Đứa thứ nhì tên là Pha. Ba nó làm thư ký hãng buôn. Pha thấp hơn Tiếc

một chút nhưng mập hơn và nước da đen vừa phải. Nó có vẻ bướng và nghịch ngợm. Đó là đứa trẻ hồi nãy đã đưa Vũ đến người chủ nhà.

Thằng thứ ba lúc nào cũng dắt theo một đứa em trạc hai tuổi, có và nhút nhát và dè dặt. Nó đứng ở sau cùng và nhìn lũ trẻ đi lục lạo khắp gian nhà một vẻ hơi lạ lùng, nhưng thích thú. Đứa em nó bận đọc một chiếc quần cụt đỏ để hở cả rốn, mặt mũi nhem nhuốc, mái tóc thì thưa và óng mượt. Chúng ở căn nhà đầu ngõ, cứ chiều tối là nghe tiếng ra-đi-ô ông ổng phát lên những bản cải lương vọng cổ.

Nhân vật thứ năm trong bọn là một cô bé trạc năm tuổi, mặt bầu bĩnh và mái tóc cắt ngắn trông như một con búp bê Nhật bản. Tên nó là Quy. Vũ để ý đến đôi mắt đen và to của Quy. Đôi mắt mang tất cả cái bỡ ngỡ, hồn nhiên của tuổi thơ.

Câu hỏi cuối cùng của Quy như thế này:

– Ông nghèo lắm nhỉ?

Và trước con mắt ngạc nhiên của Vũ, cô bé tiếp:

– Ông Thanh ông ấy có bao nhiêu là tranh đẹp. Chị tôi bảo là đắt tiền lắm.

Bỗng nhiên, Vũ nghĩ đến người chị của bé Quy mà anh đoán chắc là một thiếu nữ rất đẹp. Anh nhớ mang máng như đã thấy ở trong một bức họa chân dung nào đó trong xưởng vẽ của Thanh.

Anh hỏi bé Quy:

– Em ở đâu?

Cô bé đưa một ngón tay xinh xẻo về phía xế cửa nhà Vũ ở. Đó là một căn nhà gạch sáng sủa với giàn bông giấy giăng

ngoài hàng hiên. Ở trong ngõ người ta có thể biết ngay được mức sống của những người hàng xóm qua cách trang hoàng bên ngoài nơi họ ở. Nhà của ba thằng Tiếc vách ván, mái ngói tàu võng xuống và bị lún vào giữa hai căn phố gạch cao ráo mới mẻ. Căn nhà ở đầu ngõ của gia đình thằng Sinh, nơi mà chiều chiều phát lên những bản cải lương ông ổng, thì treo lủng lẳng ở ngoài hàng hiên và cửa sổ những lăng hoa xinh xinh lòe loẹt đủ màu.

Buổi chiều hôm đó Vũ ăn mừng tân gia bằng cách mua một gói kẹo về và kêu lũ trẻ hàng xóm lại phát cho mỗi đứa mấy chiếc. Chúng nó lấy làm thích hơn là được ngắm những bức vẽ xanh đỏ của Thanh. Chúng đứng vây lấy Vũ, hỏi anh những câu thật bất ngờ và ngộ nghĩnh. Vũ trả lời cho chúng cười rộ

lên rồi hỏi chuyện về gia đình của mỗi đứa. Anh tránh không hỏi đến chị của bé Quy. Cuối cùng Vũ kể cho chúng nghe một truyện cổ tích. Câu chuyện linh động qua giọng nói đầm ấm và cử chỉ dí dỏm của Vũ khiến lũ trẻ bắt đầu ngồi xôm quây thành vòng bán nguyệt trước mặt anh. Những con mắt đen tròn mang vẻ ngạc nhiên, thích thú. Một vài đứa cứ há hốc mồm ra. Chúng có vẻ bị thu hút vào câu chuyện thần tiên hào hứng ấy.

Đang kể Vũ bỗng ngừng lên. Anh bắt gặp một cô gái đang đứng lặng lẽ sau cửa. Trước vẻ ngạc nhiên của anh, người con gái không tỏ vẻ gì e lệ, mà chỉ cắn lấy môi dưới như cố giữ cho khỏi bật cười. Đôi mắt cô ta hơi to, đen láy như mắt bồ câu. Lát sau nàng rụt rè hỏi Vũ:

– Thưa ông... có em Quy ở đây không?

Giọng nàng trong và nhỏ nhẹ. Vũ nhìn ngây một lúc rồi như chợt nhớ ra, lúng túng đáp:

– Cô vào chơi. Em Quy đương ngồi nghe kể chuyện.

Bé Quy vẫy tay gọi chị:

– Chị có nghe chuyện nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn không?

Thiếu nữ lại bên em, dịu dàng bảo:

– Dì đương kêu em ở nhà đấy.

Đứa bé ngúng nguẩy

– Em không về. Đương nghe chuyện hay quá.

Thiếu nữ dắt tay em mỉm cười nói với Vũ:

– Mai ông lại kể nốt cho em nghe nhé. Bây giờ em đi về với chị không lại bị đòn.

– Chị ác lắm..

Quy phụng phịu đứng lên. Lũ trẻ cũng giải tán. Chúng có vẻ không vui. Bên ngoài nắng đã tắt. Buổi chiều đem một chút gió mát về. Tiếng trẻ ríu rít ủa ra con đường đá gồ ghề, Vũ nhìn chúng và nghĩ đến những con chim sẻ trong thành phố.

✱

Vũ đến ở trong ngõ chưa đầy hai tuần lễ thì người ta đã biết khá nhiều về anh. Chú Sáu, ba thằng Tiếc đặt cho anh một cái tên hơi dài: Thầy ký sở Ba Son. Chỉ có Quy và chị Thảo thì gọi một cách

thân mật hơn: ông Vũ. Họ gặp nhau đôi ba lần. Thường vào những lúc bé Quy đến chơi bên nhà Vũ. Thảo gọi em về và chào Vũ với nụ cười khấp nép.

Một chủ nhật, Vũ bị cảm. Lũ trẻ kéo đến nhà Vũ thấy im vắng kéo nhau ra đầu ngõ chơi. Còn lại một mình bé Quy. Nó lại bên ghế bố, đặt bàn tay xinh xẻo lên trán Vũ:

– Ông sốt đấy ư?

Vũ nghe mệt mỏi hết sức, nhưng anh cũng ráng mỉm cười:

– Bữa nay tôi mệt. Bé Quy ra ngoài chơi với tụi thằng Sinh nhé.

– Ông có đói không?

Bé Quy vẫn chưa chịu đi. Vũ vuốt tóc nó và anh muốn khóc trước cử chỉ cảm động của đứa bé gái.

– Tôi không đói đâu. Bây giờ thì bé Quy ra ngoài, đi chơi đi.

Đứa bé lủi thủi đi ra.

Nghe tiếng động trong phòng, Vũ bừng mắt. Thảo, chị của bé Quy, đang lúi húi bên bàn viết của Vũ.

– Cô kiểm gì thế, cô Thảo?

Thảo quay lại. Năng bão, tự nhiên như với một người anh trong gia đình:

– Ông để ly ở đâu? Tôi mang chai nước lọc qua cho ông uống đấy.

– Cảm ơn cô. Cô cứ để đấy, khi nào khát tôi uống.

Thảo để chiếc ghế đẩu bên cạnh giường vải và đặt chai nước lên.

– Ông đã uống thuốc chưa?

Thảo hỏi với dáng điệu của một cô điều dưỡng sẵn sóc bệnh nhân. Cảm giác khó chịu lúc đầu tan biến, Vũ bỗng muốn giữ Thảo lại lâu hơn:

– Cô làm ơn móc trong túi áo sơ-mi lấy dùm tôi ống thuốc.

Thảo lấy ống thuốc và tìm được ra chiếc ly độc nhất để ở chân bàn. Nàng rót nước và lấy thuốc cho Vũ.

– Tôi làm phiền cô quá.

Thảo không nói chỉ hơi mỉm cười.

– Bây giờ ông nằm nghỉ đi. Lát trưa tôi đem cháo qua cho ông ăn...

Rồi không đợi cho Vũ kịp cảm ơn hay từ chối, Thảo thoăn thoắt đi ra.

Buổi chiều Vũ bớt sốt. Anh đương ngồi lặng lẽ ngó ra con đường ngõ như

chờ đợi lũ trẻ thì Thảo bước vào:

– Ông đã bớt nhiều chưa?

– Tôi làm phiền cô quá. Không biết làm sao để tạ ơn.

Thảo đứng khép nép. Nụ cười hồn hậu thoáng nở trên đôi môi hồng, Vũ nhường chiếc ghế độc nhất cho khách và trở lại ngồi trên ghế bố.

– Hồi sáng tôi có xếp lại những tờ giấy để bữa bọn trên bàn ông... Hình như ông viết tiểu thuyết? Tôi tò mò ông đừng giận nhé.

Thảo khởi đầu câu chuyện, duyên dáng và tự nhiên.

– Thỉnh thoảng tôi có viết. Nhưng tôi làm nghề khác. Chắc cô cũng rõ.

– Làm nghề văn chắc nghèo lắm, ông nhỉ?

– Đôi khi cũng chật vật. Nhưng cũng có nhiều nhà văn sống dễ chịu, như một vài người mà tôi biết tháng họ kiếm độ mười ngàn... Cô có hay đọc tiểu thuyết không?

Người con gái lại mỉm cười:

– Ông có nghĩ rằng phụ nữ chúng tôi không nên đọc nhiều tiểu thuyết không? Đó là ý kiến của ba tôi ở nhà.

– Ý kiến bác tuy hơi khắc nghiệt nhưng cũng có một phần nào đúng với tình hình tiểu thuyết trên những báo hàng ngày hiện nay...

Vũ ngừng lại. Anh thấy câu chuyện đã đến đoạn khô khan. Anh hỏi Thảo:

– Tôi nhớ mang máng như anh Thanh có vẽ một bức chân dung của cô.

Thảo bật cười:

– Chắc ông nhầm với một cô nào đó. Tôi không quen ông Thanh. Và lại ông ấy thiếu gì người làm mẫu xinh đẹp...

Vũ bỗng thấy lòng chột vui mà không hiểu vì duyên cớ nào. Anh hỏi tiếp:

– Cô có thấy những bức chân dung in trên một tuần báo gần đây của họa sĩ Lê không?

– Có. Người mẫu của ông ấy xinh lắm...

– Và trông hao hao giống cô. Nhất là cô lại cũng búi tóc.

Lời khen kín đáo khiến Thảo hơi e lệ. Câu chuyện chấm dứt khi tiếng ra-

di-ô phát lên từ căn nhà đầu ngõ. Trước khi ra về Thảo còn ân cần hỏi Vũ có cần dùng gì thì cho nàng biết.

Vũ nhìn theo cái dáng thanh tú của thiếu nữ khuất bên ngoài khung cửa. Anh hơi tiếc đã không giữ được Thảo ở lại lâu chút nữa.

Vũ khỏi bệnh thì Thảo cũng thừa sang nhà anh. Nhiều lần anh muốn giữ bé Quy lại và hỏi những chuyện về chị Thảo. Nhưng rồi anh lại thôi. Anh được biết rằng chị em Thảo mồ côi mẹ. Thảo đi làm cho một hãng buôn. Nàng nghỉ việc vừa được một tháng nay. Vũ để ý đến những lần bé Quy lại nhà anh và Thảo phải đi gọi em về. Giá anh có những bức tranh thì Thảo sẽ đứng lại lâu hơn và có một cớ để khơi chuyện với anh. Nhưng cả căn nhà, Vũ có đọc một bức tranh kỷ niệm của Thanh, bức tranh mà Thanh vẽ

với gần như có nhiều chỗ còn dở dang. Ngoài ra chỉ còn mấy chồng sách bừa bãi trên bàn và trên nắp rương. Nếu không có lũ trẻ Vũ sẽ tro troi biết bao với nếp nhà trống vắng của anh.

Để cho có cơ gặp nhau, Thảo mượn mấy cuốn tiểu thuyết của Vũ. Mỗi lần đem trả một cuốn Thảo lại hỏi ý kiến anh về đề tài và nội dung của thiên tiểu thuyết mà nàng vừa đọc.

Vũ có những nhận xét xác đáng và vô tư. Anh để ý thấy Thảo thích đọc những tiểu thuyết có những truyện tình nhẹ nhàng, trong sáng. Để chiều nàng, Vũ đã tìm mua gần hết tác phẩm của Thạch Lam.

Họ sống những ngày êm đềm cho đến hôm một nhân vật thứ ba hiện ra.

Đó là một chàng trẻ tuổi ăn bận chải chuốt, cứ chiều chiều cưỡi xe vespa đi vào ngõ. Vũ để ý mỗi khi qua nhà Thảo thì y chạy xe thật chậm. Anh biết rất mau, nhờ lũ trẻ đã mách anh, về chàng thanh niên nọ. Y tên là Báu làm thông ngôn cho một sở Mỹ. Báu trạc tuổi Thanh, khá bảnh trai. Y ngồi trên chiếc vespa Ý với nét mặt của mấy phụ nữ cầm vô-lăng những chiếc xe Hoa Kỳ đồ sộ chạy thủng thẳng trên mấy con đường Tự Do và Lê Lợi,

Cuối cùng, chiếc vespa Ý đã làm quen được với gia đình Thảo.

✱

Lũ trẻ đứng giăng hàng trước cửa nhà Vũ. Bên nhà Thảo có nhiều tiếng

cười nói ồn ào. Quy cũng có mặt trong đám trẻ ấy. Nó đứng bên cạnh Vũ với đôi mắt đen thờ thẩn. Vũ muốn được trông thấy nét mặt buồn của Thảo để đánh lừa lòng tự ái của mình.

Đám cưới đi qua nhà Vũ, trên con đường ngõ vào buổi nắng sớm mai. Màu áo của mấy cô phù dâu và nét mặt hân hoan của những người đi dự lễ cưới khiến Vũ hình dung đến một bức tranh màu linh động của Thanh. Lúc Thảo đi qua, anh không thấy nàng có vẻ buồn. Đôi mắt bồ câu lấp lánh. Dường như Thảo có nhìn về phía lũ trẻ. Nàng có vẻ hơi e lệ như tất cả những cô dâu lúc về nhà chồng.

Thằng Tiếc láu lỉnh nhất bọn bỗng la lên:

– Ê! Ê! Cô dâu chú rể, chúng bây ơi!

Lũ trẻ hòa theo, ríu rít như một bầy chim. Chỉ có Quy là không làm như chúng. Vũ thấy tay mình ươn ướt. Đứa bé đương khóc thút thít bên cạnh anh.

VĨNH LỘC

Một nửa

Hoàng Anh Tuấn

*Tôi nói: màu son của móng tay,
Tôi nói: màu xanh của áo bay,
Tôi nói: tôi còn chưa bán hết,
một phần thơ đại tuổi hai mươi.*

*Tôi nói: mắt em còn nũng nịu,
Tôi nói: mắt em còn của tôi,
Tôi nói: ... - Thở dài, không nói nữa,
E mình đồng lõa với xa xôi.*

*E có tiếng đàn võ làm hai,
E mỗi câu thơ có then gài,
E thấy linh hồn mình mắc cạn,
E mình đâm ghét tuổi hai mươi.
Trời có nuta đâu mà nhìn mây?
Trời có nắng đâu mà nhìn cây?
Tóc có dài đâu mà ước hẹn?
Tóc có dài đâu mà lạnh vai?*

*Ngày có buyn-đinh ngăn mặt trời,
Lấy nắng đâu để nói nhạt phai?
Đêm có ánh đèn tranh nhau sáng,
Lấy đâu bóng tối hẹn ngày mai?*

*Mà ngày mai mình vẫn còn say.
Vẫn tưởng yêu em là yêu ai.*

*Mà ngày mai vẫn quên ngày tháng,
Vẫn nhầm chủ nhật là thứ hai.
Vẫn hẹn về thăm tuổi hai mươi,
– thăm một lần, chỉ một lần thôi –
Để vẫn mang theo nhiều thăm thiết,
Rồi bỏ vương như ống sáp môi
Để em làm biếng, không tìm nữa,
Mua màu đỏ khác – màu đỏ tươi –
Để tôi nói khẽ: thôi đành vậy,
Bữa nào mình viếng tuổi hai mươi.*

HOÀNG ANH TUẤN

Chưa hết

Thái Thủy

*Thế kỷ này những tháng ngày vụn
vặt*

Ai hoài công đi tính việc phi thường

*Nên anh tìm em kể chuyện yêu
thương*

Rước thân tượng vào trong hôn e ấp

*Đường nhựa trơn guốc cao nên dễ
vấp*

Nú tay anh đừng sợ bạn đi ngang

Mưa lá chiều rơi đầy tóc hoe vàng

*Những ngón nhỏ đan thành len cho
ấm.*

*Chuyện tình yêu thật vô cùng đơn
giản*

*(như định đề không ai đem chứng
minh)*

*Những ngày thứ hai yêu quá màu
xanh*

*Yêu màu trắng luôn năm ngày kế
tiếp*

*Còn chủ nhật thấy màu nào cũng
đẹp*

Áo em hôm nay tím đỏ vàng hồng?

*Anh nhìn lên hằng phương vĩ đầy
bông*

*Yêu những cành hoa học trò chói
nắng*

Như mầu má mầu môi em rất thắm
Hôm gặp đầu nâng cặp sách lên vai
Bản tình ca thoáng hiện một khu-
ông dài

Em chưa hát. Mỗi hé tròn yên lặng
Yêu làm sao những đêm dài thăm
thăm

Bao la buồn như tóc xõa hoang đầy
Phòng học em trời trở gió đêm này
Mắt nhỏ chắc ngây buồn nghe lá đổ
Yêu giấc mơ có cảnh đồng muốt cỏ
Lối hoang vu chưa dấu kẻ tìm thăm
Anh ngắt cỏ xanh lót chỗ em nằm
Thời gian đứng im trong hơi thở vội

*Tà áo ai vẫy mừng không tiếng nói
Hàng cột đèn ghen hạnh phúc cúi
đầu*

*Lối nhà em như lối đến ngàn sau
Bóng hai đứa dìu nhau xa biển biệt
Bài thơ tình đừng bắt anh chép hết
Khi mùa xuân còn nhiều trong hồn
nhau.*

THÁI THỦY

Những tiếng nói thầm

Ngọc Dũng

*Hoàng hôn ngủ ngón tay e ấp
Từng mây vào kín mắt trẻ thơ
Sáng hôm nay đầy hoa bước chân đi
Mỗi tia nắng mùa xuân em trùng
điệp
Đường Tô Châu hồng lên từng lớp
lớp...
Mà nụ cười ròn rã biển lên xanh
Anh đã yêu em như chuyện hoang
đường*

*Đôi mắt lạ nghe chiều máy xuống
thấp*

Cỏ linh lan thơm nào ai biết được

*Ven rừng buồn lên cuống gió heo
may*

*Anh cúi dâng em chút nhỏ linh hồn
này*

*Triền biển lộng mông mênh từ mọi
ngã*

Mỗi cô đơn có riêng niềm luyến nhớ

*Em mùa xuân nghe cũng nét đoan
trang*

*Và tim em trong những ngôi sao
băng*

*Anh e ngại cho những mình thao
thức*

*Mầu tím hoang vu như một lần sự
thực*

- Mùa đông vào heo hút đôi bàn tay

*Buồn rừng rừng lên mắt nhìn thơ
ngây*

NGỌC DŨNG

Ghé môi sầu

Trần Thy Nhã Ca

*Đêm chìm xuống khi tình yêu thức
dậy*

*Trăng mờ đi khi sao liếc trao tình
Em cũng sầu vì thấy quá xa anh
Như những vì sao muôn đời tối lẻ
Hồn nên lặng cho tình càng dịu nhẹ
Tay nâng tay thương nhớ nuốt trong
lời*

*Đêm buồn sương làm mắt ướt xa
xôi*

Và giá lạnh bao nhiêu lời tình tự

*Nghe ánh sáng dưới chân mình cách
trở*

*Với trăng sương mờ ngó bước chung
đôi*

*Đường hoang vu trông bóng đồ
ngiên dài*

*Hàng cây đứng âm thầm theo tiếng
guốc*

Em cũng thấy tình say mê tha thiết

Vai đã mềm hơi thở quấn bên nhau

Anh mời em: xin ghé lại môi sâu

*Đêm chìm xuống và linh yêu thức
dậy*

TRẦN THY NHÃ CA

Buổi sáng chủ nhật

Thanh Tâm Tuyền

Gửi Oanh

Trong hai ngày liền, những trận mưa ngâu bỗng thấy nặng hạt hơn. Gió thổi dữ nhưng điệu mưa vẫn đều không hối hả, bầu trời tăm tức chứa đầy nước không thể trút mạnh xuống một lần. Sáng ngày thứ ba, đài khí tượng loan tin một trận bão từ Nhật Bản thổi qua vịnh Bắc Việt. Đồng thời trên trang nhất các nhật báo ở Hà Nội những hàng tit lớn dành cho trận đánh lớn của quân đội V.M. vào một tỉnh miền Nam trung

châu, mở đầu cho chiến dịch thu đông năm 1952, đã được bốn hôm. Nửa đêm ngày thứ ba của trận bão, trời đổ mưa thật lớn, Đồng thức giấc khoan khoái, giấc ngủ trong một đêm mưa to yên lặng một cách dễ chịu.

Sáng hôm sau là một ngày chủ nhật, Đông có hẹn với Nga, trận bão đã đi qua, bầu trời mùa thu lại mờ mờ như cũ. Nhìn ra ngoài vườn cây cối ướt át xơ xác, gió đã êm. Đồng xuống sân rửa mặt thấy mẹ mặc áo bông, đang cùng u già tráng bánh dưới nhà ngang như thường ngày. Bà cụ mang lên nhà trên cho Đồng một cốc sữa và ổ bánh mì. Đồng đang thay quần áo, cụ hỏi:

– Cậu không ở nhà? Hôm nay vợ chồng anh Thái với các cháu về chơi đấy.

– Con phải lên phố có chút việc. Anh chị ấy thế nào chẳng ở lại đến chiều.

Thái là anh cả đã lập gia đình có ba con, mở hiệu chữa xe đạp ở chợ Hôm, thường chủ nhật cho vợ con về thăm mẹ. Ba đứa cháu của Đồng, lớn nhất chưa quá mười tuổi nhỏ nhất hai tuổi, đều là con gái và rất quấn quít với cha.

– Cậu lấy khăn quàng cổ cho ấm – mẹ Đồng đứng lại ở cửa buồng đợi Đồng nghe theo lời khuyên.

Đồng quấn khăn đội thêm cái mũ nôi, bà cụ mỉm cười tỏ vẻ hài lòng. Đồng xuống nhà ngang lấy xe đạp, người u già lãnh tai làm cho gia đình từ ngày Đồng chưa ra đời vẫn đều tay say bột lạng lẽ ngược nhìn Đồng. Đồng dắt xe qua vườn ra lối cửa sau, chú Tư đang quét dọn mặt đất hỏi:

– Cậu Đồng đi chơi sớm thế?

Đồng đẩy xe lên qua đồng quả ủng chú Tư vừa vun gọn và cười thay cho câu trả lời.

Trên dốc quần ngựa, gió hút bạt cả hơi thở. Đồng nghỉ chân mặc cho bánh xe lăn về phía vườn Bách Thảo. Đồng nghĩ đến Nga, với cặp mắt thông minh nghịch ngợm, điệu bộ lúc nào cũng như riều cột, riều cột hơn cả Đồng làm chính. Đồng đôi khi cũng bực mình, giọng nói liến thoắng láu lỉnh, nhưng tất cả toát ra sự hồn nhiên quý báu. Nhớ lúc hai người ngỏ tình với nhau thật dễ dàng và thẳng thắn. Vào buổi sáng. Đồng đến chơi, An đi vắng. Nga tiếp Đồng trong phòng khách. Biết tính Đồng, Nga rót cho Đồng một cốc nước lọc đầy. Tự nhiên Đồng không muốn nói chuyện nữa, ngồi lặng im nhìn cốc nước trong vắt.

– Anh nghĩ gì đấy? Nga hỏi vì có đến năm phút Đồng không nhúc nhích.

– Anh tìm mắt Nga trong cốc nước.

Nói xong Đồng bàng hoàng tỉnh cơn mơ mộng, không ngờ mình đã ăn nói sỗ sàng, Đồng đợi phản ứng của Nga.

Nga ngồi ở ghế đối diện thoáng một chút bối rối, rồi lại bình tĩnh như thường.

– Anh thấy thế nào?

– Đẹp như buổi sáng này vậy.

– Có đẹp bằng mắt Phương không?

Đồng hoảng hốt vì câu hỏi, chắc Nga đã nghe An nói về mối tình của Đồng với Phương, cô bạn học cùng lớp, năm thì Tú tài phần nhất, Phương đã sang Pháp du học. Đồng nhìn thẳng vào mắt Nga không chớp và Nga cũng nhìn trả

lại, sự im lặng chập chờn trong không gian hết sức dịu dàng. Đồng uống vội hết cốc nước rồi đáp:

– Còn kém xa.

Lúc này Nga ngửa cổ cười ròn rã, má nàng đỏ hồng, nàng làm bộ quắc mắt hỏi:

– Anh trả lời hay nhĩ.

Sự giận dữ đầu tiên của Nga thật là duyên dáng. Nga bước đến bên Đồng giằng lấy cái cốc bảo:

– Em rót cho anh cốc nước khác, anh thử nhìn lại lần nữa xem.

– Vẫn không đẹp hơn – rồi hạ thấp giọng, Đồng bảo: nhưng đáng yêu hơn nhiều.

Nga đứng trước mặt Đồng và cúi xuống, Đồng vẫn ngồi im, cầm lấy cốc

nước với cả bàn tay Đồng nâng lên môi uống. Nàng nói nhỏ nhẹ:

– Em chịu thua.

★

Nga mặc áo dạ đỏ nhạt; ngồi trên yên xe đạp tựa vào vỉa hè bên đền Quan Thánh, đang mãi nhìn về phía trường. Buổi đón Đồng, Đồng đạp thẳng theo phố của Bắc vòng về sau lưng Nga, và cho xe đâm vào bánh xe sau của Nga khiến Nga suýt ngã. Nàng nói dối:

– Anh nghịch tình lắm, em không thích đâu.

– Em không thích thì em đi chơi một mình, Đồng tùm tùm cười

– Cũng được, càng tốt.

Nói xong Nga lái xe sang phía con

đường đôi không nhìn lại. Đồng đạp chậm theo.

Một lát không thấy Nga ngó lại phía sau, Đồng cho xe chạy song song hỏi:

– Cô ơi, cô định đưa tôi đi đâu đây?

– Anh cũng đi theo đấy à, Nga làm bộ lạnh nhạt, cứ chịu khó theo rồi khắc biết.

Đồng khịt khịt mũi không hỏi nữa. Đến vườn hoa Canh Nông. Nga chạy vòng mấy phố quanh vườn hoa, đến vòng thứ ba trời bắt đầu lất phất mưa, Đồng đỗ xe trú dưới vòm cây canh một tòa nhà lớn, Nga tưởng Đồng vẫn đạp theo sau mình nên cứ tiếp tục, Đồng nhìn cái dáng kiêu kỳ của người yêu mà cười. Hết vòng Nga cũng vào tránh mưa cùng chỗ với Đồng mặt giận làm như người không

quen. Đồng vẫn khúc khích cười một mình, Nga thút thít khóc, Đồng để yên. Sau đó, Đồng dịu dàng bảo:

– Bây giờ em đưa anh đi chứ?

– Anh ác lắm, Nga nói giọng nước mắt, tại sao anh không xin lỗi em một tiếng?

– Thì anh xin lỗi em, được chưa. Đồng đứng sát lại gần Nga.

– Tại em muốn anh mới xin lỗi, Nga lắc đầu phụng phịu, tự ý anh anh không xin lỗi bao giờ hết.

– Em trẻ con lắm. Đồng gắt yêu, muốn người ta xin lỗi, người ta xin lỗi là được rồi còn gì nữa. Đây vậy thì tự ý tôi là Đồng, tôi xin lỗi cô là Nga. Bằng lòng chưa?

– Bằng lòng.

Nhìn vào mắt Nga bấy giờ, giá không phải là phố đông Đồng đã hôn lên mắt ấy.

– Vậy thì em định đi đâu?

– Anh cứ theo em.

Hai người đạp xe theo phố hàng Bột.
Nga bảo:

– Anh cắt cho em cái mũ nôi đi. Em muốn trông thấy tóc của anh. Anh không thấy mái tóc của anh nó thi sĩ lắm hay sao?

Đồng bỏ mũ nhét vào ngực áo, gió thổi xòa một khóm tóc xuống trán sắp mồ hôi của chàng. Đồng nghĩ thầm: Nga muốn ám chỉ tập thơ mình làm tặng Hà và Phương mà mình đã vứt xuống sông năm ngoái đây.

– Em còn muốn bắt anh phải làm gì nữa không? Đồng hỏi.

– Em muốn anh không cười nữa và anh buồn.

– Quái gở.

Đồng cười rộ lên làm cho lũ trẻ con bên đường cũng cười theo.

– Em quái gở lắm. Nhưng tại sao em thích anh buồn?

– Tại em chưa thấy anh buồn. Em chắc anh buồn em sẽ yêu anh hơn, anh buồn có lẽ anh sẽ cần đến em. Còn cho đến bây giờ em vẫn chẳng có nghĩa gì với anh hết.

Những lời của Nga đột ngột nói thẳng vào tim Đồng. Đúng. Đồng không hề buồn trước mắt người khác, Đồng

hay đùa nghịch châm biếm khôi hài trái hẳn vẻ nghiêm nghị khắc khổ của bọn Thạch, An, Cảnh, Nhưng nếu người ta biết những lúc Đồng ngồi suy nghĩ một mình về bệnh tật, về cái chết, về bạn bè, về người yêu... nếu người ta biết những đêm tối trần trọc với những cảm giác kỳ lạ bất thường trong cái thân thể yếu đuối, trong cái ý thức vùng vẫy, trong cái tiềm thức vi phân... nếu người ta biết Đồng đã xô đung mơ hồ tới những giới hạn vô cực của cái ý nghĩa sống còn...

– Nhỡ khi anh buồn anh lại càng không cần đến em thì sao?

Đồng cười, tiếng cười giấu trong cuống họng và ngực. Rồi thốt nhiên Đồng ứa nước mắt dễ dàng và chàng nhìn đường dốc ô chợ Dừa thấp thoáng đông đúc. Đồng rút khăn tay chấm nước mắt, mỉm cười quay sang Nga nói tiếp:

– Em bằng lòng chưa? Anh đang khóc đây này.

– Anh nói dối, Nga cười vô tư, gió thổi cay mắt anh thì có. Anh hay lừa em lắm.

– Anh ghét em vì em thông minh quá, Nga ạ.

Đồng ngạc nhiên khi thấy Nga rẽ vào nhà thờ Nam Đồng.

– Vào đây làm gì em?

Đồng hỏi, nín lấy tay Nga cho hai xe chạy chậm trên đường lát gạch.

– Em đi lễ, Nga trả lời tự nhiên.

Đồng gạt đầu tỏ vẻ hiểu ý, lúc này Đồng mới trông thấy cuốn kinh đóng bìa da Nga cầm trên tay. Hai người dựng xe vào trong một cái rãnh xi-măng nhỏ.

Nga ngẩng nhìn Đồng, Đồng lơ đãng đưa mắt quan sát khoảng đất rộng trước nhà thờ.

– Anh có phải vào không em?

Đồng hỏi lúc hai người đi tới một cái hành lang lát đá hoa im lặng và ánh sáng hơi mờ.

– Tùy ý anh. Nga đứng lại ngó Đồng.

– Anh đợi em ngoài này nhé.

Đồng cầm lấy bàn tay không của Nga.

– Em sẽ cầu nguyện cho anh.

Đồng cảm thấy những ngón tay mềm ấm áp của Nga ôm bấu lấy bàn tay mình.

Đồng đợi cho Nga bước vào nhà thờ, quỳ xuống một chỗ gần một cột cạnh tòa

giải tội, lẫn vào trong đám đông thành kính, nhìn mái tóc người yêu và cái vòm cao đục lờ, nghe giọng hát thánh ca bay lượn bao trùm khoảng kín không biết phát xuất từ góc nào đệm theo tiếng đàn Harmonium vang dội, Đồng bỗng thấy thần trí hoang mang buồn nản

Khi Đồng quay lưng đi ra phía sân trong là lúc ban thánh ca dứt một hồi chuông vang lên rồi tới lời truyền giảng chậm rãi âm âm.

Đồng men theo lối đất đi về cuối sân. Đó là một khu vực rộng gồm những dãy nhà không cao lắm, kiến trúc trang nghiêm tẻ lạnh, chạy song song cách nhau những khoảng sân lớn đang trồng cây. Đồng đứng lại xem người ta đẩy cỏ sửa sân, hình như người ta muốn làm ở góc này một sân bóng chuyền. Trông thấy mấy nhà thầy tiến lại chỗ làm việc,

Đồng bỏ đi vòng sang con đường khác. Trời lại bắt đầu ẩm ướt, không khí của một cuộc biệt ly, Đồng nhớ đến Thạch. Nửa tháng Thạch ở Hà Nội, Đồng chẳng có dịp nào nói chuyện lâu với bạn, mà hình như Thạch cũng muốn tránh tâm sự, Thạch có chuyện gì muốn giấu, Đồng biết thế. Chơi với bạn từ nhỏ, ngày còn học trường Pierre Pasquier bây giờ là trường huấn luyện cảnh sát, sau đến trường trung học Gia Long bây giờ đã chia làm nhiều gian cho thuê để ở. Đồng đã quen với tính nết của Thạch: lầm lì ít nói và cục. Lớn lên Thạch lại càng khó tính và bí ẩn hơn, Đồng có cảm tưởng mình phải bám lấy Thạch để hiểu Thạch và che chở cho Thạch, Đồng không hiểu Thạch có cần sự che chở ấy không, một thứ hiện diện sẵn sóc suông mà thôi, nhưng tình cảm ấy cần cho Đồng. Đồng vẫn ví khuôn mặt Thạch như là cái lô cốt

chỉ hở hai lỗ châu mai đặt hai họng súng, nghĩa là người ta chỉ tìm thấy trên nét mặt ấy những dấu vết rõ ràng của khổ sở tàn phá và cặp mắt thì lạnh lùng, dữ tợn, thù hằn. Ngày Thạch rời Hà Nội không ai biết, lần xuống Nam Định chỉ có Đồng tiền Thạch, Đồng đã hỏi An và Cảnh, cả hai cũng không gặp lại Thạch: chỉ có An là trước đó vài hôm đã đi chơi với Thạch một buổi tối vì Thạch xuống tìm tại nhà, từ đó đến nay Thạch biệt tin tức, Đồng nói thêm: Nó tự tử. Bỗng nhiên Đồng rùng mình và muốn được hôn Nga, chưa bao giờ Đồng cảm thấy sự thèm muốn Nga nồng nhiệt như bây giờ. Đối với Đồng việc cầm tay Nga trong tay vẫn là một động tác quý báu trong sạch; Thạch đã từng chỉ trích Đồng: “Cậu lãng mạn lắm”. Đồng nhớ lại ngày yêu Phương, gia đình Phương rất tự do. Đồng đến chơi ở cả ngày có khi tới tối mịt trong phòng

riêng của Phương: Phương thường hôn Đồng trong khi người nhà qua lại bên ngoài phòng một buổi chiều mùa đông trong phòng tối xâm trông không rõ mặt người, Phương ôm Đồng ngã xuống, Đồng sợ hãi cứng người, kịp ngồi dậy trước khi Phương tháo cúc áo sơ-mi đầu tiên của Đồng, Đồng ra ngồi trước bàn học không dám bật đèn cũng không dám mở cửa phòng, lát sau khi bà Các, mẹ của Phương, gõ cửa gọi hai người ra ăn cơm, Đồng vội cáo biệt. Đồng không thể quên được tiếng khóc ầm ục của Phương trong bóng tối, Phương đã nói rất nhỏ vì xấu hổ:

– Anh sẽ hối hận, vì chỉ có anh em mới làm thế. Anh là người yêu thứ nhất của em, anh không tin sao?

Đồng lắp bắp đáp:

– Anh tin em, anh hiểu lắm.

Khuôn mặt của Nga trong nhà thờ bước ra rục rỡ vui tươi.

– Em đẹp như tượng... vậy. Đồng cười nói.

– Anh không được nhìn em hồn như thế. Nga để ngón tay trở lên môi, trũng mắt.

– Vậy thì anh bảo là em đẹp quý phải lắm.

Đồng cầm tay Nga vuốt ve. Có tiếng người nói chuyện đâu đây, Nga gỡ tay Đồng rồi dắt chàng đi, Nga nói:

– Em vừa thú tội xong.

– Em thú tội gì?

Nga vội bụm tay vào miệng Đồng.

– Anh không biết người công giáo có hai điều thiêng liêng nhất là lúc thú tội và lúc chịu phép mình thánh? Anh không được ăn nói bậy bạ.

Đồng ngó ngoáy đầu, cười khúc khích trong bàn tay Nga, hỏi:

– Vậy em thú những gì nào?

– Em thú rằng em yêu anh hơn ai hết trên đời này, em phục tòng kính trọng anh mà anh thì vô đạo. Em biết rằng không đời nào em có thể dắt anh trở về con đường của Chúa, em lại cũng biết rằng em không thể bỏ anh vì Chúa và như thế là em phạm tội.

– Em có thể vừa yêu Chúa vừa yêu anh cũng không sao.

– Cha khuyên em nên xét kỹ lòng mình – Nga nói tiếp giọng ấm -áp, không

chú ý tới câu nói của Đồng – nên hiến trọn mình cho tình yêu Chúa và nếu quả thật tình yêu Chúa nơi em là cao cả thì nó sẽ cảm hóa được anh, làm nảy nở tình yêu Đấng tối cao ở anh.

Đồng và Nga đã đứng bên xe đạp, Đồng hỏi:

– Em có tin như thế không?

– Em chưa biết vì em hiểu anh. Đối với anh cũng như đối với Chúa, tình yêu của em chỉ có một thể, đó là sự thần phục tuyệt đối.

Đồng cảm thấy lạnh dọc xương sống, những lời của Nga nói thành thật nghiêm trọng không phải là đùa bỡn. Đồng tự hỏi: Nga theo đạo từ bao giờ, Đồng biết chắc là gia đình An không ai là người công giáo. Đồng vẫn cố gắng

mỉm cười, hỏi:

– Vậy em có buồn không?

– Em muốn hỏi lại anh câu ấy.

Đồng nhắc chiếc xe đạp lên nhìn
lảng chỗ khác đáp:

– Anh đã bảo anh ghét em vì em
thông minh quá. Thôi chúng mình đi về.

✱

“Anh yêu,

*Ba ngày hôm nay em trông đợi không
thấy anh tới thăm em. Em ở nhà một
mình buồn quá. Cậu mợ em vào Sài Gòn
từ hôm thứ hai, để vận động chính trị – có
lẽ cậu em sẽ giữ một chân bộ trưởng trong
chính phủ sắp cải tổ (em không muốn để ý*

tối chuyện ấy nhưng ở trong nhà nên vẫn phải biết), anh An đi chơi vắng suốt ngày và được thể suốt đêm nữa, trong khi em đang viết cho anh đây thì anh ấy còn ngủ vùi trên bông. Em tạm nghỉ học trông nhà, công việc đã có người làm hết, em chỉ đi lại quanh quẩn trong nhà mà nhớ tới anh. Nhớ tới anh nhiều quá em lo sợ rằng anh giận em. Em biết tính anh giận đấy nhưng mà vẫn cười đấy, giá em có hỏi, anh lại làm trò nhăn mày nhăn mặt cười khích khích rồi nói: Anh mà giận em, có họa là điên. Anh tưởng đánh lừa được em, nhưng em thừa thông minh để nhận thấy sự quá dễ dãi ở anh chính là sự biểu lộ của giận dữ đè nén. Em hiểu anh nên mới yêu anh chứ người khác chịu thế nào nổi anh, như Phương chẳng hạn (bây giờ em nói thẳng cho anh rõ là em biết Phương vì Phương chơi thân với một người bạn thân của em, nếu anh muốn biết tin tức

của Phương em sẵn sàng báo cho). Và em càng yêu anh, em cũng hiểu anh. Anh có nhận như thế không nào?

Vậy thì - em bắt chước giọng của anh đẩy em buồn quá, nhớ anh quá và yêu anh quá vì biết rõ anh đang giận em. Không giận thì tại sao anh không nghe thấy rằng em đã cần có anh ở bên cạnh mà tìm tới thăm em? Nhất là sau buổi gặp nhau hôm chủ nhật, em còn rất nhiều điều muốn nói với anh mà chưa nói được. Lần nào gặp anh, em cũng dự định rất nhiều điều nhưng trước mặt anh, anh không bao giờ làm cho em dễ dàng thổ lộ, hoặc anh chọc tức em, hoặc anh mê hoặc lôi cuốn ý nghĩ người ta đi đâu đâu, hoặc thái độ của anh làm cho em tự nhận thấy mình lỗ bịch. Nhưng bây giờ em không sợ anh nữa, anh không ở trước mặt em, em viết cho anh đọc.

Anh có hiểu em yêu anh đến chừng nào không? Chưa bao giờ anh tìm hiểu đo lường tình yêu của em đối với anh. Em không bảo rằng như thế là anh coi thường em nhưng thái độ của anh làm em bức mình. Nhiều lúc em chỉ muốn được nghe anh đòi em phải nói: Em yêu anh, để rồi anh cũng nói: Anh yêu em, nhưng anh chẳng hề làm. Trong ý anh mấy tiếng ấy thừa và vô nghĩa. Riêng em, em vẫn quay cuồng vì thứ tình yêu của anh, một thế giới ngổn ngang những im lặng, những khoảng trống, những thánh địa anh ném em vào để tự em dò dẫm tìm lấy lối phải theo; trong thế giới ấy em không thể bừa bãi nếu không muốn phá hoại, em cũng không thể thụ động nếu không muốn bị bỏ rơi. Anh thật là tàn ác em vẫn nghĩ thế, tại sao anh không đơn giản như mọi người? Theo được anh, một nhọc chết người. Em tự hỏi: cái gì đã ràng buộc em vào với anh

một cách vô lý như vậy? Nếu không phải là chính em, chính em cũng không đơn giản chút nào, phải không anh?

Có lẽ anh không biết rằng em đã để ý đến anh từ trước khi anh ngỏ lời với em, trước cả khi anh thường lại thăm em ở nhà. Một vài lần đầu gặp anh ngoài phố đi chơi với anh An, em không nhận thấy điều gì đặc biệt ở anh hết. Nhưng một lần khác, sự có mặt của anh đã làm em thăng thốt mê đắm, lần em gặp anh trong rạp chiếu bóng Studio, chắc anh không thể nhớ được. Khi em cùng hai người bạn bước vào căn phòng nhỏ bé ấm cúng ấy thì em trông thấy anh ngồi thu gọn gầy như nằm giữa những hàng ghế trống. Chỉ có một mình anh, ngoài ra không còn ai khác, hình như anh nhắm mắt ngủ, ánh đèn mờ mờ và lúc ấy trên màn trắng là khoảng trống giữa hai đĩa

nhạc, em nhận ra mái tóc bông mềm mại với khuôn mặt của anh nghiêng về phía nhiều bóng tối như khuôn mặt trong ảnh của một tác giả cổ điển trong các sách lịch sử văn chương (em nhớ mang máng hình như em thấy giống Rousseau). Đó là ngày cuối phim nên đến khi chiếu trong gian phòng vẫn chỉ có ba đứa em và anh thôi, em ngồi đằng sau lưng anh, cách rất xa (chỉ có hai hàng ghế, anh ngồi hạng bát, chúng em ngồi hạng nhất). Chính trong hai đứa bạn em hôm ấy, một đứa là bạn thân của Phương đã nói cho em biết về chuyện giữa anh với Phương. Gặp đoạn phim thú vị, em nghe thấy tiếng anh cười lớn, tiếng cười cho một mình không cần sự hưởng ứng của bất cứ vật nào khác. Em cảm thấy ở anh một nỗi cô độc lớn lao tỏa chiếm lấy cả gian phòng và chúng em như những kẻ ngoại cuộc lén vào phá khuấy cái không khí của riêng anh mà anh ở thờ

không hay, em bị cuốn hút vào trong vòng cô đơn ấy. Khi anh đứng lên bước đi, đầu hơi cúi, hai tay buông thõng, dáng khoan thai, anh quay lại nhìn bọn em mỉm cười, vẻ mặt anh lộ sự trêu cợt. Em nhìn anh ở phía sau, đi giữa đám đông trong thành phố buổi chiều, em nhận rõ cái vẻ đẹp đàn ông rất đáng ghét của anh (em trả lại chữ cho anh) vẻ đẹp của người đàn ông là cái vẻ tự đầy đủ không cần sự bổ túc của đàn bà nên cô đơn quá. Nhưng em đã yêu anh, bằng lòng sự phụ thuộc vào anh. Vì thật ra em cũng là kẻ cô đơn trong đời, nhưng là thứ cô đơn của phái yếu.

Em biết anh thắc mắc về việc em trở về đạo Chúa vì anh rõ gia đình em không có gốc đạo và cũng không người nào trong gia đình ngờ rằng em tìm thấy đức tin nơi Thiên Chúa. Anh không thấy như thế là em cô đơn giữa những người thân yêu sao?

Cậu mợ em là những người nhiều tham vọng, anh An là một tâm hồn khó hiểu, em vẫn thường cầu nguyện cho những người ấy cũng như cho anh, tâm hồn cô độc kiêu ngạo. Em vẫn tự hỏi: tại sao em lại cô đơn trong khi hoàn cảnh, học vấn, tư chất của em phản nghịch lại? Em chỉ tìm thấy tận trong thâm tâm những náo động của một nguồn tội lỗi kỳ quặc, tự nhiên em thấy em là kẻ có tội cần phải ăn năn cứu chuộc lấy linh hồn. Em không hiểu nguồn tội lỗi ấy nguyên nhân bởi đâu, em thành thật nói với anh, em rất nghiêm khắc trong việc xét mình nhưng em vẫn phải nhận là em còn trong trắng lắm. Thật là vô lý, một thiếu nữ cảm thấy tội lỗi không nguyên do. Nên em cô đơn lắm, nhưng em không phải là anh để chịu đựng lấy một mình. Em cần một nguồn an ủi, em về quỳ dưới chân Chúa xin Chúa che chở và cứu vớt lấy tấm linh hồn con

cái của Chúa. Một vị linh mục đã giải cho em về cái cảm giác tội lỗi ở em là: Chúa đã chọn cách ấy để gọi em về với ánh sáng với chân lý và em đã nhận được ân sủng lớn của Người ban cho trông thấy cái ý nghĩa của kiếp trần gian này. Riêng em, em nhận một cách tầm thường là em chạy trốn sự cô đơn, em cần được thổ lộ những nỗi niềm với người lúc nào cũng lắng nghe em, em còn được khóc nức nở dưới cặp mắt hiền từ của người và vật trong gian nhà của Chúa, nghĩa là giải thoát sự cô đơn mà vẫn giữ nguyên vẹn sự cô đơn bày lên trước mắt mình – em mơ màng thấy nó quý báu nhập vào những thần tượng trên ban thờ – không phá vỡ nó giữa cái đời sống xô bồ rùng rùng của người thân yêu xung quanh.

Anh hiểu vì đâu em yêu anh, yêu sự cách biệt trống vắng anh đặt ra ngăn giữa

hai chúng ta. Nói thế nhưng hôm nay thì em vẫn nhớ anh, em ước mong anh sẽ tới với em để em sẽ nói với anh rằng em yêu anh, bắt anh phải trả lời: anh yêu em, tâm thường đơn giản như mọi người. Anh đừng giận em, tội nghiệp. Trong giây lát anh hãy quên anh đi, hãy thử nghĩ tới em không mà thôi, chắc rằng em sẽ sung sướng biết bao.

Em hôn anh suốt khi anh đọc bức thư này.

NGA

THANH TÂM TUYẾN

(trích UNG THƯ 59)

Trốn

SEAN O'FAOLAIN

HOÀNG HẢI THỦY dịch

Sean O'Faolain là một nhà văn Ái-nhĩ-Lan chưa quen biết nhiều với độc giả Việt Nam. Truyện ngắn Fugue trình bày trong số này, có lẽ là truyện đầu tiên của Sean O'Faolain được dịch sang tiếng Việt. Với một niềm yêu thương Tổ Quốc và biển, Sean O'Faolain đã nói lên trong truyện của mình những ưu tư, ước vọng của một thế hệ thanh niên yêu nước Ái-nhĩ-Lan, trên con đường chiến đấu giành quyền độc lập. Cùng lúc đó, Sean O'Faolain cũng

đã diễn tả được những ưu tú, những ước vọng của tất cả những người trẻ tuổi chiến đấu vì đất nước của mình trên toàn thế giới. Giữa hai trận chạm súng với quân thù đôi khi những nỗi ước vọng ấy chỉ là một cái giường để ngủ, và một người đàn bà.

Hiện Đại

Mây lên xa dần viền đỉnh núi bình minh trắng đục. Trong lúc cúi xuống để nhìn qua khung cửa sổ nhỏ, tôi khẽ bảo cho Rory biết rằng bên ngoài, trời tối đen như mực, còn tối hơn cả đêm khi vầng trăng tròn chưa mất trên nền trời. Nằm trong giường, Rory chống tay ngóc dậy, anh hỏi tôi có nghe tiếng gì từ dòng sông vắng lên không.

Bình minh ướt lạnh tràn đầy khắp nơi, làm mờ những góc cạnh của ngôi nhà gỗ dưới chân tôi, giăng trên những cọng rạ ẩm ướt trong vựa thóc, và như sương mù đêm hôm qua, hay trên dòng sông nước chảy bên phải tôi. Tôi có thể tưởng tượng như trông thấy những lượn sóng uốn khúc, chảy miết trong cái tranh tối tranh sáng, và chắc chắn, đã phủ ngập tất cả những phiến đá nhỏ mà chúng tôi hy vọng nhờ đó sẽ trốn thoát sang dãy núi bên kia.

Tôi lại khẽ nói cho Rory biết rằng tôi chỉ nghe thấy có tiếng nước rơi ào ào qua đập nước, Rory vùng dậy khỏi giường. Anh bực tức thốt ra một câu rửa xả dòng sông khốn nạn đã giữ chân hai tên quân du kích Ái Nhĩ Lan hèn hạ ở đây, để chờ bọn lính mũ đen đến nắm cổ lôi đi.

Trong lúc cúi mình bên khung cửa

sổ, hai bên chân không giày lạnh giá trên sàn gỗ, tôi khẽ rung mình nhớ lại đêm vừa qua. Chúng tôi rút lui khỏi Inchigella trên những con đường mòn, hai chúng tôi bị lạc trong một miền núi đá hiu quạnh có cái tên đáng sợ là Mả Đá, một miền rất khó đi qua trong ban ngày và không thể ai đi qua được trong đêm tối. Chúng tôi đã mò mẫm hết lên lại xuống mãi đến lúc tôi cảm thấy hai mi mắt sụp xuống, trong khi hai chân tôi đứng không còn vững nữa. Rory vốn là dân đồng ruộng, nên có vẻ không biết mỗi mệt là gì. Sương mù giăng như một làn lụa mỏng dưới ánh trăng, che mờ đồng vắng, làm ẩn hiện những lùm cây đen xa hàng cây số. Chúng tôi đi lên đi xuống mãi, sương mù trở nên dày đặc hơn khi chúng tôi bước chân vào một thung lũng lầy lội, gót giày của chúng tôi, như dính chặt vào những gốc rạ nằm ngổn ngang,

trái tim chúng tôi như bị bóp chặt lại vì sợ hãi. Chiều hôm đó, vào hồi xẩm tối, nghe một tiếng động khả nghi trong bụi cây tôi đã nổ một phát súng về phía đó trước khi nằm xẹp xuống. Nhưng Rory chửi thề và trợn mắt hỏi tôi bằng một giọng ngạc nhiên rằng phải chăng tôi có ý định dàn mặt trận để phản công bọn chúng. Sau đó, tôi không còn tâm trí để làm bất cứ một việc gì khác, ngoài việc tránh làm sao để khỏi bị chạm trán với quân địch và đi làm sao cho nhanh để có thể qua được dòng sông sang dãy núi bên Ballyvourney trước khi trời sáng. Thế là chúng tôi cứ mò mẫm theo nhau đi, mỗi tiếng động tự nhiên của đêm tối vang lên lại là một lần chúng tôi dừng chân kinh sợ, tiếng chim vỗ cánh bay, tiếng chó sủa giống một: gâu, im một lát rồi lại: gâu. Nhiều người cho rằng không có gì cô đơn cho bằng tiếng chó sủa trong

đêm, nhưng với chúng tôi. không có hình ảnh nào cô đơn cho bằng một đốm lửa lờ mờ sáng nơi xa xa, một đốm lửa rất nhỏ trong lúc bóng tối bao trùm tất cả, trừ có vầng trăng trên nền trời. Đốm lửa nhỏ đó tượng trưng cho bạn hữu, cho một bếp lửa ấm, cho những lời khuyên lớn, cho an ủi – nhưng đối với chúng tôi trong lúc bơ vơ, lạc lõng ấy nó chỉ là một nỗi sợ hãi không bao giờ chấm dứt, và có thể là một viên đạn nằm yên trong đầu, trước khi trời hừng sáng.

Chỉ có một lần trong lúc đang ngồi nghỉ, Rory cúi kính quên cả giữ gìn, anh liền quệt một que diêm để châm điếu thuốc lá úp trong lòng hai bàn tay. Tôi nằm dài trên cỏ ướt – Trời ơi, được ngủ ở đây một vài giờ đồng hồ thì sung sướng biết là chừng nào – và cố giữ cho khỏi ngủ thiếp đi bằng cách nhìn lên trời

thuốc lá đỏ trong lòng hàn tay của Rory, mỗi khi anh đưa tay lên môi. Chỉ còn vài đêm nữa là trăng sẽ tròn, tôi tưởng như đó là bộ mặt tròn xoe của một chị con gái ranh mãnh đang nhìn chúng tôi cười chế nhạo, mảnh trăng khuyết giống như một chiếc mũ bông chụp bên cạnh đầu nàng. Mặc chuyện muốn ra sao thì ra, Rory khẽ nói: một mạng chống hai mươi mạng, chúng mình đánh lại làm sao được chúng.

Rory kéo tôi đứng dậy, chúng tôi lại theo nhau đi. Tôi chửi hấn ta là dân nhà quê mà cũng bị lạc đường ngay trong địa phương của hấn, còn hấn, hấn chửi tôi là một tên ốm yếu ở thành lần mò về miền núi non này mà làm gì. Khi nghe rõ tiếng bò rống trong thung lũng dưới chân, chúng tôi lao đầu chạy xuống những cái dốc trơn tuột, dòng sông

kia chắc đã cắt xẻ những rãnh dốc đó từ hàng bao nhiêu thế kỷ: bóng cây nặng trĩu hiện lên nền trời, rồi bóng căn nhà nằm dưới hàng cây. Rory nhận ra đó là nhà của lão Dan-Jamesy, chúng tôi vội vã đập cửa bằng báng súng, chỉ còn nôn nao vì sắp được ăn, sắp được ngủ, sắp được có người nói chuyện. Từ cánh cửa sổ trên lầu, nàng nhìn xuống hỏi chúng tôi muốn gì, Rory xưng tên. Đã quen thuộc với những chuyện như thế này rồi, và thương hại chúng tôi nữa, nàng vội đi xuống mở cửa. Nàng đi chân không, mái tóc xõa dài trên vai, tấm áo choàng đen chưa gài hết khuy trên làn ngực trắng, tay nàng cầm một ngọn nến, gió lùa ánh lửa lung linh nhảy múa.

✱

Rory mặc quần áo, tôi đứng lặng ngắm dãy núi xanh đã hiện rõ bên kia sông. Tôi theo Rory xuống dưới nhà ăn một chút gì trước khi lên đường, bà cụ già và một đứa nhỏ ngồi quanh chiếc bàn gỗ, đôi mắt thẳng nhỏ sáng lên, mở rộng vì tò mò, đôi mắt yếu của bà lão tràn niềm lo ngại vì sự có mặt của hai chúng tôi, bà sợ cho con trai, cho cháu bà. Người thiếu phụ mở cửa cho chúng tôi đêm qua đứng như một pho tượng trước bếp lửa, hai cánh tay trắng để trần đến khuỷu, và – với một cử chỉ kỳ dị – một tay nàng đặt trên đỉnh đầu, như muốn ép mái tóc nàng xếp xuống như một chiếc mũ nhung sáng ngời ánh lửa. Nàng mỉm cười với tôi khi tôi vừa bước vào, nhưng tôi bối rối quá nên không cười đáp lại. Rory hỏi nàng nhiều câu về bọn đi bao vây và bọn bị bao vây, nhìn thẳng vào khuôn mặt thô lỗ của anh ta, nàng trả

lời rằng trước đây độ một giờ đồng hồ, vừa có vài chiếc xe cam-nhông chở đầy lính chạy qua ngoài đường cái, khi Rory hỏi nàng về chuyện qua sông, nàng cho biết là nước đã dâng nên ngập hết những phiến đá không thể nào qua được.

Nàng cúi xuống cầm ấm trà, một tay nàng áp vào đùi trong lúc nàng rót trà. Ngay sau giây phút đó, tôi đã nhớ lại đôi mắt của nàng, khi nàng vừa nhìn tôi vừa khẽ cúi rót cho tôi một chén trà đầy. Cùng lúc nhớ lại như thế, tôi có cái cảm giác giống y như cái cảm giác của đêm vừa qua lúc tôi nhìn thấy cánh cửa sổ nhỏ lấp lánh ánh sáng trong cái thung lũng vắng vẻ, tối tăm, tràn đầy ánh trăng và sương mù. Đặt lại ấm trà vào giữa bàn, nàng đến ngồi gần đĩa nhỏ và đặt một tay lên đùi thẳng bé, nàng nói với nó:

– Chỗ củi Tom đem về tối qua đốt không có được.

– Khói nhiều quá.

– Bây giờ, chịu khó đi kiếm một bó khác, nhé Jamesy, nhé...?

Đứa bé chỉ nhìn chúng tôi ngồi ăn, nó gật đầu nhưng vẫn không chịu rời khỏi ghế. Bà cụ gắt:

– Đừng bảo nó, nó không biết gì đâu...

Với những bước đi mềm mại, nàng ra khỏi phòng. Chúng tôi sửa soạn lên đường, tuy vẫn đề phòng, nhưng không còn lo sợ nhiều bằng trong bóng tối đêm qua. Tôi ra đứng gần cửa, nhìn xem trời có mưa không. Trước mặt tôi là lối đi vòng, còn đây bóng tối dẫn xuống chuồng bò, mưa rơi nhẹ trên mái rơm. Nàng hiện ra

trên lối đi vòng. tay ôm một bó củi, mát ngược lên nhìn tôi và một lần nữa nàng mỉm cười rồi nàng tiến đến gần, tấm vải choàng màu xanh được kéo lên mái tóc để che mưa – Nụ cười của nàng làm tôi khổ sở, Rory và ông cụ già trong nhà đưa nhau xuống chuồng bò, vừa đi vừa cãi nhau về chuyện Rory cần một con ngựa để đưa chúng tôi qua sông. Tôi đi theo họ, và sau cùng, chúng tôi đến bên dòng sông sóng cuộn điên cuồng trên những tảng đá ngầm.

Tôi ngồi sau người bạn già trên con ngựa trắng, ôm chặt lấy lưng anh, mắt chăm chú nhìn xuống dòng nước cuộn sóng sau những vó ngựa ngập ngừng. Tôi thấy những giọt nước bắn tung lên, lóe ánh mặt trời rồi rơi đập vào gối ngựa – Cùng lúc ấy, tôi còn nhìn thấy người đàn bà trẻ tuổi đứng trong gió đêm, và

đôi mắt của nàng nhìn tôi hai lần, ba lần buổi sáng hôm nay. Tôi khao khát được ngừng phiêu bạt, tôi thèm hương hoa, có ánh sáng, có mùi đàn bà và những vuốt ve, mơn trớn của đàn bà – Nàng đã nhìn tôi, như giữa tôi và nàng có một mối tình thâm kín: chưa chắc đã có được một người đàn bà trong số mười ngàn đàn bà nhìn một người đàn ông nào như thế, mới hôm qua, tôi chưa được gặp một người đàn bà nào nhìn tôi như nàng, đến bây giờ, khi phố vàng óng ánh chiều, khi ánh nắng vừa tắt trên những mái nhà cao nhất, khi ngày gần tàn, khi những lối đi mờ bụi trắng: khi đàn ông tỉnh cơn uể oải của ngày dài, như sống lại để tính chuyện yêu đương, đến những bóng tối, bao bọc tình yêu, và đi lang thang từ đô thị về những miền cỏ tối.

✱

Con đường uốn khúc chạy về phía đông, giữa những tảng đá lớn chỉ có những cột dây thép nhô lên báo cho chúng tôi biết vị trí của con đường. Khúc quanh vắng ngắt và im lìm không một tiếng động, chúng tôi ôm súng cầm đầu chạy qua. Đột nhiên tôi nghe tiếng Rory kêu có một chiếc xe nhà binh đang tiến tới. Tim đập liên hồi, chúng tôi ra sức chạy rồi đâm nhào xuống những bụi cỏ ướt, cuống cuống bò đi như những con vật không có chân và quay đầu nhìn lại phía đường. Tiếng đạn réo trên đầu, tôi nhìn loáng thoáng thấy hai bóng áo kaki nhấp nhô sau một tảng đá, tôi ghì súng bắn trả lại chúng như điên dại cho đến lúc ổ súng của tôi bị hóc, tôi bò thụt lùi và tụt xuống một rãnh nước khá sâu, rồi tôi chạy... tôi chạy lao qua các bụi cây, nhảy

qua các tầng đá... từ trước đến nay, chưa bao giờ tôi chạy nhanh đến thế, mãi đến lúc tôi ngã sấp xuống đất, phổi nóng ran vì nghẹn thở, tim đập như muốn làm nổ tung lồng ngực để nhảy ra ngoài. Tiếng đạn vẫn gào trên đầu tôi, có cả tiếng đạn phập vào lòng đất.

San cùng chúng cũng ngừng bắn, tim chúng tôi trở lại nhịp đập bình thường khi chúng tôi tiến vào một khu rừng thấp đầy lau sậy, đá xám nằm giữa những thân cây, bông lau uốn mình theo gió reo xào xạc. Chúng tôi nằm trong rừng thật lâu, nghe tiếng trầm của suối chảy, nghe tiếng lá rụng, và thỉnh thoảng lắng nghe tiếng xe nhà binh chạy trên con đường cái ngoài kia.

Bị kích thích bởi sự nguy hiểm và nét đẹp vô biên của khu rừng trầm lặng, của dòng suối sau lưng, của những ngọn

cây lá uốn quanh mình, tôi lại bắt đầu nhớ tới người đàn bà trong tấm áo đen đêm qua, người đã biết rằng có tôi đang sống, như những người mà nàng đã gặp ở nhà thờ, ở những chợ phiên. Lúc nào tôi cũng chỉ nhớ cái hình ảnh khi tay nàng cầm ngọn nến lung linh hiện ra với chúng tôi trong đêm tối và vạt áo đen đè nặng lên làn da trắng của nàng lúc nàng dẫn chúng tôi vào bếp lửa...

Bóng chiều ngả dần trên những ngọn núi nâu hồng. Vừa quay mặt bước đi dòng suối trắng đã ngả màu chì xám trên những lưng đá lạnh. Gió theo mây bốc lên từ những thung lũng xa, đe dọa một đêm đêm bão tố. Chúng tôi rảo bước đi, chỉ còn mong cho chóng gặp một căn nhà nào đó để được ngồi bên bếp lửa, trong lúc mưa rơi lạnh lẽo ngoài trời.

Chúng tôi vẫn đi lẩn bên những con đường mòn, nhưng không còn sợ mấy nữa vì đã đi xa quân địch nhiều rồi. Sau cùng, trên một lưng đồi giữa luồng gió cuốn chúng tôi gặp một căn nhà hẻo lánh vừa là trạm Bưu-cục vừa là tiệm tạp hóa, ở đó, chúng tôi mệt mỏi ngã lưng bên bếp lửa hồng.

Ở đây trời lạnh và có gió nhiều. Vài cây lim trơ trọi bên ngoài uốn mình trong gió cuốn, lá bay như mây tan trên trời, Rory ở lại ngủ đêm ở đây, còn tôi vẫn phải tiếp tục lên đường. Tôi bình tĩnh ngồi chờ chiếc xe ngựa đến chỗ tôi đi, đi vài chục cây số xa hơn nữa, đến một nơi nào tôi được ăn được ngủ. Sau nhà, Rory cùng ông chủ nhà và đứa con gái nhỏ của ông đứng bên chiếc xe. Họ đang thì thầm bàn tán với nhau những gì, tôi nghe không rõ. Tôi lấy mũi súng

gạt tro trong bếp cho lửa cháy to mỗi lúc gần tàn.

Đêm nay tuy trời nổi gió to nhưng chắc chắn sẽ có cơn mưa lớn. Vừa nghĩ thế tôi lại nhớ ngay đến người thiếu phụ đêm qua, nhưng nàng đã đi xa vào dĩ vãng mất rồi, và chỉ vài ngày nữa nàng sẽ hoàn toàn đi ra khỏi tâm trí tôi. Tôi sẽ chỉ còn nhớ đến nàng mai sau, ở một chỗ nào, trong một lúc nào đó đột nhiên tôi nhớ đến cuộc gặp gỡ ngày xưa. Không biết có bao giờ nàng hỏi thăm tôi khi nàng gặp một người du kích nào chẳng, có thể nàng sẽ gọi tôi là một gã hiền lành, có khi bằng một danh từ thân mật hơn thế nữa. Ngày xưa mẹ nàng cũng đã từng bế nàng trong vòng tay, đứng bên một khung cửa như khung cửa này. Có lẽ nàng đã đứng ở đó để chào tiễn những cặp khách cuối cùng đến ăn cưới nàng ra về, nhìn lên

trời đêm với người chồng trẻ tuổi và cảm thấy trời sắp mưa to, nàng đã khép cửa, khóa cửa theo chồng trở vào ngôi bên bếp lửa. Khi những giọt mưa nặng hạt đầu tiên rớt trên mái rạ và khi gió rào rào thổi uốn cây lim cổ thụ bên ngoài, chồng nàng đã kéo nàng vào lòng, nàng nghe thanh xuân đi qua cuộc đời tuổi trẻ mất dần mãi mãi, nàng đã úp mặt khóc trong bóng tối, rồi sau đó lại cười vì nỗi buồn vô lý của mình.

Đứa bé gái đi cùng xe với tôi, trên một khoảng đường ngắn, chúng tôi leo lên ngôi sau xe, những tiếng chào tiễn biệt vang lên đối đáp nhau khi chiếc xe lộc cộc tiến ra con đường đá trắng. Bóng đêm và yên lặng phủ rộng lên ba chúng tôi. Tôi ngả lưng nằm trên nệm cỏ rải ở sàn xe, yên nghe tiếng bão lên dần nơi cuối trời. Xe đi về phía mây vần vũ.

Lưng rung theo nhịp xe, tâm trí tôi tha hồ lang thang. Tôi tưởng tượng ra chiếc giường mà đáng lẽ đêm nay tôi được ngủ. Tôi đã ngủ trong nhiều kiểu giường khác nhau quá rồi, nên tôi bất cần giường xấu tốt, cũ mới hay to nhỏ, nhưng nếu cho tôi lựa chọn, chắc tôi sẽ chọn một kiểu giường thích hợp nhất với những đêm mưa bão. Đó là kiểu giường tân hôn của nhiều cặp vợ chồng quê, làm bằng gỗ mộc, ba bề có thành cao bên trên có nóc, kín như một cái tổ ong. Mặc cho bão tố thét gào. tôi bất cần, mặc cho mưa rơi ngập lá đầy sân, mặc cho cửa sổ bật tung, tôi sẽ ngủ một mạch suốt đêm và chỉ bừng mắt dậy khi trời bình minh đã gió êm, mây tạnh. Tôi đang thèm ngủ và thèm ăn, nếu được ngả lưng trong một chiếc giường như thế chắc tôi sẽ nằm yên giây lát để suy nghĩ về những chuyện xảy ra trong ngày, về cái chết và sự sống, về

tôi, về những cuộc gặp gỡ không có mục đích ở trong đời. Rồi giấc ngủ âm thầm đến chụp lấy tôi.

Sau cùng, cửa sổ sáng trôi đến tầm mắt tôi, đóng trong khung gỗ hình Thập-tự-giá. Tôi bước trên lối hẹp dẫn vào nhà, cánh cửa sổ khuất đi. Tôi tưởng tượng đến lửa ấm, đến một tấm khăn trải bàn trắng và một món ăn ngon hơn là bánh khô. Tôi nhấc then cửa nhìn vào nhà: một người đàn bà trẻ tuổi đang đứng quay lưng lại phía tôi, nàng co người lại trong một dáng điệu ngạc nhiên khi tay tôi vừa chạm vào cánh cửa, và, nghe tiếng tôi nói, nàng quay lại giơ tay lên vuốt tóc, mỉm cười mới tôi vào nhà: đó là người thiếu phụ đêm qua.

– Cả nhà có ai thức không ạ?

Trước sự vắng lặng của bếp lửa, tôi

hỏi nàng bằng một giọng run run.

– Chẳng còn ma nào thức cả. Nàng lại mỉm cười nhìn tôi.

– Yên lắm nhỉ?

Tôi nhìn quanh căn phòng bếp ngăn nắp rồi nhìn đến làn da trắng của nàng như một anh con trai mới lớn.

– Yên lắm chứ!

Nàng đáp. Tôi hỏi nàng nhà có còn chỗ trống cho tôi ngủ nhờ chẳng, nàng vui vẻ trả lời có.

– Có còn gì ăn không ạ?

– Có chứ, anh chịu khó chờ tôi một lát.

Tôi muốn hỏi nàng đã làm cách nào để di chuyển nhanh hơn tôi từ đây núi

bên kia qua bên này. Nhưng tôi chỉ lẳng lẳng đến dựa súng, bỏ áo mưa và ba-lô vào một góc phòng. Nàng đi về phía cuối nhà bếp, có tiếng nước chảy, tiếng hai bàn tay vẩy nước. Khi nàng trở lại, vừa đi vừa lau hai tay vào tấm khăn, tôi thấy những ngón tay nàng hồng lên. Nàng cúi xuống cời than trong lò sưởi, người nàng thon hình vòng cung, một bên ngực áp trên đầu gối. Tôi trông thấy rõ những nếp nhăn nhỏ hai bên mép nàng – nếp cười, hẳn thế?

– Ông bà già đã đi ngủ cả

– Dạ. Nàng đáp, tôi thấy giọng nàng hơi run.

– Còn những người kia đâu?

– Chẳng còn ai ở nhà hết, em Tom tôi đã đi Kerry.

Tôi ngả lưng trên ghế, lửa reo bập bùng trong lò.

– Chắc cô sống một mình ở đây buồn lắm nhỉ?

– Tôi đã quen đi rồi.

Nàng đáp, những ngón tay hồng của nàng vuốt nhẹ trên mái tóc: tóc nàng trông êm mượt biết là chừng nào. Nàng đứng dậy mở chiếc tủ gỗ lấy tấm khăn trải lên bàn trước mặt tôi rồi đem ra một bình sữa, đĩa, chén, lọ đường, hũ mứt.

– Cô sống ở đây?

– Dạ.

– Không phải lúc nào ở đây cũng buồn như thế này chứ nhỉ?

– Dạ buồn, ở đây lúc nào cũng buồn.

– Nhưng cũng không đến nỗi buồn lắm. Tôi chắc tôi có thể sống ở đây được, nào đồi, nào núi, thung lũng êm xanh.

Nàng đứng lại gần tôi, làn môi nàng bặm lại:

– Chỉ sống ít lâu anh chán ngay với đồi, với núi. Kinh thành mới là nơi tôi thích ở – ở đấy có người đông, có thể tháo, có những người học thức, ở thành người ta muốn làm gì cũng có thể được.

Gió lùa vào ống lò sưởi, thổi lại một chút khói vào trong bếp. Chúng tôi ngồi yên lặng, rồi nàng rót cho tôi một ly trà nóng, tôi cắt bánh phết bơ, xiên thịt ăn ngẫu nhiên. Nàng ngồi trước lò sưởi, tôi hỏi tại sao nàng lại không thích sống ở địa phương này. Nàng không đáp chỉ đăm đăm nhìn tôi. Tôi gắng hỏi, nàng đáp:

– Vì trại này nghèo nàn địa thế lại cao quá. Đất ở đây cũng ít mẫu. Thung lũng dưới kia có vẻ giống như ở miền Bắc.

Một giọt mưa nặng rơi xèo trong lò lửa – bão đã lên, gió đang gào bên ngoài. Một luồng gió khác thổi mạnh vào lò lửa, khói bốc tro tàn bay mù lên cuốn vào chỗ nàng ngồi. Nàng vội quay mình đi, tay nàng vịn lên gối tôi cho khỏi ngã.

– Em... em, tôi nói.

Đôi lông mày của nàng nhích lên, và nàng mỉm cười. Tôi cầm lấy bàn tay mềm ấm của nàng, nhớ lại cả một ngày dài tôi vừa mới sống, những nguy hiểm trước con bão tố, chiếc xe ngựa cộc cạch đi trong đêm ướt, biển tối bao la bên ngoài cánh cửa. Tôi còn có thể chịu đựng được bao nhiêu ngày như vậy nữa, trước

khi tôi phát điên lên. Nhìn vào đôi mắt hiền của nàng, lên mái tóc êm của nàng, mắt tôi buông xuống những miền bóng tối đầu tiên trên ngực nàng, nàng biết tôi nhìn nên cũng cúi xuống nhìn bộ ngực ấm áp của nàng, rồi lại ngược lên nhìn tôi mỉm cười. Tôi ngồi sát lại gần nàng và thấy rõ chiếc răng khểnh của nàng hiện nơi góc miệng. Không có lời gì để nói, tôi ngồi yên quàng tay ra ôm vai nàng, bên bếp lửa. Tôi cúi xuống để hôn nàng...

Bỗng... cánh cửa bật tung. Đứa bé gái đi chung xe với tôi hốt hoảng chạy đến dục tôi chạy đi, chạy đi, Rory đã bị bắn chết, chúng đang tiến lên miền Tây tìm tôi. Tôi vội vớ lấy súng, lấy ba-lô, lao đầu chạy ra cửa, lao đầu chạy mãi trong biển tối, không biết là chạy đi đâu chỉ biết là chạy thật xa những ánh đèn pha chiếu lên từ phía Bắc.

Kinh sợ vì cái chết của Rory, cái chết mà tôi biết chắc là nhiều đau đớn, gập cấn nhà nào tôi cũng tưởng tượng là trong đó nắp đầy bọn khát máu, bọn giết người không ghê tay, bọn thích hành hạ người khác. Những hình ảnh do tôi tưởng tượng và những chuyện mà tôi đã được nghe thúc đẩy tôi chạy như bay trong đêm tối. Suốt đêm đó, tôi đắm trong mưa lạnh, không gặp cả một thân cây có lá để nắp nhờ; khoảng quá nửa đêm ấy, thấy một khung cửa sổ còn ánh sáng tôi vội quay lại chạy thật xa. Vầng sáng ấy ám ảnh tôi, giày vò tôi, như gió mát vẫn ám ảnh và giày vò những kẻ trong hỏa ngục. Sau cùng, tôi đến một căn nhà cô đơn đồ nát trên thành núi, chỉ còn ba bức tường chơ vơ, tôi ngồi nép vào góc tường, mưa từ trên cao tràn xuống người tôi theo lưng tường ướt. Tôi cô đơn như một sinh vật cuối cùng đã lên tới mồm núi tận cùng

của trái đất, chỉ còn nằm đợi cơn hồng thủy tràn lên đến cổ. Vậy mà ở dưới kia, có bao nhiêu kẻ vẫn nằm ngủ yên trong những chiếc giường êm, người thiếu phụ áo đen của tôi chắc đang cuốn tròn tấm thân ấm áp của nàng trong những chiếc mền len, giường ấm thế chắc đâu nàng đã nghe thấy những tiếng mưa rơi, chắc đâu nàng đã biết rằng mùa đông đã tới.

HOÀNG HẢI THỦY

Đường về của đời người

Vương Dư

Năm tôi lên mười tuổi thì cha tôi mất, mẹ tôi và tôi phải tự lết qua những ngày thật dài của sự buồn thảm ghê gớm đó.

Đời sống chúng tôi buộc chặt vào khung cảnh của một khu chợ nhỏ, mỗi buổi sáng tinh sương, tiếng ồn ào của phiên chợ bắt đầu từ bên ngoài ủa vào trong căn nhà để đánh thức chúng tôi trở dậy. Rồi tôi theo mẹ tôi ra chợ – mẹ tôi trông coi một gian hàng tạp hóa ngay trong chợ. Mỗi ngày, buổi sáng tôi phải

ngồi ở đó để bày biện và trông hàng với mẹ tôi, cho đến gần bảy giờ mẹ tôi mới cho tôi một xu để ăn nắm xôi nóng rồi trở về đi học. Năm đó, tôi mười hai tuổi, nghĩa là hai năm sau khi cha tôi chết thì tôi học lớp nhất.

Trường tôi học rất xa chợ nhưng ngày nào cũng có hai buổi học giống như hai buổi chợ. Vào giữa mùa thu, trời thường có những ngày mưa ngâu dài, những hôm đó tôi vẫn phải mang áo tơi và đi một mình qua mấy con phố dài để đến trường. Tuy còn nhỏ tuổi nhưng tính tình tôi hồi đó đã lạnh lùng lắm rồi, về lạnh lùng đôi lúc còn biến ra tàn ác nữa. Sau này, suy nghĩ lại về một vài trường hợp lạnh lùng tàn ác từ thuở hồn nhiên ấy, tôi cho rằng sở dĩ tôi đến nỗi như vậy là tại mẹ tôi tất cả.

Theo tôi biết thì ngày trước, khi con

sống, cha tôi là một người chồng hoang tàng, ông sống như đời một du tử, nay đây mai đó. Chẳng biết rằng cha tôi có yêu mẹ tôi không nhưng có điều chắc chắn là ông làm khổ bà nhiều lắm. Mẹ tôi phải tự làm lấy nuôi tôi ngay lúc mới sinh tôi ra, Cha tôi thì bỏ đi lang thang không hề ngó ngàng đến vợ con, hàng ba bốn năm ông cũng không thèm trở về nhà lấy một lần.

Tôi chỉ là mớ hiểu thế.

Có lẽ vì ghét và thù cha tôi nên mẹ tôi mang trút tất cả những thù ghét ấy lên đầu tôi chẳng? Tôi đã tự hỏi mình nhiều lần như thế. Chính ra thì cuộc sống cô đơn ấy phải làm cho chúng tôi – mẹ tôi và tôi – Càng thương nhau mới phải, nhưng đằng này thì hoàn toàn trái lại. Cũng nhiều khi, ngồi trong lớp học, tôi nhớ đến mẹ tôi, nhớ đến những chiều

buồn thảm của bà và tôi thấy yêu mẹ tôi ghê lắm, yêu đến phát khóc. Tôi tự nhủ tôi không biết bao nhiêu lần rằng nhất định khi về đến nhà, ra đến chợ, thế nào tôi cũng phải ôm chầm lấy mẹ tôi, để khóc trong lòng bà, xin lỗi bà những gì tôi đã làm bà buồn. Nghĩ như vậy, nhưng đến khi nhìn thấy bà, nét mặt nghiêm trang của bà hình như không bao giờ muốn cười với tôi một tiếng nào thành thật, ấy là tôi cảm thấy thế, chứ chắc sao cũng có nhiều khi bà thấy thương tôi.

Tôi còn nhớ rõ rằng năm đó tôi sống lêu lổng như một đứa trẻ hư hỏng lắm, ai trông thấy tôi cũng ghét và họ càng ghét tôi, tôi lại càng thù họ. Mẹ tôi đã có lần mắng tôi:

– Tao không thể nào chịu nổi một đứa con như mày nữa. Thật cha nào...

Những lần đó tôi đứng run lên như một con sâu sắp bị người ta giết, hai tay buông xuôi, mặt và môi tái ngắt, nước mắt chảy ướt cả hai bên má, không nói một câu. Sau này, khi lớn lên, tôi vẫn như thế mỗi khi bị người nào xúc phạm. Mẹ tôi cũng nhiều lần tỏ vẻ hối hận, gần như sợ hãi, khi thấy mặt tôi tự nhiên biến đổi đến kinh khủng thế.

Cuối năm ấy tôi thi đậu bằng tiểu học. Tất cả những người xung quanh tôi, thầy giáo, mẹ tôi và những người bạn thân của bà, đều không tin rằng sức tôi có thể thi đậu được, mặc dù tôi thừa sức.

Tôi thì vẫn lạnh lùng, thù hằn những người đó, thù hằn ngay cả với mẹ tôi. Nhiều khi tôi hối hận và thấy tôi hoàn toàn có lỗi, nhưng cuối cùng – lúc tôi bộc tỏ lòng hối hận ấy với mẹ tôi – bà gay gắt xô đuổi:

– Thôi đi ra, đi ra. Tao không thể tin lời mày được. Mày giống cha mày hoàn toàn. Đừng nói nữa.

Môi mẹ tôi run lên vì giận khi bà xô đuổi tôi, những lần đó tôi chắc bà nhớ lại những năm đốn đau dài mà cha tôi đã bắt bà phải chịu, tôi rất thương bà nhưng đồng thời tôi cũng hiểu một cách thanh thản và sáng suốt, những nỗi kiêu ngạo thù hận giữa chúng tôi đã được ngăn hẳn ra bằng một người đã chết – là cha tôi. Và nó đã đến độ không bao giờ còn có thể xóa mờ đi nữa.

✱

Tôi bắt đầu lên năm thứ hai bậc trung học thì mẹ tôi gửi tôi ra Hà Nội học, có lẽ bà muốn tổng tôi đi hẳn, cho khuất mắt,

để bà khỏi bận tâm về tôi, tôi nghĩ thế. Lên ở Hà Nội tôi ở nhà chú Hào - một người em ruột của cha tôi. Ngay từ hôm đầu tiên khi tới ngôi trong căn nhà của chú Hào tôi đã hiểu rằng thế là tôi đã xa hẳn mẹ tôi, xa vĩnh viễn. Như không còn một tơ vương nhỏ của cái dây huyết mạch cả, tôi rất buồn nhưng đồng thời cũng thấy như lòng được nhẹ nhàng, thư thái hẳn đi - tựa hồ vừa thanh toán xong một mối thù. Tôi ngạc nhiên và đôi lúc hoảng sợ khi thấy những ý tưởng của tôi man rợ quá, tuy vậy tôi vẫn sống cô đơn một mình, hoàn toàn lạnh lùng.

Gia đình chú tôi có tất cả bốn người, thím tôi đã chết - thật may mắn bởi vì tôi biết chắc rằng còn thím tôi hẳn tôi cũng sẽ thù ghét bà. Tại sao? Tôi hoàn toàn không biết nhưng hình như có một bản năng nào đó đã bảo tôi như thế.

Chú tôi sống với hai người con, đứa con gái lớn hơn tôi hai tuổi, năm đó học năm thứ tư bậc trung học, tên là Hà, và thằng con trai tên là Hải, kém tôi một tuổi và học sau tôi một lớp. Nhà có thêm một bố già nữa để trông nom cơm nước và săn sóc chúng tôi. Phải nói ngay rằng tôi rất thương chú tôi – sau này khi ông bị chết trong những năm chiến tranh tôi lại càng thương ông hơn nữa. Tôi có một tấm ảnh lớn của cha tôi, gương mặt người, nhất là đôi mắt và vầng trán, giống chú tôi không tưởng được. Chú tôi vẻ người cũng lạnh lùng khác khổ. Ông sống ít bạn bè. Ngày hai buổi đi làm về là đọc sách chẳng ngó ngang chi đến các con cả. Vì thế căn nhà rộng lớn lại càng thêm lạnh lùng. Sự lễ giáo, xưng hô lại quá chặt chẽ. Hà và Hải không bao giờ dám xưng « tôi » khi gọi tôi là anh. Do đó, lúc đầu chúng tôi cũng ít thân với nhau.

Có một lần chú tôi ốm, hình như những ngày ấy là mùa đông và trời lạnh lắm, tôi còn nhớ chú tôi nằm trên một chiếc giường trắng rộng mênh mông. Những đêm khuya, Hải đi ngủ trước còn lại mình tôi và Hà thức để săn sóc ông. Hà khi đó đã mười bảy tuổi và có vẻ đẹp nghiêm trang như lưỡi dao. Chúng tôi ngồi lặng lẽ bên nhau, cạnh giường chú tôi, ông nằm thật thẳng và đắp một chiếc chăn bông dày, mặt gầy hằn đi và da thì xanh xao, thỉnh thoảng Hà lại hỏi nhỏ với tôi:

– Liệu có sao không anh Tạo, em lo quá!

Thường Hà rất nể tôi, có khi cũng hơi tỏ vẻ sợ hãi nữa, tôi cho rằng tại vẻ dữ tợn trong mắt tôi làm cho Hà không dám coi tôi là nhỏ. Bởi thế tôi lại càng giữ vẻ cứng rắn và lạnh lùng hơn nữa.

Nhưng đến lúc nhìn chú tôi nằm ngủ chập chờn trên chiếc giường rộng mênh mênh trong cơn bệnh dày đặc vô biên, nhìn chú tôi nằm ngủ, thở những hơi thở khó nhọc, thì quả thật tôi không còn giữ vẻ lạnh lùng nổi nữa.

Tôi chỉ muốn trở thành một đứa con của ông, chỉ muốn gọi ông là thầy để xưng con, chỉ muốn được gọi Hà là chị để xưng em. Từ thuở nhỏ, tôi nhớ hình như chưa bao giờ được gục đầu vào lòng ai mà khóc cả – tôi chỉ biết đứng một mình để khóc một mình – khóc càng không bao giờ thành tiếng. Khi đó nhìn chú tôi, nhìn Hà, quả thực tôi chỉ muốn được gục đầu vào lòng Hà mà khóc, khóc thật to, như một đứa em bé bỏng, một đứa trẻ hồn nhiên chưa bao giờ biết mang sự lạnh lùng vào gương mặt mười bốn tuổi.

Sau này tôi còn nuôi sự tưởng tượng ấy suốt cả ba năm trời ở bên cạnh Hà.

Một tuần sau thì chú tôi khỏi hẳn, tôi thấy tiếc quãng thời gian được ngồi gần với Hà để săn sóc ông. Nhớ có một đêm tôi đã bảo Hà:

– Không hiểu sao anh muốn khóc...

Hà chỉ mỉm cười nhìn chú tôi rồi nhìn tôi, đó là nụ cười dịu dàng của một người đầu tiên đã cho tôi, là Hà. Suốt đêm đó tôi không ngủ, trong giấc mơ Hà biến thành một vì sao.

Từ đó tôi bắt đầu yêu Hà, tình yêu thần thánh, thiêng liêng, lạnh lùng và náo động. Trong những lần hiếm hoi được nói với Hà, tôi vẫn giữ sự lạnh lùng, nghiêm trang cũ, Gọi Hà là em và xưng anh nhưng thực lòng tôi chỉ muốn

được hạ những tiếng xưng hô ấy xuống để coi Hà như một người chị lớn và yêu Hà bằng tình yêu một người con yêu mẹ.

Cùng một lúc, tình yêu kỳ dị ấy làm tôi được sống hồn nhiên – dù là sự hồn nhiên ấy phải giấu đi dưới lòng tôi. Tình yêu ấy lại làm tôi thấy mình lớn khôn, những điều suy nghĩ của tôi như sáng suốt, chín chắn hẳn lên mà lòng vẫn giữ được sự đam mê không cùng, mặt thì vẫn giữ nguyên vẻ lạnh lùng nghiêm trang cũ.

Tôi bắt đầu đọc sách và suy tưởng từ độ ấy, đắm mình vào tình yêu và sách vở đến không còn biết rằng mình đang sống nữa. Về việc học hành tôi tiến vượt hẳn lên với một sức thông minh không hề có ở tôi từ trước. Trong lớp, tôi vọt lên đứng hạng đầu về tất cả các môn học. Sự tiến bộ của tôi rõ ràng đến nỗi một giáo

sư Pháp dạy văn chương cho chúng tôi hồi ấy đã phải sửng sốt kêu lên:

– Thật tuyệt diệu, anh quả là một thiên tài đến độ chúng tôi không ngờ được.

Những lần đó, đứng lên nghe ông ta khen xong tôi lạnh lùng ngồi xuống. Tôi hiểu rằng nếu tôi nhìn ông ta lâu hơn chút nữa chắc chắn tôi sẽ phải bộc lộ ngay ra mặt sự thù hằn của tôi đối với ông – Dường như cái bản tính thiên nhiên được nuôi trong lòng tôi vốn dĩ đã là sự thù hằn rồi. Mà tôi thì thành thật không muốn phải đối với ông ta bằng sự thù hằn. Từ nhỏ, những người thương tôi không có mấy.

Chú Hào cũng bắt đầu ngạc nhiên về sự thông minh và sức học của tôi, chú hình như đã coi tôi như một người lớn,

một bữa cơm đông đủ cả nhà, chú đã phải bảo:

– Cháu thừa sức để có thể dạy con Hà nhiều môn lắm đó, thật chú không ngờ...

Tôi nhỏ thua Hà ba tuổi và học thua Hà hai lớp. Chính tôi cũng không thể ngờ. Tôi sung sướng đến muốn ôm lấy chú. Bắt đầu từ đó tôi hiểu tôi thêm chút ít, hiểu rằng con người trong tôi có vô vàn sự tương phản. Ngay từ vẻ mặt lạnh lùng trái hẳn với tâm hồn ưa náo động, ngay từ cái nhiên tính thù hằn, giận giữ trái hẳn với tình yêu thiết tha, yếu đuối. Đại để cuộc sống của tôi từ thừa nhỏ đã được làm nên bằng những mâu thuẫn tự nhiên như vậy.

Đôi lúc tôi mang cảm tưởng rằng tất cả những mâu thuẫn kỳ dị đó như luôn

luôn sục sạo trong đời sống tôi. Tất cả các món đó quấy trộn lẫn nhau, những thù hằn, đau đớn, lạnh lùng, vẻ yếu đuối, thiết tha, rạo rực và tình yêu đối với Hà, sự suy tưởng của tôi đối với đời sống v.v... Những ray rứt đó cứ siết chặt lấy tôi dần dần và xô đẩy tôi đến bờ vực của sự tàn nhẫn, đập đổ. Tàn nhẫn và đập đổ cuộc đời ngay của chính tôi.

Tính từ đầu niên học đến tết, khoảng thời gian sáu tháng ở Hà-nội đó, tôi chỉ nhận được một lá thư của mẹ tôi, ngắn ngủi đã không gợi được một chút gì thân mến. Bà gửi cho tôi một món tiền và viết trong thư rằng đó là món tiền cuối cùng bà gửi cho tôi giữ để tiêu dần trong năm nay. Món tiền đó tôi mang phát cho người bố già một phần, số còn lại mua một ít sách vở cần dùng. Mấy hộp sơn để

vẽ và tiêu hết ngay trong một tuần sau khi nhận được.

Tôi thường nghĩ đến mẹ tôi nhiều nhất vào những ngày nghỉ học, khoảng chiều trước bữa cơm bảy giờ. Trong óc tôi vẫn còn in rõ – thật rõ – hình ảnh những con đường tỉnh lẻ, dãy nhà ngói đỏ của một trường tiểu học nghèo nàn, khu chợ với dăm ba chiếc quán trống trơn khi trời tối. Tất cả những hình ảnh ấy tuy rời rạc nhưng vẫn đầy đủ những màu sắc để nổi mãi lên trong cuộc đời tôi, tôi hiểu thế. Mười ba năm được nuôi lớn lên ở đó bằng tất cả những giành giật phức tạp, xâm chiếm hết chỗ của những ngây thơ hồn nhiên. Làm thế nào để quên được?

Mỗi lần nhớ đến mẹ tôi, tôi đều thâm thirong bà. Tôi hiểu rằng không bao giờ

tôi có thể nói lòng thương ấy với mẹ tôi được cả. Sau này nhiều lúc tôi tự hỏi tôi bằng một giọng thật nghiêm khắc:

– Tại sao mày không thể yêu mẹ mày, tại sao?

– Tại sao?

Tôi tự hỏi như thế rồi để đấy vì không muốn trả lời. Sự thực, tôi có thể trả lời được lắm:

– Vì giữa mẹ tôi và tôi là một sự thù hận. Đó là cha tôi.

– Tại sao không thể xóa đi được sự thù hận đó, bởi vì người ấy đã chết.

Vì không ai đủ thẩm quyền để tự mình xóa đi cả, chỉ có người đi gây ra thù hận mới đủ sức để xóa đi sự thù hận đó. Người ấy đã chết, nên những kẻ còn

sống đều bất lực. Không ai dám bước qua quyền hạn của người chết...

Trong cuộc sống của chúng ta thiếu gì những tín điều buộc chặt vào người sống một cách vô lý hơn thế nữa?

Cuối năm mười sáu tuổi của tôi, ngày hăm sáu tháng chạp, buổi chiều chú tôi cho gọi tôi vào phòng ông. Chú vừa đọc sách vừa bảo tôi:

– Ngày mai có người về Kiến An (Kiến An là cái tỉnh lẻ mười ba năm của tôi) cháu muốn về thăm mẹ thì có thể về được. Độ chừng mừng ba lên sửa soạn vào học cũng vừa.

Tôi thấy hai má hình như đương nóng dân, sự nhắc đến mẹ tôi của chú làm cho tôi xúc động mạnh, tôi trả lời lạnh lùng vắn tắt:

– Thưa chú, cháu không muốn về.

Chú tôi ngạc nhiên nhìn tôi, một lát ông nói:

– Ủ, tùy cháu nhưng dù sao cũng nên gửi gì về cho mẹ biết tin.

Lúc tôi ra khỏi phòng chủ tôi thì buổi chiều đã gần hết. Đó là lần thứ nhất tôi biết tôi tàn nhẫn. Hà và Hải đang đứng ngoài hàng hiên, căn nhà vẫn mông mênh quanh vắng. Hà mặc chiếc áo len màu xám nhạt, mái tóc bỏ xõa dài quá lưng. Tôi bắt đầu thấy hối hận. Đêm hôm ấy tôi viết một lá thư ngắn ngủi như thế này:

Thưa mẹ.

Con rất ân hận vì những ngày nghỉ

dài này mà con không thể về thăm nhà, con xin mẹ tha tội, ở đây, con vẫn hằng nhớ đến Kiến An, con mong sẽ nhận được thư của mẹ và mong mẹ được on trên phù trợ mãi.

Kính thư: Con.

Là thư quá ngắn ngủi ấy gửi đi đã kéo dài thêm vẻ buồn của nó trong những ngày cuối năm. Tôi thấy thương mẹ tôi, gần mẹ tôi, hơn bao giờ cả. Nếu có một vòng khói hương nào cho ấm cúng để bay lên, tôi tin rằng tất cả những lạnh lùng, thù hận sẽ đều được siêu thoát hết. Tôi muốn gửi về mẹ tôi một lá thư dài, thật dài để nói nhiều với bà.

Nhưng lá thư ấy cùng với lòng ân hận của tôi không bao giờ còn được gửi

đi nữa. Những ngày giữa mùa xuân ấy
tôi nhận được tin mẹ tôi đi lấy chồng.

Năm đó, tôi vừa mười bảy tuổi.

VƯƠNG DƯ

Luân

Mai Thảo

Nỗi vui mừng vỡ òa trong tôi phút đó khi đã nhận ra Luân, Luân trên kia, Luân đứng đó, bắt tôi phải chạy bay lên mới đúng. Nhưng trước bấy nhiêu con mắt cùng chăm chú ngó xuống người lạ mặt như một cái đích, họ chưa nhận ra ai, tự nhiên tôi thấy ngượng, ngượng đến nỗi nóng bừng cả mặt mũi. Tôi định thần. Tôi cố trấn tĩnh lại. Tôi tháo khỏi lưng cái bạc-đà đã ướt đầm mồ hôi, và xách nó lủng lẳng trong tay, tôi thông thả đi lên. Vợ chồng cụ Chánh, thằng Tạo, anh chị Mùi đứng đó, thành một hàng

dài. Những cái bóng nắng chiều làm ng-
hiêng đi, nổi bật lên cái nền xanh thắm
trùng điệp của núi rừng Nông Cống. Xa
hơn một chút, lùi về phía sau một chút,
in hằn lên nền trời: Luân.

Tôi thầm cảm ơn bà cụ bán hàng
tôi gặp ngoài đường lớn. Không có cái
ngón tay chỉ đường quý báu của bà cụ,
tôi đã tiến sâu mãi vào phía núi biếc, tôi
đã không tạt vào con đường nhỏ, tôi đã
không đến đứng dưới chân ngọn đồi
này, tôi đã trở về căn nhà lạnh lẽo của
cơ quan, phía bên kia sông Mã. Tôi đã
không bao giờ, không bao giờ nữa, gặp
lại được Luân. Đất rừng mới đốt rẫy, cỏ
chất từng đồng lớn vàng cháy giữa những
thân cây bị đào bật lên, còn cả gốc rễ và
những cành lá tươi. Một lối đi nhỏ của
chân người dẫm lên, còn mới.

Đến lưng đôi, tôi đứng lại. Thằng Tạo nhận ra tôi trước nhất. Nó lập tức chạy bay xuống, vừa chạy vừa ngoái cổ lại la lớn: “Anh Trí, anh Trí”. Tôi chỉ kịp đỡ cái đà người nó đâm sầm vào mình. Thằng Tạo nắm chặt lấy cổ tay tôi, kéo tôi lên, miệng vẫn la lớn: “Anh Trí, anh Trí”. Rồi tất cả mọi người đều nhận ra tôi, và, trừ Luân, đều reo lên “Anh Trí, anh Trí”. Tôi cười nhưng trông mắt đã rưng rưng.

Cuộc chiến tranh lâu dài với những khổ đau chồng chất nếu có gỡ lại được một phần nào, cái phần khiến con người còn chịu đựng được cái tác động hủy phá ghê khiếp của nó, là ở cái nét đẹp ánh lên của những phút gặp lại ghen ngào và tủi mừng đến ứa nước mắt như vậy đó. Người ta xa nhau, không nhìn thấy nhau sau bức tường lửa đạn. Tưởng rằng đã chết, đã mất. Thấy nhau bất ngờ như

thấy kẻ đã chết rồi lại vừa sống lại. Tôi chào mọi người, trao bạc-đà cho thằng Tào. Nó đón lấy và khệ nệ đi lên đỉnh đồi. Cả gia đình cụ Chánh đứng vây lấy tôi, mỗi người, trừ Luân, hỏi tôi một câu. Cụ Chánh nói với cụ bà tôi đen và gầy đi nhiều. Chị Mùi hỏi tôi từ đâu đến, sao biết gia đình chị ở đây, anh Mùi hỏi tôi bây giờ làm gì. Duy có Luân từ lúc thấy tôi là không nói một lời nào. Luân đứng đó, hai tay buông thẳng, chân như chôn chặt xuống đất, đôi mắt đen láy mở to trên khuôn mặt nửa như muốn cười, nửa như muốn khóc của Luân. Thái độ yên lặng, chỉ có tôi hiểu, làm lầm mọi người. Chị Mùi thì bảo Luân:

– Anh Trí đấy mà!

Cụ Chánh thì bảo tôi:

– Em Luân, cậu Trí nhớ không?

Tôi đáp:

– Có nhớ ạ.

Và lách mọi người tôi đi lại phía Luân. Tôi nhìn cái khuôn mặt nửa muốn cười nửa muốn khóc của Luân mà sự kinh ngạc còn in lên gần như một niềm đau đớn. Tôi muốn nâng hai tay đỡ lấy khuôn mặt ấy, mười ngón tay tôi cười lấy hai gò má ấy, tôi muốn ôm chặt lấy Luân, ôm thật chặt cái thân thể yếu đuối, tôi muốn hôn vào đôi mắt kinh ngạc, tôi muốn nói với Luân một hơi, không ngừng, một câu nói thật dài, không bao giờ hết. Tôi muốn nói với Luân, đau xót và thành thật nói, câu nói tôi muốn gửi không riêng gì cho Luân mà cho tất cả những người thiếu nữ Việt Nam, qua hình ảnh Luân lúc đó.

Những người thiếu nữ xấu số của một đất nước hiền hậu như họ không bao giờ thích hợp với một không khí chiến thời nào.

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân. Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan, trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thềm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm già từ Hà Nội ra đi, nhìn về Hà Nội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng Yên, buổi ra đi bãi ấy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phù sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân,

anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lăn theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chảy theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh xót thương trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vệt lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt

trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm.

Nhưng tôi không nói được một lời nào. Tôi cũng đứng sững đó trong nỗi xúc động mãnh liệt chưa từng cảm thấy. Tôi đứng sững đó, tôi đang sống một trong những phút giây xúc động nhất của đời tôi, tôi tưởng đã chết rồi những niềm xúc động.

Khuôn mặt yêu dấu của Luân cứ lớn dần, lớn dần, như khởi đầu là một phiến trời thật nhỏ sau một khung cửa hẹp, một hẻm núi, bây giờ ra ngoài khung cửa, đi khỏi hẻm núi cái phiến trời nhỏ đã lớn thành cả một vùng mênh mông, tôi ngẩng nhìn nỗi vui mừng của tôi mênh mông trong đó.

Rồi đáy mắt Luân thoáng lên một ánh lửa. Tôi nhận cái ánh lửa ấy như một tiếng chào thăm, một sự đáp lại yên lặng. Luân nhìn tôi như thế, đoạn Luân cúi đầu xuống và quay gót đi trở lên.

Chúng tôi lên theo. Căn nhà lớn dựng trên đúng đỉnh đồi trọc nhìn xuống một căn thứ hai, phía tay trái, nhỏ hơn, tôi đoán là nhà bếp. Cả hai cùng mới cất. Mái lá tươi nằm trên những cột nhà là những thân cây rừng. Tường vách là những tấm phen đan hình mắt cáo, nhiều tấm còn chưa trát đất. Thằng Tạo bưng lại cho tôi một bát nước chè tươi nóng. Anh Mùi quán cho tôi một điều thuốc lấy ra ở một cồng sành nhỏ dưới gầm giường, điều thứ hai anh cuộn cho cụ Chánh, điều thứ ba cho anh. Chúng tôi cùng châm lửa và thở ra những đợt

khói tan bay mau chóng trong gió rừng buổi chiều lồng lộng thổi qua.

Vẫn xa hơn mọi người một chút, vẫn thái độ yên lặng, Luân ngồi yên trên một góc giường giữa cái vui vẻ ồn ào của mọi người, như đắm chìm vào một suy nghĩ riêng tư thâm kín. Lúc tôi trả lời cụ Chánh là trên đường đi tìm địa điểm an toàn cho cơ quan tôi tình cờ qua đây, Luân đột nhiên đứng dậy đi ra. Tôi nhìn theo Luân đi khuất về phía căn nhà bếp. Mọi người, trừ tôi hình như không ai để ý đến sự bỏ đi bất thành linh của Luân, đã mỗi người một câu kể lại cho tôi nghe về những lần di chuyển gian khổ, những ngày tháng lênh đênh điêu linh kể từ ngày tản cư khỏi thị xã Hưng Yên, về vùng Ân Thi, rồi từ Ân Thi sang Đồng Năm, Cống Thần, Hồng Phú, qua Liên Khu Ba vào Thanh Hóa, chợ Rừng Thông, phủ Thiệu

Hóa, với hình ảnh những căn nhà mới dựng lên chưa ấm hơi người đã bị bom đạn đốt cháy tan tành ở những thị trấn năm ấy, khiến cho gia đình cụ Chánh - chạy trốn lửa đạn đuổi theo, đánh xuống như một kẻ thù dai dẳng - cố tìm cho được một đất sống thực an toàn đã phải tìm đến khoảng đồi trọc giữa vùng núi rừng hoang vu này.

Kiểm điểm lại đoạn đường dài với những đổi thay không ngừng, cụ Chánh đã mỉm cười chỉ cho tôi gian nhà trống không ngoài mấy chiếc tay nải để trên hai chiếc giường gỗ và nói cả cơ nghiệp của gia đình cụ, mỗi lần di chuyển như vậy, mất đi, bỏ lại, bây giờ chỉ còn có thể. Cũng may là còn được mạnh khỏe cả và còn những bàn tay làm lụng được.

Tôi cảm động nhìn bàn tay gầy yếu

của cụ Chánh, và liên tưởng đến một bàn tay khác, với những ngón tôi nhớ rất dài rất thon, bàn tay của Luân. Ngày xưa tôi đã ngắm nhìn bao lần không chán mắt những cái ngón trắng muốt khi xòe mở khi thu lại, hình nét đều mềm mại như một bông hoa. Tôi giật mình tưởng như cụ Chánh đoán được ý nghĩ tôi. Cụ nói gia đình cụ bây giờ – kể cả thằng Tạo người nào cũng đã quen lắm với những công việc cực nhọc cất nhà, chặt cây, phát cỏ, đốt rẫy, làm đất rừng. Cụ nói:

– Anh ở lại đây sáng mai sẽ thấy cả nhà chúng tôi, già trẻ lớn bé kéo nhau ra làm đất rẫy. Bây giờ biến thành nông dân cả rồi. Em Luân nữa, nó cũng cày bừa giỏi ra phết rồi đấy cậu Trí nhé.

Hình ảnh lam lũ của Luân đầy lười cày trên nền đất rừng cần cỗi, khiến tôi

xót xa nghĩ đến hình ảnh Luân ngày trước.

Bảy giờ là vào khoảng giữa năm 1945. Cuộc đảo chính Nhật vừa kết liễu. Bắt đầu những trận mưa bom của phi cơ đồng minh. Chúng tôi theo trường tản cư về thị xã Hưng Yên. Và quen Luân ở đó. Chúng tôi, vì là ba người: Phạm, Trường và tôi do một sự tình cờ đã đến trọ học cùng nhà một bà cụ già: cụ Lý Bằng. Luân là cháu gái cụ Lý. Cùng một phố, hai nhà ở cách nhau khá xa nhưng vì thị xã hồi đó thiếu nước, chúng tôi hằng ngày gặp Luân. Ấy là những buổi sáng, mùa hè thật sớm, mùa đông muộn hơn một chút, nhưng sáng nào trở dậy là chúng tôi đã thấy Luân cắp một cái rổ quần áo cao có ngọn sang giặt ở cái ao rộng phía sau nhà cụ Lý. Bờ ao sát liền với buồng học - tường là những tấm liếp

mỏng - khiến cứ nằm ở giường nhìn ra chúng tôi cũng ngó thấy Luân thấp thoáng ở ngoài hàng rào xương rồng đầu cổng, Luân đi qua vườn, Luân tiến lại phía bờ ao.

Hình ảnh mà tôi còn giữ được ở những buổi sáng lâu dần đã là những buổi sáng đợi chờ ấy, của Luân là một mái tóc phủ kín vai kín lưng, mặt nước xao động sóng sánh, những cánh bèo Nhật Bản dạt rộng thành một vòng tròn chung quanh cái cầu tre mỏng manh, tiếng rữ tiếng đập, tiếng nước đổ ào ào trong yên lặng mát trong, và những cái bọt xà phòng trắng xốp trôi đầy mặt nước. Qua thời gian làm quen khởi đầu ngây ngô, tức cười, ở Luân là những lắc đầu, những nụ cười muốn giấu, một vẻ sợ hãi luống cuống rất đáng yêu, ở chúng tôi là những câu thả tình bóng gió, băng

quơ, những thăm dò ý tứ một cách hóm hỉnh vụng dại, những phút đứng cạnh bờ ao hàng giờ mà không biết làm gì hơn là bứt những cánh lá trên đầu Luân thả đầy mặt nước, những hẹn hò vu vơ lúc Luân đã giặt xong đứng dậy, chúng tôi quen nhau.

Cho đến bây giờ, tôi không có đủ bằng chứng để quyết đoán chắc chắn – chưa từng ai hỏi ai điều đó – tôi vẫn nghĩ rằng cả ba chúng tôi đều yêu Luân, Phạm yêu Luân, Trương yêu Luân và tôi cũng vậy. Cùng yêu và điều buồn cười, nhưng đúng, cùng yêu như nhau. Tình cảm của mỗi người đối với Luân có thể khác biệt trong phần tâm tưởng thầm kín, nhưng ở những biểu tỏ thì có thể nói là đồng đều. Tình yêu chung gửi cho một người này nếu không gây những va chạm, những tổn thương đáng tiếc cho tình bằng hữu

chúng tôi suốt thời gian đó, một phần do sự đồng đều này. Cả ba như cùng ước hẹn ngầm: nên đứng đó, đừng ai đi xa hơn. Một phần, và cũng là nguyên nhân chính, tình yêu của chúng tôi thuở đó, như tuổi, như lối sống, cũng lãng mạn, hồn nhiên, cũng mát trong như tâm hồn mỗi đứa chúng tôi lúc bấy giờ.

Yêu một người cũng như yêu cảnh vật, một đêm trăng, một ngày mưa, một buổi chiều có nắng đẹp, một bông hoa cùng ngó thấy một buổi sớm trong vườn, không ai tính đến chuyện ngắt bông hoa vì lòng còn ngây ngất. Yêu như yêu một hình ảnh, yêu như yêu thiên nhiên, tạo vật, cuộc đời. Yêu như yêu chính cái bản thân mình. Tình yêu ấy lúc đó và về sau, chẳng những đã không gây những tiếc hận mất mát cho ai mà mỗi người đều cảm thấy ở mình như nó lớn gấp ba lần,

nó cộng tâm hồn mình với tâm hồn hai
thằng bạn thân làm một.

Đối với Luân, cũng không có chuyện
lựa chọn khó xử, Luân nhận cả, Luân
không nghiêng về phía nào. Không
nhận riêng một tình yêu nào hết, Luân
sung sướng nhận lấy cái không khí yêu
thương. Hoặc nếu có sự lựa chọn rồi của
Luân trong thâm tâm, chúng tôi không
biết. Chỉ biết những thời gian sau thân
mật hơn, những việc đáng lẽ chỉ có ý
nghĩa vì thăm kín riêng tư: tặng một kỷ
niệm, viết một lá thư, hẹn một buổi tối
gặp mặt, chúng tôi cũng bàn với nhau,
có thỏa thuận mới tặng mới gửi. Tôi cảm
động nhớ lại cái thế giới đẹp, một vẻ đẹp
hoang đường những năm tháng ấy. Cuộc
sống thần tiên. Sách vở bạn bè. Luân ở
giữa chúng tôi.

Từ một người bạn nhỏ, một cô gái lảng giềng đến người thiếu nữ của mỗi tình thơ mộng thứ nhất đầy vẻ bờ ngõ, khám phá như cái ý thức đầu tiên mở vào cuộc sống. Tâm hồn ấy thiên thần tạo nên cuộc sống ấy thiên đường. Nỗi buồn ghê gớm nhất cũng chỉ là niềm băng khuâng, nỗi nhớ nhung cũng là lửa ấm, cả cái bối cảnh âm u của một thời chiến bắt đầu bén lửa cũng không chạm được vào cái thế giới thần tiên.

Mấy tháng về sau, khi cụ Chánh đau nặng, Luân phải đi chợ xa thay mẹ, chúng tôi thường chiều chiều kéo nhau ra khỏi thị xã lên trên con đê cao đầu làng Mậu Dương đón Luân gánh hàng từ phía Tân Châu về. Vượt qua con sông Hồng mênh mông lúc đó đã đỏ thẫm rắng chiều, cái bóng nhỏ bé của Luân khi hiện ra ở đầu con đê cao vẫn có cái tác động mầu

nhiệm đổi thay cảnh vật, làm tươi sáng cả một vùng hoàng hôn bát ngát đang thấm vào tâm hồn dễ xúc động của chúng tôi. Luân đến, đặt gánh hàng xuống, thở ra, thường vắn cau mặt trách chúng tôi «đón đường» như thế. Nhưng trong cái cau mặt rất đáng yêu có thoáng lên một ánh sung sướng. Nhiều lần, nghịch ngợm, Luân chịu để cho chúng tôi thay nhau gánh đỡ gánh hàng nặng một đoạn đường. Những đoạn ngắn chỉ dăm bảy bước. Chúng tôi không quen, đau vai, đã hạ vội cái đòn gánh xuống. Và Luân lại được dịp cười phá lên và chế «cái vai học trò của các anh».

Con mắt yêu thương của chúng tôi, trước sau đều nhìn thấy bất cứ cái gì ở Luân cũng hay cũng đẹp. Riêng tôi, đẹp nhất là cái tiếng nói. Chỉ là âm thanh mà nghe thành hình ảnh. Tiếng nói mỗi khi

nghe thấy, nhớ tới thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mượt những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận.

Tiếng nói có một ấn tượng vui ấm tương tự như khi đi một mình trên cánh đồng mưa tối chợt bước vào một đầu phố, một thôn xóm có ánh sáng, có người ở, có tiếng cười, có sự sống chung quanh. Tôi vẫn nghĩ tâm hồn Luân phải trong đẹp lắm Luân mới có tiếng nói thủy tinh trong suốt như vậy. Tiếng nói tựa như cái toàn thể hiển hậu của một khuôn mặt hiền hậu, nhìn vào tâm hồn kẻ nhìn cũng hiền hậu theo. Nó tác động mãnh liệt trong tôi đến nỗi đã có nhiều buổi tối tôi đã rủ Phạm rủ Trương cùng lên

nằm ở căn gác trọ một người bạn cùng lớp - hẳn ở sát nhà Luân – và qua một khung cửa khói bốc lên làm chảy nước mắt, chúng tôi đã chụm đầu hàng giờ lắng nghe tiếng Luân cười, nói từ dưới bếp nhà Luân vọng lên.

Nỗi thích thú không bao giờ tìm lại được đã khiến tôi về sau thường nghi ngờ cái khiếu thẩm âm của mình trước bất cứ một tiếng hát một điệu nhạc nào. Vọng lại từ quá khứ, hình ảnh Luân có thể sẽ nhòa mờ dần, nhưng tiếng nói của Luân cất lên từ những ngày đẹp cũ, âm thanh huyền hoặc của nó còn nguyên vẹn trong đầu óc tôi. Về sau, rời bỏ Hưng Yên, ở những lá thư dài viết cho Phạm cho Trường, tôi nhớ vẫn nói với bạn về cái tiếng nói của âm thanh và hình ảnh. Tiếng nói ấy suốt đời tôi vẫn còn nghe thấy.

Cụ Chánh kể chuyện gia đình cụ, tôi thuật lại đời sống mấy năm tản cư kháng chiến của tôi và đêm rừng bên ngoài tự bao giờ đã xuống. Chị Mùi đứng lên mắc màn, cụ Chánh mời tôi đi ngủ. Tôi nói tôi chưa buồn ngủ và đứng dậy. Ý chừng cụ Chánh đoán được ý tôi:

– Thế anh ra ngoài một lát cho thoáng rồi vào đi ngủ kéo muộn. Chắc em Luân nó còn dưới bếp.

Tôi châm một điếu thuốc trong khoảng tối đen hoa mắt và lần bước về phía căn nhà bếp thấp thoáng ánh lửa hắt lên. Một tấm khăn trắng bịt kín đầu cho bụi cám khỏi vướng vào mái tóc, một cái áo bông đen phủ lên vai – đêm rừng lạnh buốt – Luân ngồi sàng gạo dưới ánh

lửa. Tôi đứng lại. Tôi nhìn như thu vào hồn hình ảnh Luân lúc đó, lòng tay Luân nắm chắc mép sàng, những ngón tay xòe mở mềm mại, dáng ngồi nghiêng ngiêng, bờ vai rung nhẹ theo nhịp sàng, và những hạt gạo trắng muốt lọt sàng rơi rào rào xuống cái yên tĩnh huyền bí của đêm núi rừng. Cho tới khi cảm thấy sự có mặt của tôi, Luân ngẩng đầu lên. Đôi mắt thật buồn của Luân bắt gặp cái nhìn không giấu được cảm động của tôi. Luân ngừng tay sàng trong một giây ngắn rồi lại sàng tiếp. Tiếng nói nhỏ chỉ vừa đủ nghe thấy:

– Anh ngồi xuống đây, anh Trí.

Tôi ngồi xuống trước mặt Luân. Một khoảng yên lặng tôi đoán sao rừng chắc đang sáng nhiều vô kể – rồi Luân cất tiếng:

– Anh nói đi tìm địa điểm cơ quan, anh nói dối thầy em, phải không?

Tôi gật đầu:

– Anh biết Luân ở đây, anh lên tìm Luân.

Câu trả lời hình như không làm Luân sung sướng. Mà trái lại. Khuôn mặt buồn, đều tay sàng với một giọng nói cố làm thản nhiên:

– Anh sắp đi khỏi nơi này. Anh sắp về Hà Nội phải không?

Tôi kinh ngạc về cái dự định thầm kín bị Luân đoán trúng tuy đã định sẽ kể hết cho Luân nghe chuyện tôi sắp bỏ đi xa, cuộc khởi hành sắp tới là nguyên nhân chính khiến tôi đã đi bộ suốt hai ngày đường để gặp lại Luân lần cuối cùng.

Tôi cúi đầu xuống trước viễn tượng một chuyến đi tự nhiên trở nên buồn thảm lạ lùng. Đứng đây em ạ! Người đàn bà đưa đường cho anh đã nằm chờ sẵn ở một địa điểm bí mật gần giới tuyến. Trên đường sang đây tìm em, anh đã ném một hòn đá xuống dòng sông Mã, một hòn nữa xuống dòng sông Chu như những dấu hiệu vĩnh biệt, và sớm mai khi rời bỏ ngọn đồi này đi xuống anh sẽ đi những bước đầu tiên trên con đường trở về một thứ đất nước và thế giới bên kia.

Anh biết em ở đây, trước khi bỏ đi anh không thể không tìm gặp lại em một lần sau cùng. Gặp lại cho Phạm. Cho Trương. Cho em. Cho chúng mình. Cho một cái gì đã mất. Cho cái thế giới thần tiên, cái thiên đường lộng lẫy. Cho những buổi chiều của chúng ta trên con đê xưa, những buổi sáng của chúng ta trong căn

vườn cũ. Cho cái vốn kỷ niệm cần thiết của một đời người khi tới lúc không thể sống bằng kỷ niệm. Cho những ảo tưởng thực hơn nghìn lần sự thực. Cho những sự thực đã thành ảo tưởng. Cho sự chấm dứt của những năm tháng bình yên. Cho sự khởi đầu của những tháng năm đau đớn. Anh muốn khởi một cuộc hành hương trở về tuổi ấy, cái tuổi trắng tuổi sao trong máu trong tim, cái tuổi con bướm bông hoa ngoài đồng nội. Khi ngày mai đã là một đổi khác lớn lao, anh muốn về với lá thư, tấm hình, nỗi nhớ thương, niềm băng khuâng, cái thế giới ảo tưởng, những rung động khởi đầu, tình yêu thứ nhất.

Nhưng tôi không thể trả lời mà hỏi:

– Sao Luân biết anh về Hà Nội?

Luân đặt sàng xuống, lấy tay vun gạo thành một đống lớn, san phẳng rồi lại vun lên.

– Em biết anh sẽ rời bỏ nơi này ngay từ lúc trông thấy anh đột ngột hiện ra ở dưới chân đồi. Người xa lạ em còn biết, nữa là anh. Người đi xa có trở lại, người đi không về, em đều biết trước. Có lẽ vì mấy năm nay em nhìn thấy nhiều quá những cảnh kẻ ở người đi như thế.

Con mắt Luân gửi vào một khoảng không, tiếng nói chỉ còn là hơi thở:

– Các anh đi và các anh không trở lại.

Tôi cảm thấy một buốt lạnh toàn thân, còn buốt lạnh hơn đêm rừng vây quanh khi Luân nói tiếp:

– Em cũng không bao giờ gặp lại anh nữa đâu. Gặp anh lần này là lần cuối cùng đấy, anh Trí.

Câu nói đượm một vẻ chịu đựng nhẫn nhục. Một thứ cúi đầu trước định mệnh. Tôi không tìm được ý tưởng chống lại nó. Chính tôi cũng cảm thấy như vậy. Lần cuối cùng. Hình ảnh của chia cách vĩnh viễn vây lấy chúng tôi. Khoảng tối đen khổng lồ khiếp mở ngay từ chỗ này như đêm rừng trước mặt.

Luân lắc đầu như muốn đuổi đi hình ảnh đó. Luân đẩy cái sàng về phía tôi:

– Sàng hộ em một tay.

Tôi đỡ lấy chiếc sàng nhưng không biết cách, làm gạo văng tung tóe khắp chung quanh khiến Luân bật cười.

– Các anh vẫn thế, chẳng được cái tích sự gì hết.

Rồi Luân hỏi tôi còn nhớ không, những buổi chiều ngày xưa trên con đê Hưng Yên, chúng tôi tranh nhau gánh hàng cho Luân chưa được mấy bước đã bỏ vội đòn gánh xuống, những buổi sáng ở cầu ao nhà cụ Lý đòi giặt hộ Luân, đánh rơi cả quần áo, bàn chải, xà phòng xuống nước. Nhưng một vài kỷ niệm ngộ nghĩnh vừa nhắc lại chỉ gây được cho Luân và tôi một nỗi vui ngắn. Nét buồn đã trở lại khuôn mặt khi Luân hỏi tôi về Phạm về Trương. Tôi cho Luân biết Phạm đã chết, thân thể tan nát trong một cuộc oanh tạc ngay trên mảnh đất quê hương của Phạm, và tin cuối cùng tôi nhận được của Trương cách đây đã hai năm là Trương sống vất vưởng bệnh tật tại một vùng nước độc gần biên giới.

Chỉ còn nghe thấy tiếng Luân nói:

– Tội nghiệp cho các anh.

Lửa bếp tự một lúc nào leo lét vừa tắt hẳn. Chỉ còn điểm sáng nhỏ của điều thuốc cháy dở. Một tiếng tàn than nổ gọn trong bóng tối. Chúng tôi ngồi đối diện mà không trông thấy nhau như thế, rất lâu, tưởng như cùng lắng nghe một sự im lặng kỳ lạ nào, cho tới lúc Luân cất tiếng trước:

– Mấy năm rồi anh Trí nhỉ?

Tôi đáp:

– Sáu năm.

Bên kia tiếng Luân nhắc lại:

– Sáu năm.

Sự yên lặng, bóng tối, khiến tôi trở lại ý nghĩ ban nãy: chắc bây giờ sao rừng đang sáng vô kể bên ngoài. Tôi rủ Luân ra ngoài. Tôi nghe thấy tiếng gạo vun lại, tiếng sột soạt của chiếc vĩ buồm được kéo gọn về một phía. Bước ra khỏi cửa bếp, tay tôi chạm nhẹ vào tay Luân. Tôi nghĩ đúng. Sao rừng trên đầu chúng tôi phút đó sáng nhiều vô kể. Những điểm sáng to nhỏ, lơ đãng, tưởng như một lúc nào đó sẽ rớt xuống sẽ đậu đầy trên đầu trên cổ chúng tôi. Mùi đất bốc lên, tiếng côn trùng rậm rạp ở những khoảng thấp. Nhịp chân siêu siêu cho tôi biết mình đang đi xuống. Được một quãng Luân đứng lại. Chúng tôi ngồi xuống một thân cây. Tôi kéo Luân vào gần cùng lúc một vệt sao sa tự đỉnh trời kéo một vệt thật thẳng thật dài mắt hút vào những bóng núi. Luân đã cởi chiếc khăn bịt đầu từ lúc nào. Tôi ngồi yên, mặc cho những

sợi tóc vướng vào cổ, vòng tay về phía trước thu gọn lấy hai bàn tay Luân. Luân không chống lại. Cái thân hình thu nhỏ lại ấy như muốn kiếm tìm một sự che chở. Tôi thấy tôi không còn che chở gì được nữa cho Luân. Cuộc sống đổi khác và con người đã lớn. Cái thế giới thiên đường, thần thánh ngày xưa của chúng tôi đã che chở Luân. Cái thế giới ấy đã mất.

Luân ngã đầu vào vai tôi.

– Anh về Hà Nội sẽ làm gì?

– Chưa biết em ạ, có điều chắc chắn anh sẽ bỏ học. Anh nghĩ anh sẽ sống một cuộc đời vô nghĩa và tầm thường. Đi buôn chẳng hạn. Nhưng thế nào anh cũng về thăm lại Hưng Yên. Đó là một trong những việc làm thứ nhất.

Luân nắm chặt lấy tay tôi như tìm thấy nguồn an ủi.

– Anh có về thăm Hưng Yên nhớ thăm cả nó cho em.

Tôi gật đầu. Anh sẽ về thăm lại cái dấu tích, cái thiên đường đổ vỡ của chúng ta. Cho em. Cho anh. Cho Phạm cho Trương nữa. Thêm nhà cỏ hoang, bờ ao không người. Bờ đê, những lối đi cũ. Anh sẽ không lấy lại được gì trên những dấu tích kỷ niệm ấy, nhưng anh sẽ về. Người ta không sống được bằng kỷ niệm, nhưng trên những lông lá mới mọc và sự đổi khác ghê gớm của tâm hồn và hình thể, anh muốn trở về soi ngắm mặt mũi mình xuống lòng nước cũ. Người ta không sống được bằng quá khứ nhưng người ta cần có quá khứ như một tấm gương. Anh muốn nhận định lại nhiều

điều và điểm khởi hành phải bắt đầu từ đó.

– Em thì không bao giờ trở về Hưng Yên được nữa, Luân nói một cách tuyệt vọng. Em sắp lấy chồng rồi.

Tựa hản đầu vào vai tôi, Luân đã kể cho tôi bằng cái giọng đều đều nhẩn nhục của kẻ ứng chịu cảnh ngộ về người đàn ông mấy tháng nữa, thân thể tàn phế, sẽ chống lên mình chiếc nạng gỗ và sẽ tập tễnh đi lên ngọn đồi này. Tên hản là Mạnh. Cũng tử tế, hiền lành, người quê mùa, theo Luân: Mạnh bị thương trong một trận đánh đồng bằng ngoài liên khu Ba, hiện đang nằm ở một quân y viện cách đây ngót hai mươi cây số, lý do chính đã khiến cho gia đình Luân đến khấn hoang ở ngọn đồi trọc này. Luân không yêu Mạnh. Cuộc hôn nhân cũng vô nghĩa

như đời sống những tháng năm vừa qua, vô nghĩa như đời sống con người trong chiến tranh. Nhưng cái ý định ở mãi mãi với Mạnh có từ buổi xuống thăm Mạnh ở bệnh viện.

– Em nhìn thấy chiếc nạng gỗ và Mạnh lúc đó. Và thế là xong. Luân nhắc lại một cách tuyệt vọng – Thế là xong.

Tôi muốn tìm một câu nói an ủi Luân, nhưng tôi không nói được gì. Trong một yên lặng kéo dài vòng tay tôi ôm chặt lấy người Luân hơn, tôi nhìn những điểm sao lấp lánh trước mặt, nghe tiếng côn trùng rậm rạp xuất lên từ những khoảng thấp dưới kia, và tôi nghĩ đến cái đêm cuối cùng, lần gặp gỡ cuối cùng, tôi không ngờ là ở nơi này, khoảng núi rừng cách biệt không bao giờ trở lại tôi đã sống với Luân những phút cuối cùng của một

thời đã mất. Tôi xoay người Luân trở lại và trong cái ý nghĩ gửi về một cái gì đã mất ấy, tôi cúi xuống hôn Luân. Tôi hôn Luân nồng nàn và tôi nói:

– Anh hôn em lần đầu tiên và lần cuối cùng.

Luân khóc không thành tiếng. Nước mắt Luân ướt đầm hai gò má. Lúc tôi đỡ Luân đứng dậy và chúng tôi cùng đi trở lên đỉnh đồi, cánh tay Luân khoác chặt lấy tay tôi khiến tôi có cảm tưởng như tôi, Luân cũng muốn ghi nhớ những phút cuối cùng như kỷ niệm nồn nà đau đớn nhất của một thời đã mất.

Sáng hôm sau, tôi xuống núi thật sớm. Như người đi trốn. Tôi không có can đảm ở lại để nhìn thấy cái hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lưỡi cày trên nền

đất rừng cần cỗi. Con đường nhỏ mờ mờ mở ra từ chân ngọn đồi. Trời đã sáng nhưng hai bên núi rừng còn yên lặng ngủ. Gần tới đường lớn tôi trông thấy một con bướm. Nó đậu trên một bụi cây thấp. Mình nó vàng ánh với những chấm đen ở hai đầu cánh. Tôi bắt lấy con bướm và bỏ đi không nhìn trở lại.

Suốt dọc đường tôi nghĩ đến Luân, đến Phạm, đến Trường, đến tôi. Lúc nhìn xuống, con bướm tự lúc nào đã chết nát trong lòng bàn tay.

(Được in lại trong “Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời” của Mai Thảo – Sáng Tạo xuất bản 1963)

*Phần đất dành cho một người của
Hiện Đại được gửi vào ba cánh tay:
Hoang Vu, Viên Linh, Vũ Dạ Khúc. Bởi vì
ở ba cánh tay ấy đều có những ngón buồn.
Điều buồn chung của những linh hồn nhỏ
đổ vào nhau giống như những con đường
heo hút chạy về một công trường sa mạc.
Có phải nỗi buồn tập hợp trên mắt những
người trẻ tuổi ấy phảng phất niềm đau
của một thế kỷ bây giờ?*

Nguyễn Sa

Mang mang

từ xa phố chợ đến giờ
chân quen bỏ lệ gõ bờ lộ quen
hoang vu chín đến độ thêm
lạnh tàn nhẫn rót vào đêm lên đường
mùa sương phố núi mù sương
nhịp buồn hút gió hồn nương sao rừng
chuyện linh hồn với bản thân
bàn tay Thượng Đế mộ phần chiêm bao
đôi thông xanh tóc nghen ngào
ngập ngừng lạnh xuống từ bao lâu rồi
còn tôi, còn chỉ mình tôi
mây bay đầu núi kéo trời lên xa
bàn tay thoáng nổi da gà
thăm sâu lòng đất nhà ga luân hồi
HOANG VU

Bài phượng liên

anh đi hồn tiếc thương nhiều
ngọn soan thưa lấp bóng chiều cuối sân
nẻo sâu đôi dạ phân vân
nửa thân yên ngựa nửa thân tay mình
có hoài tuổi dại không em
trời thôi đáng đỏ thu phiên không gian
mắt em đầy mộng điêu tàn
yên nghe vãn ấy xuôi tràng giang xa
thôi còn với tháp bao la
ngựa đi bước nhỏ mây là cửa ô
mai quen với dạ bơ thờ
đã nghe lãng đãng sương mờ nhớ nhau
thôi còn giấc ngủ đêm thâu
Một hành lang rộng vẫy sâu phượng
liên

VIÊN LINH

Thú tội

*Sao đêm xanh, sao đêm xanh huyền
hoặc*

Rừng đêm sâu trầm xõa tóc ngày cười

Rừng đêm nào vô dáng dấp xinh tươi

Cho họ ra những lời đen xấu số

Trăng đêm mù không bao giờ run sợ

Giữa nửa đêm nằm xác chết lên hơi

Đập niềm đau nâng nát ngực tôi bởi

Hơi thở khó như những lời thú tội

Người con gái chưa bao giờ biết hối

Xiết bàn tay đẩy móng nhọn sơn son

Mặt hoa kia say rượu chết chưa tròn

Những nhát búa lạc chiều tay quần

quai

*Bước em đi không bao giờ gọi lại
Sau đó mình lên cravatte màu đen
Đêm lại ho, đêm chất sác bên đèn
Lửng ngỗ hẻm không tên chìm cuối phố
Em đứng lại bóp mềm tay hơi thở
Vì người yêu đâm loạn xạ người yêu
Em đâm anh tay móng đỏ yêu kiều
Để buồn gọi tên mình hoang rồ dại
Để anh là loài sơn dương giống cái
Tay song song quần quai xuống trăm
đêm
Đừng lại em dù tiếng nói em mềm
Cho thổ máu buồn ho lên nát mặt
Mưa rét nuốt thư mùa thu cắt nát
Ảnh hình em chạy trốn giữa tay anh*

*Chân đi hoang sầu đến chẵn tay mình
Không đánh thức ngày thơ chìm giấc
ngủ*

*Người đối thoại không bao giờ tha thứ
Em khôn ngoan đi rửa tội giáo đường
Sáng mùa xuân em vui bước chân chim
Cho khói thuốc đốt người yêu tóc xõa
Thời gian buồn của linh hồn xa lạ....*

*Gọi âm thầm khuya lánh nẻo bờ sông
Nhìn vào em xa lạ chất thành chồng
Làm thơ sống ngã dài từ hạnh phúc
Em đi ngày nhạc buồn anh chọn lọc
Chân xoay ngang vướng víu của tình
yêu*

*Đừng gõ cửa anh trời gió lên điều
Và khi đó cửa nhà anh khép kín
Anh nhìn tay em: trần truồng bịn rịn*

*Và nhạc buồn Nocturne vỡ mùa thu
Em đi ngang hiện diện mặt hiền từ
Trăm đêm lạnh vòng tay tha thứ hết
Anh hết ho và không bao giờ chết
Hồn bay cao nghe đứng dưng thương
em
Cho phép em về - chân rắng cho êm
Môi hấp hối chờ trán em kỳ thú,*

VŨ DẠ KHÚC

Nhìn bảy chân trời

Sĩ Mộc – Thy Liên – Lê Nghi – Lê Trọng
– Quốc Phong

TÁI BẢN SÁCH

Trong khi tổng số sách xuất bản hằng năm ở ta so sánh không bằng tổng số hằng tháng ở ngoại quốc, kể cả những quốc gia mà dân số không cao hơn ta bao nhiêu, có thêm một cuốn sách bày bán đã là một điều đáng quý rồi. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng về lượng và không nhìn rõ vào căn bệnh nghèo nàn sách vở hiện thời cũng là một sự sơ xuất đáng quan tâm. Sự kiện gần đây có mấy nhà thơ đem tái bản tác phẩm đã xuất bản từ thời tiền chiến là một triệu chứng đáng

buồn trong văn chương cũng như trong ngành xuất bản.

Tái bản những tác phẩm đã xuất bản là một công việc rất thường, ở đâu người ta cũng đều làm cả. Nếu nhu cầu trên thị trường đòi hỏi, nhà xuất bản nào cũng phải nghĩ tới tái bản những sách đã bán hết do kỳ ấn hành tước. Tái bản sách có lợi cho nhà xuất bản vì cung cấp được thêm số sách cần thiết cho độc giả. Tái bản sách có lợi cho các tác giả vì được nhận thêm một số tiền bản quyền mới – Tái bản sách có lợi cho sinh hoạt văn hóa chung vì tư tưởng chứa trong sách có dịp phổ biến rộng hơn nữa. Những điều lợi đó, ở đâu người ta cũng đều nhận thấy và không ai đặt việc tái bản sách thành một vấn đề. Nhất là ở các nước dân số đông, tái bản sách dưới một hình thức phổ thông, bán rẻ tiền (chẳng hạn như

những loại sách bỏ túi bìa láng) là một việc mà hết thảy mọi người đều hoan nghênh, trước hết là các tác giả.

Ở ta, thuở nay các nhà xuất bản vẫn thỉnh thoảng cho tái bản một số sách. Mỗi kỳ tựu trường, những sách giáo khoa có giá trị, thiết dụng cho học sinh, đều được tái bản. Những tác phẩm văn chương của Tự Lực Văn Đoàn và một số nhà xuất bản khác thời tiền chiến cũng đã được tái bản nhiều lần. Trong số đó gồm nhiều tác phẩm của những nhà văn đã quá cố. Tình trạng này không khiến cho ai thắc mắc và không thể coi là có phương hại cho tiền đồ văn chương và xuất bản ở ta. Trường hợp mấy tập thơ cũ vừa in lại hoàn toàn khác hẳn vì nhiều lẽ.

Vấn đề được đặt ra trước hết vì hiện tình nghèo nàn của ngành xuất bản. Nhìn vào bản thống kê chính thức nhân

cuộc triển lãm sách mới đây, ta nhận thấy rõ rệt sự xuống dốc của hoạt động xuất bản. Để ra ngoài những sách thuộc loại khảo cứu và giáo khoa, những con số thống kê bày rõ sự kém cỏi về những loại sách có tính cách thuần túy văn học.

.

[thiếu 2 trang]

ĐỌC KÝ THÁC

của BÌNH NGUYỄN LỘC

Bến Nghé xuất bản

Ở Bình Nguyên Lộc có một đức tính mà nhiều người – độc giả cũng như bạn cũng nghề – thường nhắc tới: Bình Nguyên Lộc rất đáng yêu. Đọc văn của ông người ta không bị đẩy tới những cuộc va chạm nặng nề. Va chạm vì những hoàn cảnh bày ra truyện cũng như vì những tâm lý, tư tưởng do ngòi bút của tác giả, Đọc văn Bình Nguyên Lộc, người ta có thể lây chuyện buồn, người ta có thể nực cười vì một vài nhân vật, người ta có thể tiếc thương cái gì đã mất. Nhưng không bao giờ người ta phát giận, giận đời hay giận tác giả.

Đến “Ký thác”, cái nét đáng yêu lại càng bộc lộ. Quả thật “Ký thác” đáng yêu ngay từ ngoài bì. Tôi không nói tới nét vẽ của họa sĩ, tôi muốn nói cái tình ý của Bình Nguyên Lộc, khi chọn tựa sách cũng như khi nhờ họa sĩ phô diễn chủ tâm của mình chứa đựng trong mười sáu tân truyền. Bao nhiêu tâm sự để ngỏ trên hai bàn tay, làm sao chúng ta không dễ dàng đón nhận sự gửi gắm đó được,

Chúng ta hãy bước vào cái thế giới dào dạt của Bình Nguyên Lộc. Qua “Ký thác”, những sóng gió trong tâm tư của tác giả nguyên do không ngoài ý yêu đời, yêu vô điều kiện, cho nên buồn khi thấy cái đẹp qua đi hay thấy cái xấu cũng nằm ngang hàng cái đẹp. Đối với Bình Nguyên Lộc, Thiện hay Ác cũng chỉ là những yếu tố của cuộc đời trước mắt mà ông yêu không trả giá. Yêu “y như là đàn

kiến xung phong. tốp đầu liều chết đỏi lội qua tộ nước rộng hũ đường để làm cầu cho bạn đi sau vào đến nơi có chất ngọt.⁶ Bình Nguyên Lộc không bạn với những vấn đề, hãy cứ tin đi đã, đắng cay biết đâu không chỉ vì không biết tìm ra chất ngọt.

Bởi tác giả muốn nắm gọn giữa cuộc đời đáng yêu, ranh giới suy tư của Bình Nguyên Lộc lấy chính cuộc đời làm căn cứ. Một thế giới như của Thành với hòn non bộ và những cây tùng chỉ có thể là một hiện tượng của mặc cảm thất bại⁷. Điều đó chưa hẳn là đúng. Đi sâu thêm chút nữa vào thế giới siêu hình, những bện rịn của Bình Nguyên Lộc với cuộc đời đáng yêu đã khiến ông mất thăng bằng. Đó là điểm đáng chê. Nếu chỉ nhìn

6 Rừng Mắm. tr. 31

7 Kẻ chiến bại, tr. 150.

cái thế giới ở hai bên bờ sông Hồng, từ ngọn suối xa cho tới cửa biển, qua một vài ảo thuật của thầy Mười Sáng và để cho một câu nói, tầm thường của Vinh đánh đổ cả một lâu đài nhận thức, thật là một sự quá táo bạo vậy⁸.

Tuy nhiên, nếu trách Bình Nguyên Lộc xâm lăng thế giới siêu hình, người khác cũng có thể trách Bình Nguyễn Lộc tại sao không làm cho họ nổi giận, vì quả thật có những độc giả đi tìm sự nổi giận, để mà yêu những tác giả bị đời liệt vào loại đáng ghét. Cuộc cãi vã như vậy sẽ kéo dài và chúng ta sẽ phụ biết bao nhiêu sự kỳ thác của Bình Nguyên Lộc. Ông đã yêu, yêu han¹, yêu say, yêu vô điều kiện, và muốn chúng ta cũng thấm cái triết lý tin yêu đó. Tại sao ta không thể cũng yêu

⁸ Nắng chiều, tr. 191.

như Á Lìn⁹ yêu miếng cơm cho đến chết?

SĨ MỘC

CUỘC TRIỂN LÃM BẢN SAO NHỮNG THỦY MẠC ĐÔNG TÂY

Trong chương trình trao đổi văn hóa của Liên Hiệp Quốc, tổ chức văn hóa Unesco và Ủy hội văn hóa Việt Nam vừa tổ chức một cuộc triển lãm những bản sao các tranh thủy mặc Đông Tây tại phòng tranh Tự Do. Đây là một dịp để giới thưởng ngoạn nghệ thuật hội họa, ưa thích loại peinture à l'eau, có dịp thu nhận và phân tích những màu sắc, đường nét và sắc thái của loại tranh này qua những tác phẩm tiêu biểu cho nhiều

9 Tôi đồng ý với Bình Nguyên Lộc không nhận chữ l. Nhưng tại sao Bình Nguyên Lộc lại viết Lìn? Quên mất hồn xưa cũ rồi sao? (Đọc “Ăn cơm chưa” và “Hồn ma cũ”).

thời đại, nhiều quốc gia của nhiều môn phái hội họa thế giới.

Người xem tranh có thể đi từ những tấm thủy mặc thanh đạm và thuần khiết Đông phương của một vài triều đại rất xa xưa ở Trung Hoa, những tác phẩm của các thế kỷ cận đại ở Nhật Bản, qua các tác giả cổ điển ở Trung Hoa: Chu Khải Chế, Hàn Khang, Mã Thuần... Ở Nhật Bản, những Honnami Koetsu, Ogata Korin... hay thưởng thức sang tới những tác phẩm bằng bột màu của Tây phương, những tác giả quan trọng của nhiều môn phái nghệ thuật cận đại và hiện đại, những nét dã thú của Gauguin, tượng trưng của Van Gogh, siêu thực của Joan Miró và những tác phẩm giá trị của những nhân vật hội họa quen biết như Cézanne, Braque, Chagall, Picasso...

Bước vào phòng tranh, không khí màu sắc của ngót 80 tác phẩm được trưng bày cho chúng ta một cảm giác sáng và nhẹ của loại tranh dễ mang đến rung động này. Giới thưởng ngoạn nghệ thuật hội họa ở Việt Nam rất chú ý tới sự nổi bật của những tác phẩm cổ điển Đông phương, bức “Dresadge de Cheval”, thế kỷ thứ 16, của Ecole Tuss ở Nhật Bản đã tạo được ở người xem một xúc cảm thật sâu và mạnh.

Đối với những tác phẩm Tây phương, chúng ta tìm thấy kỹ thuật xếp màu sắc tài tình của những họa sĩ Pháp như Mauries de Vlaminele, Jacques Villon; lối bố cục lạ lùng của Joan Miró, người thành Barcelone; những đường nét vững chắc của Picasso...

Nói chung lại, lần triển lãm bản sao những tranh thủy mặc Đông Tây này

đã tạo được cho tổ chức văn hóa Unesco một không khí trao đổi và đón nhận, đáng khuyến khích phát triển.

Ngoài những trình bày về phòng tranh trên ra, người viết “phông” cho cuộc triển lãm này là ông Nguyễn Khắc Kham.

LÊ NGHI

TÀI LIỆU QUÝ

Con Đường Cái Quan của Phạm Duy sáng long lanh trong đêm nhạc mù sương của chúng ta hiện nay nên xứng đáng được tiếp rước một cách nồng hậu.

Tuy nhiên, không vì thế mà ta có thể “xí xóa” gọi *Con Đường Cái Quan* là một bản trường ca. Những bản ca được lựa chọn, sắp xếp theo một ý thống nhất

chưa đủ để gọi là đồng nhất vì từ bài ca nọ tới bài ca kia còn có lời giới thiệu môi giới.

Phạm Duy đưa ra *Con Đường Cái Quan* như đưa ra giới thiệu một đứa con tinh thần nhưng thật ra *Con Đường Cái Quan* chỉ là những màu, những nét, âm thanh mềm đẹp của dân tộc bị nhạc ngoại quốc chìm vào quên lãng nay được Phạm Duy trù mẩn vớt lên.

Gặp *Con Đường Cái Quan* thấy lòng mình vui và cảm động như đã từ lâu sống với cái đẹp máy móc của thành thị, bỗng được trở về quê ăn giỗ một người thân, nhìn lại những cảnh, những người, thở những mùi hương nguyên vẹn của thời xưa.

Công việc của Phạm Duy làm chỉ có thể gọi là sáng tác trong phạm vi tinh

thần – ý thức sáng tác – thật ra Phạm Duy chỉ ghi chép, tha thiết và thành khẩn ghi chép những câu nhạc ông yêu bằng cả tâm hồn của một người nghệ sĩ.

Toàn diện *Con Đường Cái Quan* chưa được hoàn toàn, dù Phạm Duy đã khôn khéo hạn chế đề tài. Vì Phạm Duy vội vàng hay vì anh chưa đủ kiên nhẫn?

Điều đáng mừng là từ nay những người ngoại quốc chỉ có dịp ghé qua Việt Nam ít ngày, không đủ thời giờ tìm hiểu nhạc Việt, sẽ có một tập tài liệu mỏng nhưng quý báu là *Con Đường Cái Quan*.

LÊ TRỌNG

GIAI ĐOẠN MỚI CỦA ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM CHƯA MỞ

Đoạn đường thứ nhất của điện ảnh Việt Nam đã qua hay vẫn còn tiếp diễn, điều đó chưa ai dám quyết đoán. Quá khứ buồn tẻ, hiện tại vô hướng và tương lai mù mịt. Nói vậy không phải là không tin vào khả năng, thiện chí của một số – một tối thiểu số – những người làm điện ảnh trong nước, nhưng trong 33 hãng sản xuất phim ảnh Việt Nam đã được thành lập, thử hỏi đã có mấy Nguyễn Thái Học “chưa thành công nhưng đã thành nhân” ? Đồng ý họ là những người mở đường khai lối để cho những người đi sau học tập kinh nghiệm – thành công cũng như thất bại – và cũng đồng ý họ là những người can đảm dám yêu nghề trong lúc nghề chưa bảo đảm được cho họ xe hơi nhà lầu, nhưng có thật họ là

những người “đã trong sạch ôm lấy một thứ tình yêu” để mở đường cho những người đi sau, hay thấy nghề làm phim trong đoạn đường thứ nhất có lợi cho việc chuyển ngân và nhập cảng nguyên liệu, máy móc theo hồi xuất chính thức? Chúng ta không thể đánh giá kết quả việc làm bằng lý thuyết và tình cảm. Nếu lý thuyết coi người mở đường là những nhân vật đáng kính thì thực tế cũng cần phải chứng minh xem “con đường mở ra sáng hay tối” để quyết định tình cảm xấu, tốt. Không phải ai cũng có thể vỗ ngực là Reynaud, Marey, Lumière, Edison, Promio, Mesguich. Mặc dầu người làm nghệ thuật thường dễ dãi về phương diện tình cảm, nhưng tình cảm cũng cần phải đặt cho đúng chỗ, đừng quá nhẹ dạ để trở thành cô con gái bị lợi dụng tiết trinh và cũng đừng khó tính để làm sồn lòng cả những người thành thật yêu nghề.

Có người lại hỏi kết quả việc làm được xét theo quan điểm nào? Có phải là đem so sánh những cuốn phim của ta trong đoạn đường thứ nhất với những xuất phẩm tô màu, màn ảnh khổ rộng của những nước ngoài? Có phải là đem cái ấu trĩ, cái nghèo nàn của phim ảnh nội hóa ra đối chiếu với cái trưởng thành, cái phong phú của phim ảnh Âu Mỹ? Không, chúng ta không cầu toàn trách bị, chúng ta cũng không cân bằng phương trình. Chúng ta chỉ phân biệt cái ấu trĩ với cái ấu tả, cái nghèo nàn với cái dốt nát, cái vụng về với cái liều lĩnh.

Điện ảnh Việt Nam đang ở trong giai đoạn phôi thai, ai cũng biết vậy. Nhưng không nên lợi dụng hai chữ “phôi thai” để mà làm phim “bất thành phim”. Chúng ta không phải là những người sống ở cuối thế kỷ thứ 19, khi mà máy

Cinématographe của Louis Lumière và Kinétoscope của Edison chưa ra đời. Ít nhất chúng ta cũng đã thừa hưởng gần 70 năm kinh nghiệm của những người đi trước. Cho nên thắc mắc của những người tha thiết với nghệ thuật thứ bảy nước nhà là đến bao giờ mới chấm dứt giai đoạn mở đường, khi mà cách đây 70 năm đã có nhiều người mở đường cho điện ảnh thế giới, Ngày hôm qua, còn có thể công nhận họ là những người “khai sơn, phá thạch” cho vùng điện ảnh bao la của xứ sở, nhưng ngày hôm nay, ngày mai họ có còn nên coi mình vẫn là những chiến sĩ tiên phong xây dựng lâu đài nghệ thuật cho người đời hưởng thụ, để rồi, năm này sang năm khác, vẫn cứ ấu tả, dốt nát, liều lĩnh, mà họ cho là có quyền làm như thế trong đoạn đường thứ nhất chẳng cú của riêng nước họ mà của bất cứ nước nào. Điện ảnh gia lão

thành John Huston, con người sống trọn vẹn với nghề đạo diễn hơn 20 năm nay, khi lên tiếng về cuốn phim đầu tiên *Le Faucon Maltais* của ông thực hiện vào năm 1941, đã gián tiếp trả lời những ai cho rằng mới vào nghề thường gặp thất bại hơn thành công: “Tôi tin rằng đây là cuốn phim xuất sắc nhất của tôi. Từ đó đến nay, tôi chưa bao giờ thực hiện được một cuốn thứ hai như thế và từ nay về sau, có lẽ *Le Faucon Maltais* vẫn là tác phẩm đầu tiên có giá trị nhất trong sự nghiệp điện ảnh của tôi.”

Vậy thì, cuốn phim thứ nhất không phải bao giờ cũng là cuốn phim tồi tệ, đoạn đường thứ nhất không phải bao giờ cũng là đoạn đường không thể sản xuất những cuốn phim hay. Biết lấy gì làm mốc để giới hạn thời gian của đoạn đường thứ nhất với giai đoạn mới của

điện ảnh ? 1959 hay 1960? Cho đến hôm nay, một phần ba của 365 ngày chúng ta đang sống đã qua mà giai đoạn mới của điện ảnh Việt Nam vẫn chưa mở. Chương trình thì nhiều nhưng bắt tay vào thực hiện thì chưa, nếu có chẳng nữa thì cũng chỉ là những hoạt động thương mại để nuôi sống phim trường. Vì thế, cần xác định: chúng ta đang ở đoạn đường thứ nhất hay đã bước vào giai đoạn mới?

Như bạn Thy Liên đã viết trong số trước, những cái gì đã thuộc về quá khứ thì nên quên đi như quên những kỷ niệm buồn, hoặc muốn nhớ lại để thấy mình đã lớn rồi cũng được, nhưng xin đừng phỉ báng những con người đã trong sạch ôm lấy một thứ tình yêu. Không gì xác đáng và chân thành bằng. Nhưng đã có thể lấy ngày hôm nay làm cái mốc phân chia quá khứ đáng quên với hiện tại đáng

nhớ chưa, hay là cho đến muôn đời, hiện tại và tương lai vẫn chỉ là những kỷ niệm tẻ buồn của quá khứ? Đã có thể trưởng thành từ ngày hôm nay chưa hay còn phải mất mười, mười lăm năm nữa mới thấy mình đã lớn? Và có nên dễ dãi cho rằng tất cả mọi người đeo “chiều bài điện ảnh” đều trong sạch với tình yêu nghệ thuật, khi mà những “nhân vật” mở đường trong các hãng phim Việt Nam không phải ai cũng là người can đảm, yêu nghề và có thiện tâm, thiện chí với nền điện ảnh xứ sở?

QUỐC PHONG

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI
TRUNG HỌC TƯ THỰC
THỦ KHOA

52-54, Nguyễn khắc Nhu – SAIGON

Từ đệ Thất đến đệ Nhất – Khai giảng
ngày 16-5-1960 – Các lớp triết học đệ
Nhất A.B.C. của Ô. Trần bích Lan khai
giảng ngày 17-5-1960.

HỘP THƯ

Chúng tôi đã nhận được văn, thơ và
thư của các bạn:

Xuân Dưỡng – Đan Tâm – Vũ thế
Phương – Dạ Trúc – Sơn Nam – Diệu

Thanh – Thiên Trang – Hoài Anh – Anh
Vân – Ái Đình – Uyển Thần – Hoài Mộng
Linh – Phượng – Xuân Liệu – Hà Li Hải
- Nguyễn Phúc Viên – Huyền Linh –
Diễm Ylang – Vân Hạc Châu Lang – Lê
Ngọc Việt – Vy Thy – Hoàng Trúc Linh
– Trúc Anh Tâm – Mai Khúc Hải – Thái
Trầm Tư – Thạch Nhân – Nguyễn Văn
Thái – Nguyễn Đức Sơn – Đinh Văn
Quý – Chân Ly – Chinh Yên – Phan Duy
Nhân – Phương Quý – Diệp Dạ Từ – Lê
Duy Hoàng – Lan Anh – Ngô Như Hoa
– Thy Tym – Mai Trúc Chi – Dạ Vũ –
Thái Thiên Thanh – Võ Minh Khanh –
Lệ Hân – Ngũ Yên – Nguyễn Văn Thái
– Bích Kiều – Mai Hương – Thái Tú Hạp
– Trần Đại – Lê Ngọc Quý – Hồ Duy
Khóa – Bích Hoài – Thanh Việt Thanh –
Nguyễn Văn – Kiều Mai Hương.

Chúng tôi sẽ lần lượt trả lời các bạn bằng thư riêng. Các bạn không đề địa chỉ trong thư gửi tới xin vui lòng cho biết.
Thân ái. H.D

* L. H. C. mời lại tòa soạn. N. S.

Kiểm duyệt số 854/XB - H.Đ.K.D.
ngày 19-5-1960

